

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01/04/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/06/2020)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Trụ sở chính : Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : (0258) 3854 307 Fax: (0258) 3854 536
Website : www.camranhport.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Trụ sở chính : Tầng 12 tòa nhà CDC số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 6969
Website : www.irs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Ông Nguyễn Huy Phương
Điện thoại : (0258) 3854 145 Fax: (0258) 3854 536
Chức vụ : Kế toán trưởng

Cam Ranh, năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01/04/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/06/2020)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (0258) 3854 307 Fax: (0258) 3854 536

Website : www.camranhport.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: CCR
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 24.501.817 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 245.018.170.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ : Tầng 5 Tháp B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 5678 3999 Fax: (84.24) 3755 7446

Website : <https://www.uhy.vn/vi>

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 12 tòa nhà CDC số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (024) 3944 6666 Fax : (024) 3944 6969

Website : <http://www.irs.com.vn/>

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù của ngành.....	12
4. Rủi ro khác	14
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
1. Tổ chức niêm yết.....	15
2. Tổ chức tư vấn.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	17
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	22
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	26
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	27
6. Hoạt động kinh doanh	28
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	60
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	66
9. Chính sách đối với người lao động	70
10. Chính sách cổ tức	74
11. Tình hình hoạt động tài chính	74
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	94
13. Tài sản	108
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2021	112
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	117
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết..	117
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	117
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	117
1. Loại Chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	117
2. Mã chứng khoán: CCR.....	117
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	117
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	117
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	117
6. Phương pháp tính giá	119
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	120



8. Các loại thuế có liên quan	120
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	121
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:.....	121
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:.....	121
VII. PHỤ LỤC	122

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 09/09/2021	26
Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/09/2021	26
Bảng số 3: Các loại máy móc, thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa	30
Bảng số 4: Sản lượng hàng thông qua và sản lượng dịch vụ hàng hải	36
Bảng số 5: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ	39
Bảng số 6: Cơ cấu Doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)	41
Bảng số 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ	44
Bảng số 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)	45
Bảng số 9: Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty	47
Bảng số 10: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty mẹ	49
Bảng số 11: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty (Hợp nhất)	50
Bảng số 12: Danh mục máy móc, trang thiết bị thi công của Công ty	53
Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện	58
Bảng số 14: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ	61
Bảng số 15: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	61
Bảng số 16: Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp cùng ngành năm 2020	67
Bảng số 17: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/05/2021	70
Bảng số 18: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất	74
Bảng số 19: Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty	75
giai đoạn 2017-2020	75
Bảng số 20: Thu nhập bình quân của người lao động tại một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận hành cảng biển năm 2020	75
Bảng số 21: Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty mẹ	76
Bảng số 22: Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)	76
Bảng số 23: Số dư trích lập các quỹ Công ty mẹ	76
Bảng số 24: Số dư trích lập các quỹ Công ty (Hợp nhất)	76
Bảng số 25: Cơ cấu dư nợ vay của Công ty mẹ	77
Bảng số 26: Cơ cấu dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)	77
Bảng số 27: Các khoản phải thu của Công ty mẹ	78
Bảng số 28: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)	79
Bảng số 29: Các khoản nợ xấu của Công ty mẹ và Hợp nhất	81
Bảng số 30: Các khoản phải trả của Công ty mẹ	81
Bảng số 31: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)	83
Bảng số 32: Doanh thu chưa thực hiện Công ty mẹ	86
Bảng số 33: Doanh thu chưa thực hiện Công ty (Hợp nhất)	86
Bảng số 34: Hàng tồn kho của Công ty mẹ	87
Bảng số 35: Hàng tồn kho của Công ty (Hợp nhất)	87
Bảng số 36: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ	87
Bảng số 37: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty (Hợp nhất)	88
Bảng số 38: Các khoản chi phí trả trước Công ty mẹ	89

Bảng số 39: Các khoản chi phí trả trước Công ty (Hợp nhất)	89
Bảng số 40: Các chỉ tiêu tài chính	91
Bảng số 41: Các dự án đã triển khai trong năm 2020	92
Bảng số 42: Các dự án sửa chữa trong năm 2020	93
Bảng số 43: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	94
Bảng số 44: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát	94
Bảng số 45: Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	94
Bảng số 46: Tình hình tài sản cố định của Công ty mẹ	108
Bảng số 47: Tình hình tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)	109
Bảng số 48: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty mẹ	111
Bảng số 49: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty (Hợp nhất)	111
Bảng số 50: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức	113
Bảng số 51: Các Dự án/ công trình chuyển tiếp từ năm 2020 và khởi công năm 2021 .	115
Bảng số 52: Kế hoạch chi phí sửa chữa năm 2021	116
Bảng số 53: Danh sách và số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	118
Bảng số 54: Giá trị sổ sách của Công ty	119

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình số 1: Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020	8
Hình số 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2020	10
Hình số 3. Hình ảnh một số máy móc, thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa	31
Hình số 4: Nhiều linh kiện, thiết bị của các dự án điện gió tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đều được nhập và bốc dỡ an toàn tại Cảng Cam Ranh	32
Hình số 5: Luồng vào Cảng	33
Hình số 6: Bến Cảng Cam Ranh	33
Hình số 7: Hình ảnh một số tàu vận chuyển hàng hóa tại Cảng	34
Hình số 8: Hình ảnh Kho bãi lưu giữ hàng hóa tại Cảng.....	35
Hình số 9: Hình ảnh Hội nghị người lao động được tổ chức tại Hội trường	72
Hình số 10: Hình ảnh Công ty tổ chức tham quan, du lịch hàng năm.....	73

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

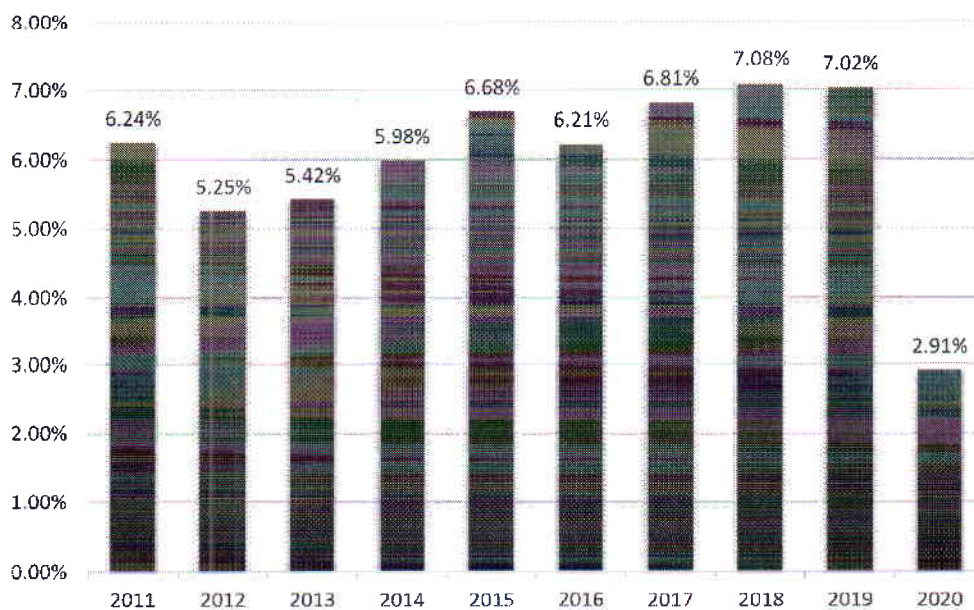
Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên nếu nền kinh tế suy thoái, các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao làm cho các nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh là rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ.

Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới. GDP năm 2018 của Việt Nam tăng 7,08%, đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%.

Hình số 1: Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020



(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục thống kê)

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm

trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020, tăng trưởng kinh tế cho thấy sự ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh, phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh với mức tăng trưởng lần lượt trong quý I đạt 3,68%, quý II đạt 0,39%, quý III đạt 2,69%, và quý IV đạt 4,48%. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế.

Dưới tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 là chất xúc tác làm đẩy nhanh sự dịch chuyển dòng vốn FDI vào Trung Quốc sang các nước lân cận và Đông Nam Á là một trong những điểm đến được lựa chọn, trong đó có Việt Nam. Thêm vào đó, các chuyến tàu hàng không thể cập bến Trung Quốc sẽ tìm đường đến những nước khác trong khu vực điều này làm tăng nhu cầu kho vận, xếp dỡ và đây là cơ hội cho ngành cảng biển nói chung và Cảng Cam Ranh nói riêng. Tuy nhiên, để có thể đón đầu được những cơ hội này, các cảng trong nước phải có sự chuẩn bị về cơ sở hạ tầng, bến cảng cần cải tiến công nghệ hiện đại để có thể cạnh tranh với các cảng trong khu vực và đáp ứng được nhu cầu gia tăng trong thời gian tới.

Bước sang năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, nhiều nước đối mặt với làn sóng dịch bệnh mới, kinh tế thế giới được dự báo sẽ phục hồi với tốc độ tăng trưởng khá nhưng vẫn sẽ còn phải đối mặt với nhiều rủi ro. Trong nước, theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê trong 06 tháng đầu năm 2021, mặc dù dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương từ cuối tháng Tư, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 06 tháng tăng 5,64% cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Kết quả này cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự chung sức, đồng lòng của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước và lực lượng tuyến đầu chống dịch để kiểm soát dịch bệnh, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%, đóng góp 8,17% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%, đóng góp 59,05%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 32,78%.”¹

1.2. Rủi ro lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp. Mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Dịch Covid-19 đã làm cho một số doanh nghiệp dừng hoạt động, ảnh hưởng đến nguồn thu của công ty, điều này dẫn đến khó khăn trong việc chi trả nợ vay cho ngân hàng. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và vực dậy nền kinh tế, Ngân hàng nhà nước đã tiến hành nhiều đợt cắt giảm lãi suất điều hành, cụ thể lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 4%, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4% xuống 2,5%. Đồng thời, lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng giảm và được xem là mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Lãi suất vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ở mức 4,5%/năm. Trong khi đó, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng

¹ Tổng cục Thống kê, Kinh tế 6 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng khá bất chấp dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/07/kinh-te-6-thang-dau-nam-2021-tang-truong-kha-bat-chap-dich-covid-19-dien-bien-phuc-tap/>

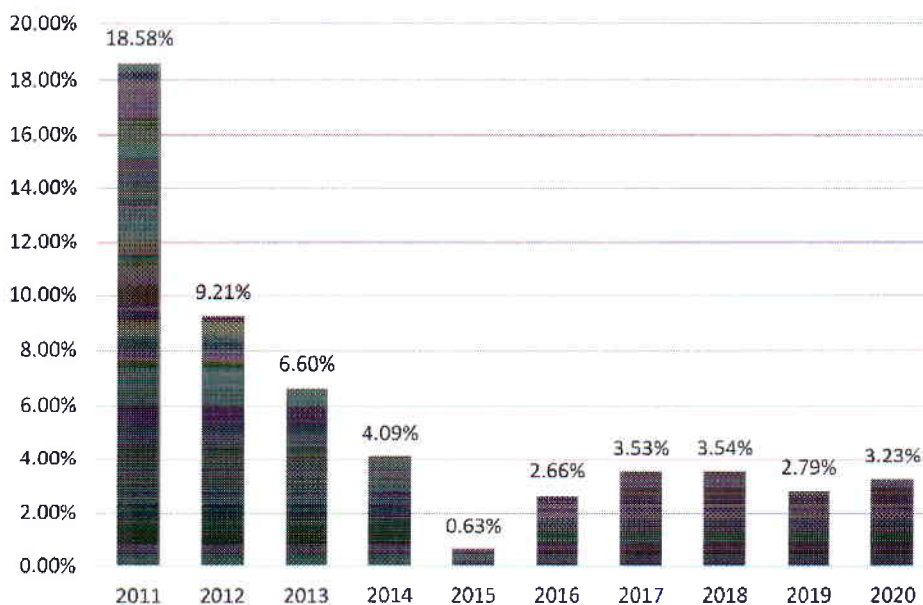
USD ở mức 3,0 - 4,5%/năm. Thêm vào đó, năm 2021 là năm có những thay đổi trong chính sách cho vay bằng ngoại tệ khi lãi suất tham chiếu LIBOR bị khai tử và sẽ thay thế bởi những lãi suất tham chiếu khác. Điều này sẽ dẫn đến một số thay đổi trong chính sách, hợp đồng cho vay để đáp ứng yêu cầu chặt chẽ hơn.

Đối với Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nguồn vốn cho đầu tư được huy động chủ yếu đến từ các khoản vay tài chính. Vì vậy, nếu lãi suất cho vay có sự biến động cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là trong giai đoạn Công ty cần nguồn vốn vay lớn để đầu tư, phát triển các bến cảng nhằm phục vụ cho nhu cầu khai thác hàng hóa qua cảng trong thời gian tới. Công ty vẫn cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay từ đó cơ cấu lại nguồn vốn, giảm thiểu tối đa rủi ro đến từ biến động lãi suất.

1.3. Rủi ro lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo số liệu được công bố trong những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đang được kiểm soát ở mức ổn định.

Hình số 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2020



(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Thống kê)

Trong những năm gần đây, lạm phát luôn được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm. Dưới tác động của dịch Covid-19 đã tạo nên những biến động trong giá cả hàng hóa, đặc biệt tăng đột biến vào những tháng đầu năm dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu của Quốc hội gặp khó khăn. Xu hướng tăng của lạm phát chủ yếu do giá thịt lợn tăng 57,23% so với năm trước do chưa đảm bảo nguồn cung, giá gạo tăng 5,14% do giá gạo xuất khẩu tăng nhờ chất lượng gạo được cải thiện và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, CPI bình quân năm 2020 đã tăng 3,23% so với 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Bước sang những tháng đầu năm 2021, CPI quý II tăng 0,45% so với quý trước và tăng 2,67% so với cùng kỳ năm 2020; CPI bình quân 6 tháng đầu tăng 1,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu khiến CPI 6 tháng đầu năm tăng là do giá xăng dầu

trong nước đã tăng 17,01% so với cùng kỳ năm trước, giá gas tăng 16,51% và giá dịch vụ giáo dục tăng 4,47%,... Tuy nhiên, đây vẫn là mức tăng thấp nhất trong các năm từ 2016 cho đến nay, một phần do nhu cầu tiêu dùng trong nước yếu từ tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

Lạm phát tăng sẽ khiến chi phí nhân công, chi phí cung cấp dịch vụ của Công ty tăng cao. Với những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới trong năm 2021, nền kinh tế vẫn còn phải đối mặt với những nguy cơ bất ổn và lạm phát có thể quay trở lại bất cứ lúc nào. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh quan tâm và theo dõi chặt chẽ để có các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình, đồng thời, Công ty luôn phải tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và chủ động trong công tác dự báo kinh tế vĩ mô.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Là loại rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Giá USD năm 2020 giảm do một trong những nguyên nhân sau: Chính sách nới lỏng tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), bao gồm hạ lãi suất ngắn hạn xuống mức gần 0% và bơm tiền mua tài sản tài chính (nới lỏng định lượng - QE), đã khiến cho đồng USD giảm giá mạnh trên thị trường tiền tệ thế giới. Tính từ ngày 23/3/2020 đến tháng 12/2020, chỉ số USD INDEX đã giảm từ mức 103,0 điểm xuống còn 89,5 điểm, tương đương mức giảm khoảng 13%. Trong năm 2020, Việt Nam đã đạt được mức thặng dư thương mại cao kỷ lục từ trước đến nay là 19,1 tỷ USD, việc Việt Nam xuất siêu quy mô lớn xuất phát từ 2 nguyên nhân chính, bao gồm: (i) xu hướng giảm giá của đồng USD trên thị trường thế giới đã tạo ra một số lợi thế cạnh tranh cho các hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam so với hàng hóa xuất khẩu của các nước trong khu vực. Nhờ đó, xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2020 vẫn đạt mức tăng trưởng 6,5%, bất chấp dịch bệnh Covid-19; (ii) sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19, tổng cầu của nền kinh tế Việt Nam bị suy yếu nghiêm trọng. Tăng trưởng GDP chỉ đạt mức 2,91%, còn tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong năm 2020 đã giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước sau khi loại trừ yếu tố giá. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến nhập khẩu trong năm 2020 chỉ tăng 3,6%.

Nếu đồng USD tiếp tục xu hướng giảm giá trong năm 2021, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ xu hướng này. Về nhập khẩu, trong năm 2021, khi kinh tế Việt Nam phục hồi, nhập khẩu sẽ tăng nhanh hơn. Tuy nhiên, do nhiều ngành dịch vụ như du lịch, hàng không, khách sạn vẫn còn khó khăn, khả năng kinh tế chưa thể phục hồi hoàn toàn và nhập khẩu cũng vậy. Nhiều khả năng Việt Nam sẽ vẫn xuất siêu trong năm 2021, dù quy mô có thể không lớn như năm 2020. Do đó, sức ép khiến VND lên tỷ giá sẽ vẫn được duy trì. Cùng với kinh nghiệm điều hành tỷ giá trong những năm qua, Ngân hàng nhà nước có đủ các công cụ và thuận lợi để thực hiện mục tiêu: kinh tế vĩ mô của Việt Nam dự kiến tiếp tục đà tăng trưởng và vĩ mô ổn định; quan hệ cung - cầu ngoại tệ ở trạng thái tích cực; dự trữ ngoại hối có xu hướng tăng dần qua các năm, đảm bảo cho Ngân hàng nhà nước có thể can thiệp và ổn định thị trường.

Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động, theo sát các biến động tỷ giá của thế giới và Việt Nam để có sự điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc

gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Là một Công ty cổ phần đang được giao dịch trên hệ thống đăng ký giao dịch UPCOM, ngoài việc chịu ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Bên cạnh đó, với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng biển, Công ty còn phải chịu sự chi phối từ Luật Thương mại, Luật Giao thông vận tải, Bộ luật Lao động, Bộ luật Hàng hải,... Vào tháng 11/2019, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019, có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 với các nội dung đáng chú ý như: sửa đổi liên quan đến hợp đồng lao động, quy định mới về thử việc, bãi bỏ và bổ sung các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động, tăng tuổi nghỉ hưu, thành lập tổ chức công đoàn độc lập.

Ngoài ra cũng trong năm 2019, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Chứng khoán mới có hiệu lực vào 01/01/2021 với nhiều nội dung quan trọng được đổi mới như: quy định về công bố thông tin, việc quản trị Công ty đại chúng; Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 với những quy định mới như: quy định về cơ cấu quản lý công ty cổ phần, tổ chức quản trị công ty cổ phần. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam đang dần hội nhập với thế giới đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các nước trên thế giới, một số hiệp định thương mại tự do (FTA) đã được triển khai như: Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực vào ngày 14/01/2019, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực kể từ 01/08/2020, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKFTA) có hiệu lực kể từ 31/12/2020 đã tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy đáng kể thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trong khối.

Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của Nhà nước được thay đổi dần để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. Khi có sự thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

❖ Giá nguyên, nhiên vật liệu:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh bốc xếp hàng hóa và dịch vụ lưu kho bãi, doanh thu của Công ty còn đến từ hoạt động vận tải và cung ứng xăng dầu. Đây là mặt hàng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nhưng lại phụ thuộc lớn vào biến động giá dầu thế giới.

Năm 2020, thị trường dầu thô đã trải qua cuộc khủng hoảng chưa có tiền lệ trong lịch sử. Giá dầu thế giới sụt giảm mạnh trong quý I của năm 2020. Cụ thể, dầu thô Brent đã giảm từ gần 70 USD/thùng vào đầu tháng 01/2020 xuống dưới 20 USD/thùng vào tháng 4/2020 do tác động kép của dịch Covid-19 và cuộc chiến về giá nhằm giành giật thị phần giữa các “đại gia” dầu mỏ Ả Rập Xê Út và Nga. Đây là mức thấp nhất trong hơn 18 năm qua, trước khi phục hồi lên khoảng 50 USD/thùng trong tháng 12/2020. Thậm chí, dầu thô WTI còn xuống tới mức giá âm lần đầu tiên tại phiên giao dịch ngày 20/4/2020. Năm 2020 cũng là năm chứng kiến “cú sốc” về giảm nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ. Việc Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và đối tác (OPEC+) phải cắt giảm sản lượng ở mức kỷ lục 9,7 triệu thùng/ngày,

tương đương gần 10% nguồn cung toàn cầu, nhằm cân bằng thị trường trong trung hạn cho thấy nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ đã giảm nhiều so với trước đó. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch Covid-19 dần được kiểm soát cũng như các quốc gia trên thế giới đang nỗ lực triển khai vắc-xin phòng dịch, các hoạt động kinh doanh ở nhiều nền kinh tế có dấu hiệu khả quan hơn, nhu cầu về dầu thô dần hồi phục và giá dầu đã tăng trở lại trong 6 tháng cuối năm 2020 khi thị trường dầu thô toàn cầu hợp lý hóa nguồn cung².

Trong quý I/2021, giá cả các mặt hàng năng lượng tăng 1/3 so với cùng kỳ năm trước. Sau khi giảm kỷ lục, giá dầu thô phục hồi nhanh nhất và lên đến gần 70 USD/thùng vào giữa tháng 3/2021, trước khi giảm trở lại xuống mức giá 63 USD/thùng vào nửa đầu tháng 4/2021. Kết thúc quý 1/2021, tổng tiêu thụ dầu thế giới đã hồi phục lên mức 96 triệu thùng/ngày, thấp hơn 5% so với mức trước dịch. Trong tương lai, giá dầu được dự báo sẽ đạt mức giá trung bình 56 USD/thùng trong năm 2021, tăng trên 1/3 so với năm trước, sau đó tiếp tục tăng nhẹ lên mức giá 60 USD/thùng vào năm 2022 cùng với xu hướng tăng nhu cầu, ghi nhận mức tăng đáng kể so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2020. Điều chỉnh này phản ánh triển vọng kinh tế lạc quan trên toàn cầu, sản lượng dầu của OPEC và các nước đối tác tăng dần ở mức cao hơn so với kỳ vọng trước đây. Tuy nhiên, nếu đại dịch tiếp tục bùng phát, nhu cầu sẽ sụt giảm mạnh, và gây áp lực giảm giá dầu³.

Việc giá xăng dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, đặc biệt là đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật thông tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

❖ **Thời tiết:**

Việc vận chuyển hàng hóa qua Cảng chịu tác động khá lớn từ thời tiết, đặc biệt khi khu vực hoạt động xảy ra thiên tai, lũ lụt có thể khiến các hoạt động kinh doanh phải tạm ngưng, đồng thời gây khó khăn và thiệt hại cho các chuyến vận chuyển đang lưu thông và có thể ảnh hưởng tới các bên liên quan.

❖ **Rủi ro cạnh tranh:**

Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được đánh giá là khu vực có kinh tế phát triển chậm hơn so với các vùng miền khác trong cả nước. Tổng sản lượng hàng hóa lưu thông, xuất, nhập của khu vực trong các năm qua ước tính khoảng hơn 15 triệu tấn/năm, tập trung xuất, nhập nhiều bằng đường biển thông qua các cảng như Cảng Quy Nhơn, Cảng Cam Ranh và các Cảng khu vực Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh; số ít còn lại xuất, nhập qua các cảng khác tại khu vực và xuất, nhập qua đường bộ, đường sắt. Hàng hóa chủ yếu là khoáng sản, nông, lâm, thủy sản, còn lại là hàng công nghiệp như thiết bị, dệt may, giày da, thực phẩm, phân bón, clinke, xi măng....

Tuy nằm trong khu vực chậm phát triển, sản lượng hàng hóa ít, nhưng có rất nhiều cảng biển cùng tham gia kinh doanh khai thác dịch vụ cảng biển như: Cảng Quy Nhơn, Cảng Vũng Rô, Cảng Đầm Môn, Cảng Bắc Vân Phong, Cảng Nam Vân Phong, Cảng Hòn Khói, Cảng Quốc tế Cam Ranh, Cảng Ninh Chữ, Cảng Cà Ná, Cảng Quốc tế Vĩnh Tân và một số cảng tại khu vực Đồng Nai, Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Với đặc thù và lợi thế khác nhau, mỗi Cảng cố gắng cạnh tranh thu hút hàng hóa thông qua phát huy các lợi thế của mình.

Ngoài các doanh nghiệp khai thác cảng trên, Cảng Cam Ranh còn có các đối thủ cạnh

² <https://petrovietnam.petrotimes.vn/nhung-diem-chu-y-ve-thi-truong-dau-mo-2021-600195.html>

³ <https://thitruongtaichinhthiente.vn/wb-du-bao-gia-dau-vang-tang-manh-trong-nam-2021-35629.html>

tranh khác là các đơn vị vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sắt. Do ưu thế về thời gian vận tải trên cung đường < 400km, hiện tại, các container xuất, nhập tại khu vực Khánh Hòa, Đắk Lắk, Nam Tây Nguyên đều được vận chuyển bằng hai tuyến vận tải đường bộ về các cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh thay vì xuống cảng biển miền Trung.

❖ **Rủi ro về nguồn hàng:**

Thị trường hàng hóa tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được đánh giá là nhỏ hẹp, kinh tế chậm phát triển hơn so với các khu vực, vùng miền khác của cả nước. Các khu công nghiệp, hoặc khu chế xuất mặc dù được quan tâm quy hoạch, nhưng không thu hút được các nhà đầu tư. Hàng hóa chủ yếu là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản như: cà phê, hồ tiêu, sản lát, bắp hạt, dăm gỗ, cá đông lạnh, muối,... cùng với các mặt hàng khoáng sản khác như: Cát, đá, alumina và một số mặt hàng vật liệu xây dựng và công nghiệp như: sắt, thép, xi măng, thiết bị,... nhưng nhìn chung sản lượng không lớn. Trong cơ cấu sản lượng của các mặt hàng trên, tập trung phần lớn ở các mặt hàng dăm gỗ, alumina và đá xây dựng.

Đối với mặt hàng dăm gỗ, tuy có sản lượng lớn nhưng Cảng Cam Ranh gặp bất lợi trong lợi thế cạnh tranh về cầu bến, về cự ly vận chuyển từ vùng nguyên liệu rừng trồng đến cảng so với các cảng khác trong khu vực. Bên cạnh đó, mặt hàng này cũng gặp rủi ro về thời tiết, về thị trường xuất khẩu trong trường hợp mưa bão và nhu cầu thị trường giảm.

Đối với mặt hàng alumina, mặc dù đã được Cảng Cam Ranh cố gắng tập trung thu hút bằng các chính sách ưu đãi về giá, về cầu bến, kho, bãi, về hỗ trợ, chăm sóc khách hàng, nhưng vẫn chưa thu hút được do gặp bất lợi về hạ tầng giao thông kết nối sau cảng và một số nguyên nhân khách quan khác.

Đối với mặt hàng đá xây dựng, đây là mặt hàng khoáng sản có trữ lượng lớn, nhưng giá trị thấp. Mặt hàng này chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường Singapore, Bangladesh và Đài Loan, nhưng thị trường xuất khẩu không ổn định, cộng với rủi ro về chính sách hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô của Chính phủ.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

Đơn cử các hoạt động thương mại bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi đại dịch Covid-19 xảy ra, gây những tác động tiêu cực đến lĩnh vực vận tải container bằng đường biển và các chuỗi logistics khiến hàng hóa bị mắc kẹt và thiệt hại gia tăng. Một khi dịch bệnh không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm gián đoạn các chuỗi cung ứng toàn cầu và khiến nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động. Các hoạt động thông quan cũng vì vậy mà bị chậm trễ. Nếu nguy cơ xảy ra tại Việt Nam sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến các công ty trong ngành cảng biển. Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất, vận tải trong và ngoài nước, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu cũng như doanh thu của Công ty đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Do đó, Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch, thực hiện các biện pháp phòng tránh bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Ông	: Phạm Hữu Tấn	Chức vụ	: Chủ tịch HĐQT
Ông	: Nguyễn Việt Nhân	Chức vụ	: Tổng Giám đốc
Ông	: Nguyễn Huy Phương	Chức vụ	: Kế toán trưởng
Bà	: Dương Thị Hồng Hạnh	Chức vụ	: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thu Hương

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết số 45/2021/TVNY/IRS-CCR ký ngày 28/04/2021 với Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Khái niệm

- Công ty** là Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01/04/2009 và cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 03/06/2020.
- Bản cáo bạch** là Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Cổ phần** là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu** là Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
- Cổ đông** là Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- Cổ tức** là Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- Đại hội đồng cổ đông** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.
- Hội đồng quản trị** là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

9. *Ban kiểm soát* là Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.
10. *Ban Tổng Giám đốc* là Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.
11. *Vốn điều lệ* là Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
12. *Tổ chức niêm yết* là Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.
13. *Tổ chức kiểm toán* là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.


Từ viết tắt

ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
BKS	:	Ban Kiểm soát
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BCTC	:	Báo cáo tài chính
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
CTCP	:	Công ty cổ phần
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
KCN	:	Khu công nghiệp
BHLĐ	:	Bảo hiểm lao động
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
BHTN	:	Bảo hiểm thất nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
DTT	:	Doanh thu thuần
LN	:	Lợi nhuận

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
- Tên tiếng Anh : CAMRANH PORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : CẢNG CAM RANH
- Trụ sở chính : 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : (0258) 3854 307 Fax: (0258) 3854 536
- Logo : 
- Website : <http://camranhport.vn/>
- Giấy Chứng nhận ĐKDN số : 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01/04/2009 và cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 03/06/2020
- Vốn điều lệ đăng ký : 245.018.170.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp : 245.018.170.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*)
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Việt Nhâm - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
- Mã chứng khoán : CCR
- ***Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:***

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224 (Chính)
2	Vận tải hành khách bằng đường bộ khác	4932
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
6	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
8	Đại lý du lịch	7911
9	Điều hành tua du lịch	7912
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
12	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ, tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan	5229
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng	6810
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
19	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa container	3311
25	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

STT	Tên ngành	Mã ngành
26	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
27	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ	1629
28	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4730
29	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4661
30	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
31	Cho thuê xe có động cơ	7710
32	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730

- Địa điểm kinh doanh chính của Công ty đặt tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống quan hệ kinh doanh với khách hàng là các chủ tàu, chủ hàng, đại lý hàng hải, vận tải biển.

1.2 Quá trình hình thành phát triển

Thời gian	Mô tả
Năm 1991	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tiền thân là Cảng Ba Ngòi - được thành lập theo Quyết định số 589/QĐ-UB ngày 30/5/1991 của UBND tỉnh Khánh Hòa, trên cơ sở tách ra từ cụm Cảng Nha Trang - Ba Ngòi, là loại hình Công ty nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa, cơ quan chủ quản trực tiếp là Sở Giao thông Vận tải tỉnh Khánh Hòa. Từ ngày 01/6/1991 đến ngày 31/10/1991, thực hiện thủ tục bàn giao giữa Cảng Nha Trang và Cảng Ba Ngòi. Ngày 01/11/1991, Cảng Ba Ngòi chính thức đi vào hoạt động.
Năm 2007	Cảng Ba Ngòi được chuyển giao nguyên trạng thành Công ty nhà nước, thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 1070/QĐ-HĐQT ngày 24/10/2007 của HĐQT Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
Năm 2009	Ngày 16/01/2009, Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 168/QĐ-BGTVT chuyển đổi Cảng Ba Ngòi, công ty thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, sang mô hình động Công ty TNHH một thành viên vốn nhà nước, tên gọi là Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh (gọi tắt là Cảng Cam Ranh) do

	<p>Vinalines làm chủ sở hữu. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 01/04/2009 với vốn điều lệ là 64.598.049.603 đồng với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là bốc xếp hàng hóa tại Cảng và kinh doanh xăng dầu.</p>
Năm 2011	<p>Ngày 31/10/2011, Tổng Công ty Hàng Hải (Vinalines) đã thực hiện tăng vốn góp sở hữu tại Công ty, do đó vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã tăng lên 66.286.902.136 đồng.</p>
Năm 2014	<p>Ngày 19/3/2014, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành Nghị quyết số 749/NQ-HHVN về kế hoạch thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, trong đó phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh năm 2014, thời điểm để xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 01/01/2014</p>
	<p>Ngày 28/01/2015, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành Quyết định số 38/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh thành Công ty cổ phần. Theo Quyết định này, vốn điều lệ dự kiến khi cổ phần hóa là 264.515.990.000 đồng, trong đó, tỷ lệ sở hữu vốn của Nhà nước dự kiến là 51%.</p>
Năm 2015	<p>Ngày 16/3/2015, tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh tại SGDCK Hà Nội, với số lượng đem ra đấu giá là 6.087.092 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu đấu giá thành công là 582.000 cổ phiếu và giá đấu thành công bình quân là 10.172 đồng/cổ phiếu. Sau khi đấu giá thành công thì tỷ lệ sở hữu nhà nước còn lại tại Công ty là 80,9% vốn điều lệ.</p>
	<p>Ngày 12/6/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh</p>
	<p>Ngày 25/6/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 cấp thay đổi lần thứ 3, chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, với vốn điều lệ là 245.018.170.000 đồng.</p>
	<p>Ngày 20/8/2015, Công ty được chấp thuận Đăng ký công ty đại chúng theo Thông báo số 5194/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN)</p>

	<p>Ngày 10/9/2015, Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán HN cấp Quyết định đăng ký giao dịch số 589/QĐ-SGDHN. Ngày 24/9/2015 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu công ty trên hệ thống giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 24.501.817 cổ phiếu.</p>
Năm 2019	<p>Ngày 23/5/2019, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã thoái vốn thành công toàn bộ phần vốn góp tại Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh thông qua hình thức đấu giá công khai, với số cổ phần chuyển nhượng là 5.000 cổ phần (tỷ lệ 3,03% vốn điều lệ) và giá chuyển nhượng là 108.400 đồng/cổ phần.</p>
Năm 2020	<p>Ngày 03/06/2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 thay đổi lần thứ 4 do Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật.</p> <p>Ngày 16/10/2020, Công ty khai trương tuyến container nội địa kết nối các cảng đầu mối Hải Phòng - Cam Ranh - Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

1.3 Một số thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động

Thời gian	Thành tựu đạt được
Giai đoạn từ khi thành lập 1991 đến 2007	<p>Công ty là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa, 16 năm liền hoàn thành toàn diện và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhà nước giao. Hoạt động Công ty luôn tuân thủ pháp luật nhà nước, đạt hiệu quả lợi nhuận, bảo toàn vốn nhà nước. Được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng III (Quyết định số 681/2005 ngày 30/6/2005)</p>
Giai đoạn từ 2007 đến 2010	<p>Cảng Cam Ranh là công ty con 100% vốn của Vinalines, hoạt động kinh doanh của Cảng Cam Ranh luôn đạt hiệu quả và bảo toàn vốn. Công ty luôn tuân thủ pháp luật và chỉ đạo của Công ty mẹ Vinalines, các năm liền đều được HĐQT của Vinalines xếp hạng doanh nghiệp nhà nước loại A, được Bộ GTVT tặng cờ thi đua xuất sắc 2 năm liền 2009-2010.</p>
Năm 2011	<p>Được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng II.</p>
Năm 2012	<p>Được xếp vào danh sách FAST500 - Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam.</p>
Năm 2013	<p>Nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.</p>
Năm 2014	<p>Nhận được Cờ thi đua của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 07/QĐ-HHVN ngày 13/01/2015 do Chủ tịch Nguyễn Ngọc Huệ ký và Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" của Bộ GTVT theo Quyết định số 3823/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2015 do Bộ trưởng BGTVT Đinh La Thăng ký.</p>

Năm 2015	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” của Bộ GTVT theo QĐ số 2391/QĐ-BGTVT ngày 02/08/2016, Bộ trưởng Trương Quang Nghĩa ký.
Năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 09/02/2017 do Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình ký; - Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 do Chủ tịch Lê Đức Vinh ký; - Giấy khen của Sở Tài chính theo Quyết định số 234/QĐ-STC ngày 11/10/2016 do Giám đốc Lê Hữu Hoàng ký.
Năm 2018	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ thi đua của Bộ lao động Thương binh Xã hội theo Quyết định số 609/QĐ-LĐTBXH ngày 05/05/2019 do Bộ trưởng Đào Ngọc Du ký; - Cờ thi đua của Tổng liên đoàn LĐ Việt Nam theo Quyết định số 157/QĐ-TLĐ ngày 11/01/2018 do Chủ tịch Bùi Văn Cường ký.
Năm 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ thi đua của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 354/QĐ-HHVN ngày 29/10/2019 do Chủ tịch Lê Anh Sơn ký; - Cờ thi đua của Thủ tướng theo Quyết định số 1503/QĐ-TTg ngày 01/11/2019 do Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình ký; - Bằng khen của Công đoàn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 126/QĐ-CĐHHVN ngày 10/7/2019 do Chủ tịch Lê Phan Linh ký.
Năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ thi đua của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 22/QĐ-HHVN ngày 25/01/2021 do Chủ tịch Lê Anh Sơn ký; - Bằng khen của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 21/QĐ-HHVN ngày 25/01/2021 do Chủ tịch Lê Anh Sơn ký.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

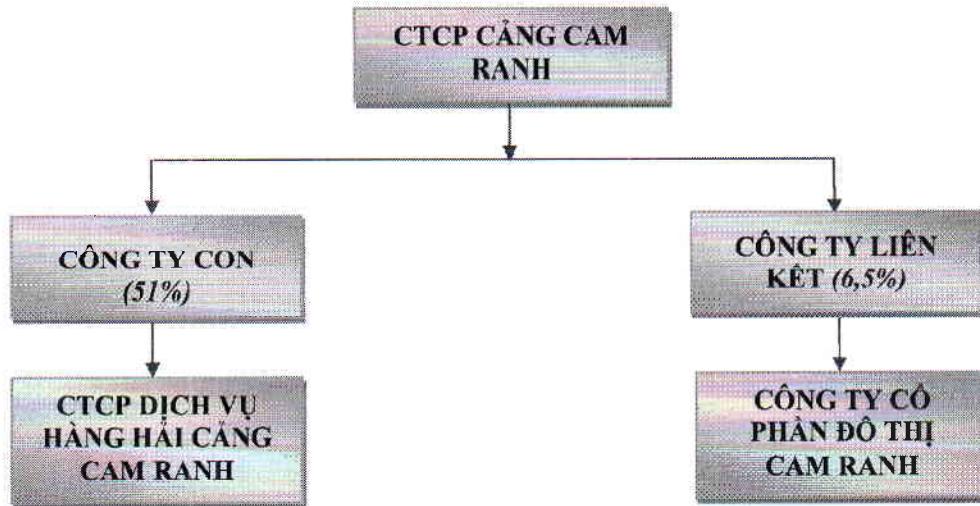
Kể từ thời điểm chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần cho đến nay, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh hoạt động với mức vốn điều lệ thực góp là 245.018.170.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) và chưa thực hiện tăng vốn điều lệ dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, 01 Công ty con và 01 Công ty liên kết. Thông tin chi tiết về Công ty con và Công ty liên kết được trình bày chi tiết tại Mục IV.5.

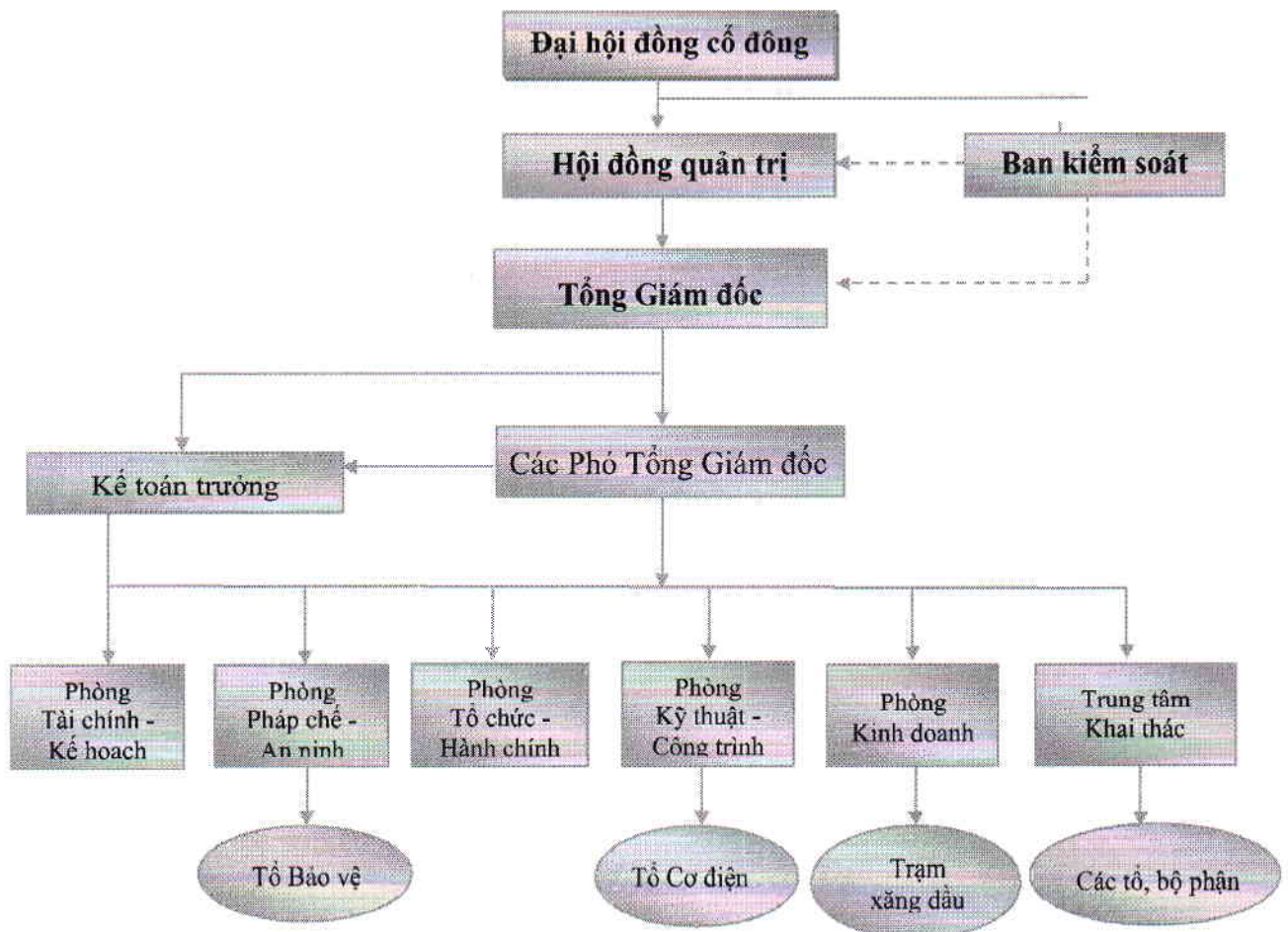
Sơ đồ số 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ số 2: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Chức năng nhiệm vụ và trách nhiệm quyền hạn cụ thể như sau:

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền: thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền như: quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty; quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị đương nhiệm có năm (05) thành viên, trong đó có bốn (04) thành viên không tham gia điều hành và một (01) thành viên điều hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra.

Các thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty gồm:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Phạm Hữu Tấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Việt Nhân | Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Bà Kiều Phương Ngọc | Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Bà Nguyễn Thị Yến | Thành viên Hội đồng quản trị |

3.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và Ban Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty; kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo, thẩm tra các báo cáo tài chính của công ty; đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát đương nhiệm có 01 Trưởng ban và 02 thành viên, gồm:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Bà Dương Thị Hồng Hạnh | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Bùi Thị Ngân Hoa | Thành viên Ban kiểm soát |
| - Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên Ban kiểm soát |

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc gồm một (01) Tổng Giám Đốc, hai (02) Phó Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Các Phó Tổng Giám đốc: giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

3.5 Kế toán trưởng

Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật kế toán và các quy định của pháp luật.

3.6 Các phòng/ trung tâm là bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc theo chức năng trên các lĩnh vực sau:

☛ **Phòng Tổ chức - Hành chính:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các lĩnh vực: Công tác tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương; thi đua, khen thưởng, kỷ luật lao động; Công tác hành chính quản trị, truyền thông; Công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Công tác công nghệ thông tin.

☛ **Phòng Pháp chế - An ninh:** Tham mưu giúp lãnh đạo Công ty chỉ đạo, quản lý điều hành các lĩnh vực: Công tác pháp chế, quản trị rủi ro, quản lý cổ đông; Công tác kiểm soát nội bộ; Công tác quốc phòng, an ninh.

Trực thuộc phòng Pháp chế - An ninh gồm có: Tổ Bảo vệ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn tài sản Công ty, khách hàng; giữ gìn an ninh trật tự; kiểm soát tải trọng và lập dữ liệu theo dõi; thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai.

☛ **Phòng Tài chính - Kế hoạch:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các lĩnh vực: Công tác quản trị tài chính; Công tác hạch toán kế toán; Công tác kế hoạch, chiến lược phát triển.

☛ **Phòng Kỹ thuật - Công trình:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các lĩnh vực: Kỹ thuật, công nghệ; Tài nguyên, môi trường; Đầu tư tài sản.

Trực thuộc phòng Kỹ thuật - Công trình gồm có Tổ Cơ điện thực hiện nhiệm vụ chế tạo công cụ, dụng cụ sản xuất; sửa chữa, cải tạo phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

☛ **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các

lĩnh vực: Công tác thị trường; Công tác kinh doanh; Công tác môi giới, Logistics.

Trực thuộc phòng Kinh doanh gồm có Trạm xăng dầu thực hiện nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ xăng, dầu và cung ứng nhiên liệu phục vụ sản xuất của Công ty.

Trung tâm Khai thác: Giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các lĩnh vực: Khai thác cảng biển (xếp dỡ, khai thác cầu bến, giao nhận hàng hóa, phương tiện thủy bộ và các trang thiết bị kỹ thuật); Khai thác các dịch vụ hàng hải.

Trực thuộc Trung tâm Khai thác gồm có các tổ, bộ phận trực tiếp tác nghiệp như sau: 04 Tổ sản xuất, Tổ Giao nhận - Kiểm đếm, Tổ Điều độ, Tổ Cầu bến - Cơ giới, Tàu Cam Ranh 4, Tàu TLA 05, Tổ quản lý Bến thủy nội địa thực hiện nhiệm vụ trực tiếp tác nghiệp sản xuất theo quy định.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

Bảng số 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 09/09/2021

STT	Tên tổ chức	Số ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	0100104595	Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	19.823.015	80,90%
2	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	0103015237	Đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	3.497.102	14,27%
Tổng cộng				23.320.117	95,17%

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Cảng Cam Ranh do VSD chốt tại ngày 09/09/2021)

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa. Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.3 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/09/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	461	24.452.417	244.524.170.000	99,803%
1	Tổ chức	03	23.327.127	233.271.270.000	95,206%
2	Cá nhân	458	1.126.490	11.264.900.000	4,597%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
II	Cổ đông nước ngoài	00	00	00	0,00%
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	00	00	00	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	01	48.200	482.000.000	0,197%
Tổng cộng		462	24.501.817	245.018.170.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Cảng Cam Ranh do VSD chốt tại ngày 09/09/2021)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1 Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Tên Công ty: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP

- Địa chỉ: Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/08/2020.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ; sửa chữa phương tiện vận tải biển;
- + Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh dịch vụ kho, bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics; đại lý môi giới cũng ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy.
- Vốn điều lệ trên Giấy ĐKDN (thay đổi lần thứ 7): 12.005.880.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 12.005.880.000.000 đồng.
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP hiện đang sở hữu 19.823.015 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, chiếm tỷ lệ 80,90% vốn điều lệ.
- Giá trị đầu tư (tính theo mệnh giá): 198.230.150.000 đồng.

5.2 Danh sách Công ty con của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh

- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, P. Cam Linh, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201128688 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 09/11/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/7/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng

hải, cung cấp dịch vụ neo đậu tàu.

- Vốn điều lệ trên Giấy ĐKDN: 7.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 7.000.000.000 đồng.
- Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh hiện đang sở hữu 356.979 cổ phần của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh, chiếm tỷ lệ 51,00% vốn điều lệ.
- Giá trị đầu tư (tính theo mệnh giá): 3.569.790.000 đồng.
- Tính đến thời điểm 31/12/2020, Tổng tài sản của CTCP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh là 9.511.260.619 đồng, Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là: 8.642.100.329 đồng và 818.835.187 đồng.

5.3 Danh sách Công ty liên kết

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh

- Địa chỉ: số 70 Nguyễn Trọng Kỳ, Cam Lợi, Cam Ranh, Khánh Hòa, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 07/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/6/2020;
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Vốn điều lệ trên Giấy ĐKDN: 46.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 46.000.000.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh hiện đang sở hữu 289.701 cổ phần của Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh, chiếm tỷ lệ 6,50% vốn điều lệ.
- Giá trị đầu tư (tính theo mệnh giá): 2.987.101.000 đồng.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (Cảng Cam Ranh) là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh cảng biển. Nằm cách Thành phố Nha Trang 60km về phía Nam, Cảng Cam Ranh nằm trên vịnh Cam Ranh. Đây được xem là một trong ba vịnh thiên nhiên tốt và đẹp nhất thế giới. Vịnh gần như được khép kín bởi bán đảo Cam Ranh ở phía Đông và núi ở phía Nam, có hai cửa biển thông ra biển Đông là: Cửa Đại và cửa Tiểu. Vịnh Cam Ranh có diện tích gần 60km², độ sâu trung bình 18 - 30m, phù sa bồi lắng không đáng kể. Phía ngoài Vịnh Cam Ranh có một số Đảo vào cù lao nên rất kín gió và sóng. Cảng Cam Ranh cách tuyến đường sắt Bắc Nam 3km, cách QL1A 2km, cách sân bay quốc tế Cam Ranh 20km. Vị trí Cảng nằm trung tâm các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và một số tỉnh Tây Nguyên, đồng thời nằm gần đường hàng hải quốc tế rất quan trọng của biển Đông, bên cạnh đó Cảng Ba Ngòi được nâng cấp thành cảng quan trọng trong hệ thống cảng biển vùng Nam Trung Bộ, điều này vô cùng thuận lợi để Cảng Cam Ranh phát triển thêm về kinh tế và giao lưu quốc tế.

Mạng lưới khách hàng:

Khách hàng chính của Cảng Cam Ranh là các chủ tàu, chủ hàng, đại lý và các nhà logistics trải dài trong cả nước, tập trung chủ yếu là khu vực Nam bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Thị trường chính và các nhóm hàng thông qua Cảng gồm:

- Thị trường tỉnh Ninh Thuận - Bình Thuận: Clinker; thiết bị điện gió; điện mặt trời; muối; cement, than đá, phụ gia, cát, đá xây dựng.
- Thị trường tỉnh Đắk Lắk: Thiết bị điện gió; sắt thép xây dựng; sỏi lát, bắp hạt; dăm gỗ, phân bón.
- Thị trường tỉnh Lâm Đồng: Thiết bị điện gió; nông sản; dăm gỗ, phân bón, Alumina.
- Thị trường tỉnh Khánh Hòa: Cát, đá xây dựng; sắt thép xây dựng; Cement và phụ gia; than đá; hàng lỏng; đường và mật; muối, cá đông lạnh.

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cam Ranh năm 2020 đạt 2.088.972 tấn.

Hiện tại, các dịch vụ kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh gồm: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Dịch vụ neo đậu, cầu bến; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa (đường ngắn và đường dài); Dịch vụ khai thác kho bãi; Dịch vụ lai dắt tàu; Dịch vụ bến thủy nội địa; Cung ứng xăng dầu; Cho thuê phương tiện, thiết bị và cơ sở hạ tầng; Các dịch vụ khác theo yêu cầu. Trong đó, dịch vụ xếp dỡ hàng hóa và kinh doanh xăng dầu là các hoạt động chiếm tỷ trọng doanh số lớn nhất của Công ty, lần lượt là 46% và 12% qua các năm.

Trung bình tỷ trọng về doanh thu thuần của từng loại hình dịch vụ như sau:

Stt	Loại hình dịch vụ	Tỷ trọng DTT
1	Xếp dỡ hàng hóa	46%
2	Neo đậu, cầu bến	8%
3	Vận chuyển hàng hóa	5%
4	Lai dắt tàu	9%
5	Kho bãi	7%
6	Cho thuê phương tiện, thiết bị và cơ sở hạ tầng	8%
7	Kinh doanh xăng dầu	12%
8	Các dịch vụ khác	5%

6.1.1. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa:

Hoạt động bốc xếp bao gồm dịch vụ bốc xếp hàng container và dịch vụ gom, bốc xếp hàng tổng hợp. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác các loại cần trục có sức nâng lớn, đủ năng lực bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.

Một số phương tiện, thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa:

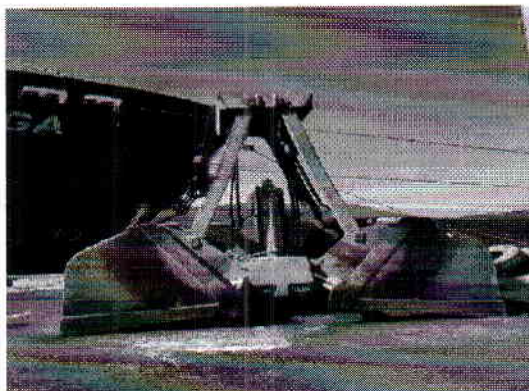
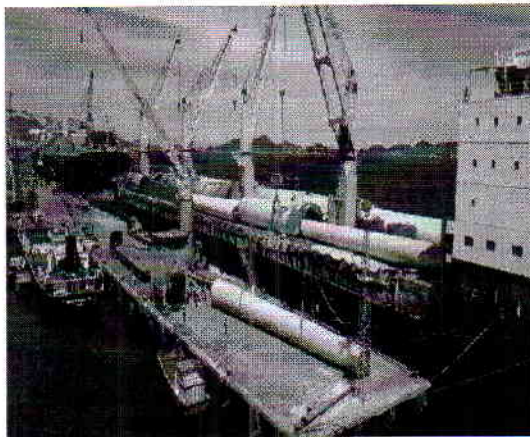
- 01 Cầu Tadano 15 tấn, 01 Cầu cố định Liebherr 40 tấn; 01 Cầu di động Gottwald 52 tấn;
- 01 cân điện tử 120 tấn;
- Công cụ xếp dỡ: phễu, ngoạm, ben bệ làm hàng rời,...
- Thiết bị thuê ngoài có: 06 cầu sức nặng từ 30-100 tấn; 02 băng tải xếp dỡ hàng.

Bảng số 3: Các loại máy móc, thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa

TT	Loại máy móc thiết bị	Công suất	Loại/xuất xứ	Giá trị đầu tư ban đầu (đồng)	Số lượng	Hiệu suất sử dụng còn lại (% còn lại của máy)
1	Cầu trục xoay Liebherr 40T	40T	Cần trục chân đế/ Áo	20.073.726.958	1	65%
2	Xe cầu TADANO	15T	Cần trục bánh lốp/ Nhật	600.000.000	1	40%
3	Cầu Gottwald HMK-280E (40% BCC)	50T	Cần trục bánh lốp/ Đức	7.000.000.000	1	45%
4	Băng chuyền làm hàng rời S1	10T	Việt Nam	292.299.915	1	50%
5	Băng chuyền làm hàng rời S2	10T	Việt Nam	292.299.915	1	50%
6	Băng chuyền làm hàng rời S3	10T	Việt Nam	292.299.915	1	50%
7	Băng tải xếp dỡ hàng bao S1	10T	Việt Nam	90,154,545	1	50%
8	Băng tải xếp dỡ hàng bao S2	10T	Việt Nam	93.682.000	1	50%
9	Gầu ngoạm điều khiển YK20-J4-8.00	4m ³	Trung Quốc	1.090.000.000	1	65%
10	Phễu rót hàng rời 14m ³	14m ³	Đóng mở thủ công/ Việt Nam	305.867.708	1	60%
11	Phao neo	4m ³	Việt Nam	192.513.475	1	50%
12	Ngáng container 20 feet S1	20'	Ngáng cơ khí/ Việt Nam	48.000,000	1	60%
13	Ngáng container 20 feet S2	20'	Ngáng cơ khí/ Việt Nam	48.000.000	1	60%
14	Ngáng container 20 feet S3	20'	Ngáng cơ khí/ Việt Nam	48.000.000	1	60%
15	Ngáng container 40 feet S1	40'	Ngáng cơ khí/ Việt Nam	86.000.000	1	60%
16	Ngáng container 40 feet S2	40'	Ngáng cơ khí/ Việt Nam	85.000.000	1	60%
17	Ngáng container 40 feet S3	40'	Ngáng cơ khí/ Việt Nam	85.000.000	1	60%
18	Gầu ngoạm tự động 4,5m ³ GN-017	4,5m ³	Việt Nam	385.454.546	1	60%

TT	Loại máy móc thiết bị	Công suất	Loại/xuất xứ	Giá trị đầu tư ban đầu (đồng)	Số lượng	Hiệu suất sử dụng còn lại (% còn lại của máy)
19	Gàu ngoạm tự động 4,5m ³ GN-018	4,5m ³	Việt Nam	385.454.545	1	60%
20	Trạm cân điện tử 120T	120T	Việt Nam	279.000.000	1	55%
21	Bộ ngoạm đa chức năng BN3	10T	Việt Nam	78.971.442	1	70%
22	Bộ ngoạm đa chức năng BN3_02	10T	Việt Nam	115.252.978	1	70%
23	Ngoạm thủy lực 8m ³	8m ³	Việt Nam	836.363.636	1	60%

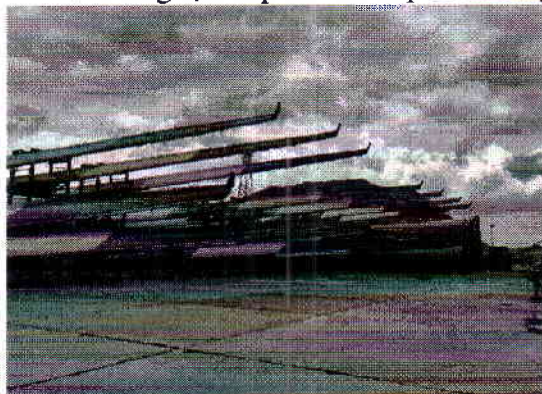
(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)



Hình số 3. Hình ảnh một số máy móc, thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa
Chủng loại, năng suất xếp dỡ của một số mặt hàng thông qua Cảng:

- Hàng rời:
 - + Tác nghiệp ô tô - hầm tàu sử dụng ben: 4.000 - 5.000 tấn/ngày.
 - + Tác nghiệp ô tô - hầm tàu hoặc hầm tàu - ô tô sử dụng ngoạm: 2.000 - 2.500 tấn/ngày.

- + Bao gồm: Cát, Clinker, Than, Titan, Dăm gỗ.
- + Năng suất xếp dỡ: Cát: 5.000T/ngày; Clinker, than, titan: 3.000T/ngày; Dăm gỗ: 1.500T BDMT/ngày
- **Hàng bao:**
 - + Sử dụng vông: 200 - 250 tấn/máng/ca hoặc 750 - 1.500 tấn/ngày.
 - + Bao gồm: Xi măng các loại, muối, đường, nông sản, phân, ...
 - + Năng suất xếp dỡ: Xi măng: 250T/máng/ca; Phân bón các loại: 300T/máng/ca
- **Hàng sắt thép, Vật liệu xây dựng:**
 - + 1.500 - 2.000 tấn/ngày
 - + Bao gồm: Sắt tấm, sắt cây, sắt cuộn...
 - + Năng suất xếp dỡ: 400 tấn/máng/ca.
- **Hàng thiết bị, Container:**
 - + Bao gồm: Hàng siêu trường, siêu trọng; container 20 feet và 40 feet.
 - + Năng lực xếp dỡ: đã xếp dỡ những kiện hàng trọng lượng 100 tấn qua cảng an toàn.



Hình số 4: Nhiều linh kiện, thiết bị của các dự án điện gió tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đều được nhập và bốc dỡ an toàn tại Cảng Cam Ranh

6.1.2. Dịch vụ neo đậu, cầu bến:

a. Năng lực luồng tàu

- **Luồng tàu:**

- + Chiều dài luồng: 8,6 hải lý
- + Độ sâu luồng: -9,7m
- + Biên độ triều trung bình: 1,5m.

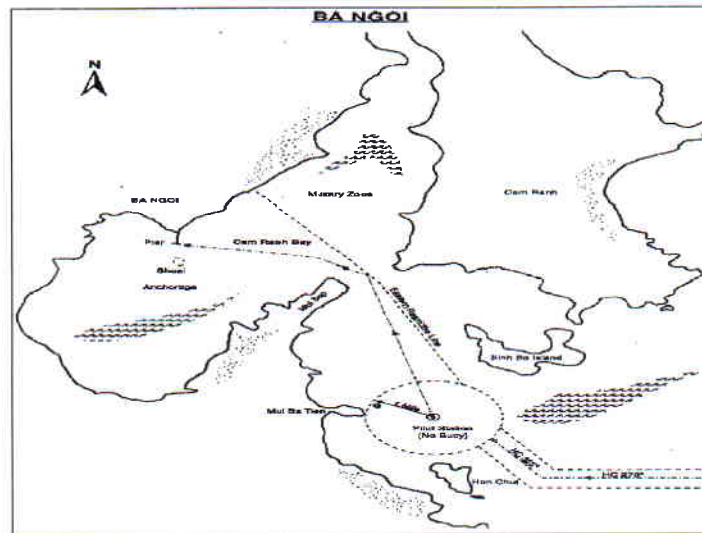
- **Vị trí đón trả hoa tiêu:**

- + Vị trí đón trả hoa tiêu phao số “0” có tọa độ (11°48’5”N; 109°12’05”E), có độ sâu từ 23 đến 25 mét.

- **Vùng neo đậu:**

- + Vùng neo 1: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,7 hải lý với tâm tại tọa độ: (11°52’00”N; 109°09’30”E)
- + Vùng neo 2: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,3 hải lý với tâm tọa độ: (11°53’30”N; 109°08’10”E)

- **Độ sâu vùng nước neo đậu:** -11m đến -20m
- **Chế độ hàng hải của tàu:** Luồng hàng hải Ba Ngòi cho phép tàu hoạt động 24/24.



Hình số 5: Luồng vào Cảng

b. Năng lực khai thác cầu bến

Cầu chính bến số 1 và cầu chính bến số 2 nằm liền kề nhau có tổng chiều dài 362m.

Chỉ tiêu	ĐVT	Bến số 1		Bến số 2	
		Cầu chính	Cầu phụ	Cầu chính	Cầu phụ
Chiều dài cầu	m	182	126,5	180 (*)	220
Độ sâu bến	m	-11,6	-6	-13,3	-5,5
Cỡ tàu tiếp nhận	DWT	30.000	5.000	50.000	3.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

(*) Cầu chính bến số 2: Chiều dài thiết kế: 240m (giai đoạn 1: Đã hoàn thiện 180m cầu cộng thêm một phao buộc dây ở phía Đông)

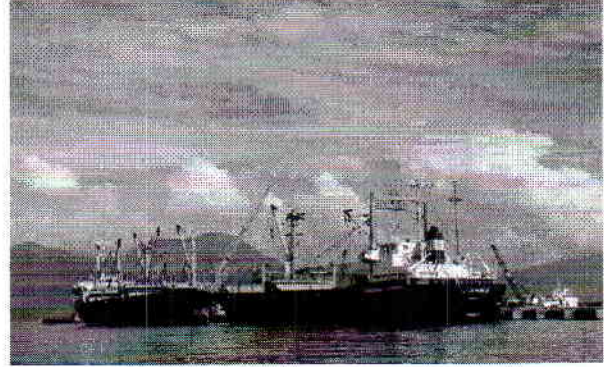
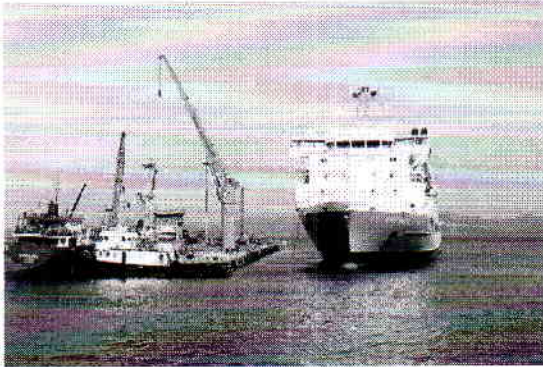


Hình số 6: Bến Cảng Cam Ranh

6.1.3. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa:

Hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Cảng Cam Ranh đã liên kết với các đội xe vận tải container, vận tải hàng hóa chuyên nghiệp có khả năng chuyên chở cấp khu vực đáp ứng được tối đa nhu cầu của khách hàng.

- Vận chuyển đường ngắn: là vận chuyển từ cầu cảng đến khu vực lân cận trong thành phố Cam Ranh và ngược lại.
- Vận chuyển đường dài: là vận chuyển từ cầu cảng đi ra ngoài khu vực thành phố Cam Ranh và ngược lại.
- Cảng Cam Ranh đứng trung gian thuê phương tiện của các công ty/doanh nghiệp vận tải thực hiện và cho khách hàng thuê lại dịch vụ.
- Cung đường vận chuyển chủ yếu từ Cảng Cam Ranh đến các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.



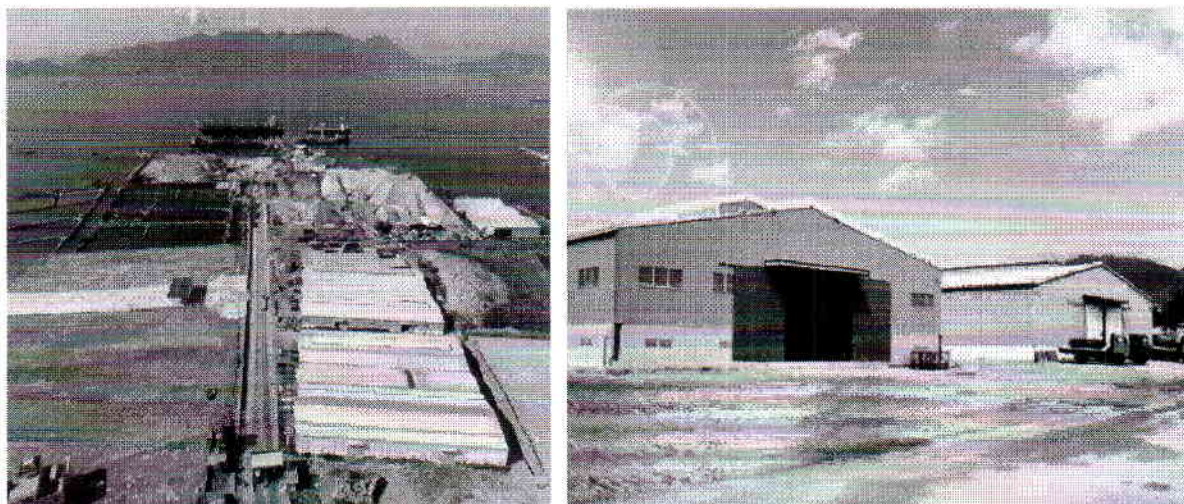
Hình số 7: Hình ảnh một số tàu vận chuyển hàng hóa tại Cảng

6.1.4. Dịch vụ khai thác kho, bãi

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đang sở hữu một hệ thống nhà kho và diện tích sử dụng để bảo quản hàng hóa lớn. Công ty cung cấp dịch vụ giúp khách hàng ký hợp đồng dài hạn để gom hàng, lưu trữ tại kho. Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, kiểm đếm hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác, tiết kiệm diện tích giúp giảm phát sinh, tận dụng tối đa diện tích kho bãi, dịch vụ lưu kho có tỉ lệ lấp đầy cao. Sản lượng dịch vụ kho bãi hàng năm của Công ty đạt trung bình hơn 200.000 tấn với doanh thu lưu kho, bãi hàng năm đạt trung bình 9 tỷ đồng.

Năng lực kho, bãi:

- Tổng diện tích kho chứa hàng: 15.500 m²;
- Tổng diện tích bãi chứa hàng: 30.000 m²;
- Sức chứa tổng cộng: 100.000 tấn;
- Khu kho, bãi đóng gói hàng hóa với tổng diện tích 9,0 ha gồm bãi chứa hàng và Kho hàng;
- Khu dịch vụ cung ứng sửa chữa tàu biển: 4,0 ha;
- Khu kho hàng lỏng: với diện tích chiếm đất là 4,9 ha.



Hình số 8: Hình ảnh Kho bãi lưu giữ hàng hóa tại Cảng

6.1.5. Dịch vụ lai dắt tàu

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cung cấp các dịch vụ lai dắt theo yêu cầu khách hàng với thiết bị hiện có như sau:

STT	Loại máy móc thiết bị	Công suất	Tổng dung tích/Đôi tượng phục vụ	Giá trị đầu tư ban đầu (đồng)	Số lượng	Hiệu suất sử dụng còn lại (% còn lại của máy)
1	Tàu kéo TLA05 1500 HP	1.500HP	98 GT/ Lai dắt	1.645.687.619	1	60%
2	Tàu kéo CR04 960 HP	960HP	75 GT/ Lai dắt	2.037.156.393	1	60%

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

Việc sử dụng tàu lai hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định của Bộ Luật Hàng hải. Trường hợp, đối với những tàu thuyền phải sử dụng tàu lai có công suất lớn hơn công suất của các tàu lai hiện có của Cảng Cam Ranh thì Công ty sẽ thuê tàu lai của các đơn vị lân cận nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và theo quy định của pháp luật.

6.1.6. Dịch vụ bến thủy nội địa

Xuất phát từ nhu cầu thị trường do sản lượng hàng hoá được khai thác vận tải và lưu chuyển qua khu vực kho bãi của Công ty cả về khối lượng và hành trình vận tải. Trong năm 2015, Công ty đã đầu tư bến thủy nội địa và một số thiết bị, công cụ thiết yếu phục vụ cho công tác xuất khẩu với tổng kinh phí hơn 02 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh xây dựng Bến thủy nội địa là một trong những cảng bến hoạt động “2 trong 1”: vừa là cảng dân sinh, vừa là cảng phục vụ khách du lịch. Hiện nay, trung bình lượng khách lưu thông mỗi ngày tại bến cảng này là 100 người, con số này sẽ tăng lên vào ngày cuối tuần, nghỉ Lễ.

6.1.7. Dịch vụ cung ứng xăng dầu

Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng là các tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn

vị vận tải trong Cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai cho Công ty. Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu được đặt tại các vị trí thuận tiện, nơi lưu thông xe cộ với mật độ cao nên doanh thu từ hoạt động này luôn chiếm tỷ trọng lớn, đạt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Mặt khác, Công ty luôn chủ động trong việc tìm kiếm khách hàng, xây dựng mối quan hệ lâu dài với nhiều bạn hàng nên lợi nhuận khu vực này tương đối ổn định và xu hướng tăng dần.

6.1.8. Dịch vụ cho thuê phương tiện, thiết bị và sử dụng cơ sở hạ tầng

Cảng Cam Ranh cung cấp dịch vụ cho thuê phương tiện, thiết bị và sử dụng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu của khách hàng trong tác nghiệp hoạt động sản xuất tại khu vực Cảng, cụ thể:

- Cung cấp thiết bị xe cầu các loại thực hiện cầu hàng từ hầm tàu lên xe ô tô và ngược lại; cầu hàng lên và xuống xe ô tô tại các kho/bãi của cảng và bãi của đối tác lân cận.
- Cung cấp các thiết bị khác (xe nâng, xe xúc lật, xe ủi, bộ làm hàng...) phục vụ nâng hàng, gom xúc hàng và san tấp hàng dưới hầm tàu.
- Cung cấp tàu lai dắt thực hiện lai dắt các tàu cho khách hàng cập/rời cầu cảng (cầu cảng nhà máy đóng tàu Cam Ranh; cầu cảng K662; cầu cảng Tân Cảng Petrol...).
- Đáp ứng nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng của khách hàng trong quá trình tác nghiệp, vận chuyển hàng hóa; thực hiện thu cước cơ sở hạ tầng.

6.1.9. Dịch vụ khác theo yêu cầu

Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ khác như: đại lý tàu biển, dịch vụ kiểm dịch, dịch vụ giao nhận, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu,... Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, gia tăng thêm giá trị cho các nhóm dịch vụ chính, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

6.2.1. Sản lượng hàng hóa và dịch vụ hàng hải

Bảng số 4: Sản lượng hàng thông qua và sản lượng dịch vụ hàng hải

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	So sánh TH 2020/2019	
					Số tăng/giảm	%
A – CÔNG TY MẸ						
I	Sản lượng hàng thông qua		2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
1	Sản lượng hàng theo mặt hàng	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
1.1	Sản lượng hàng container	Tấn	0	0	/	/
1.2	Sản lượng hàng ngoài container	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
a.	<i>Xuất khẩu</i>	Tấn	2.401.957	1.474.065	(927.892)	(38,63%)
-	<i>Dăm gỗ</i>	Tấn	1.165.473	1.040.409	(125.064)	(10,73%)
-	<i>Đá xây dựng</i>	Tấn	1.218.369	433.656	(784.713)	(64,41%)
-	<i>Hàng khác</i>	Tấn	18.115	-	/	/

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	So sánh TH 2020/2019	
					Số tăng/ giảm	%
b.	Nhập khẩu	Tấn	172.953	127.854	(45.099)	(26,08%)
-	Thiết bị	Tấn	73.184	81.314	8.130	11,11%
-	Cá đông lạnh	Tấn	50.868	8.355	(42.513)	(83,58%)
-	Hàng khác	Tấn	48.901	38.185	(10.716)	(21,91%)
c.	Nội địa	Tấn	398.047	487.053	89.006	22,36%
-	Cát trắng	Tấn	149.350	157.713	8.363	5,60%
-	Ximăng	Tấn	59.154	90.451	31.297	52,91%
-	Muối	Tấn	3.505	20.791	17.286	493,18%
-	Clinker	Tấn	74.312	113.261	38.949	52,41%
-	Nông lâm thủy sản	Tấn	14.246	1.724	(12.522)	(87,90%)
-	Đá xây dựng	Tấn	63.300	40.436	(22.864)	(36,12%)
-	Cát xây dựng	Tấn	6.988	3.943	(3.045)	(43,57%)
-	Hàng khác	Tấn	4.074	36.188	32.114	788,27%
2	Sản lượng xuất nhập khẩu, nội địa	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
2.1	Sản lượng xuất, nhập khẩu	Tấn	2.574.910	1.601.919	(972.991)	(37,79%)
	Trong đó: container	Tấn	-	-	/	/
2.2	Sản lượng nội địa	Tấn	398.047	487.053	89.006	22,36%
	Trong đó: container	Tấn	-	-	/	/
3	Hành khách thông qua	Khách	-	-	/	/
4	Số lượt tàu vào cảng	Tàu	302	240	(62)	(20,53%)
II	Sản lượng dịch vụ hàng hải	Tấn	1.200.000	740.000	(460.000)	(38,33%)
1	Dịch vụ kho bãi	Tấn	200.000	210.150	10.150	5,08%
2	Dịch vụ phương tiện, thiết bị	Tấn	700.000	321.400	(378.600)	(54,09%)
3	Sản lượng chuyên tải ngoài phao	Tấn	-	-	/	/
4	Dịch vụ khác	Tấn	300.000	208.450	(91.550)	30,52%
B – HỢP NHẤT						
I	Sản lượng hàng thông qua	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
1	Sản lượng hàng theo mặt hàng	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
1.1	Sản lượng hàng container	Tấn	-	-	/	/
1.2	Sản lượng hàng ngoài container	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
a.	Xuất khẩu	Tấn	2.401.957	1.474.065	(927.892)	(38,63%)
-	Dăm gỗ	Tấn	1.165.473	1.040.409	(125.064)	(10,73%)
-	Đá xây dựng	Tấn	1.218.369	433.656	(784.713)	(64,41%)
-	Hàng khác	Tấn	18.115	-	(18.115)	/
b.	Nhập khẩu	Tấn	172.953	127.854	(45.099)	(26,08%)
-	Thiết bị	Tấn	73.184	81.314	8.130	11,11%
-	Cá đông lạnh	Tấn	50.868	8.355	(42.513)	(83,58%)
-	Hàng khác	Tấn	48.901	38.185	(10.716)	(21,91%)
c.	Nội địa	Tấn	398.047	487.053	89.006	22,36%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	So sánh TH 2020/2019	
					Số tăng/giảm	%
-	Cát trắng	Tấn	149.350	157.713	8.363	5,60%
-	Ximăng	Tấn	59.154	90.451	31.297	52,91%
-	Muối	Tấn	3.505	20.791	17.286	493,18%
-	Than đá	Tấn	23.118	12.546	(10.572)	(45,73%)
-	Clinker	Tấn	74.312	113.261	38.949	52,41%
-	Nông lâm thủy sản	Tấn	14.246	11.724	(2.522)	(17,70%)
-	Đá xây dựng	Tấn	63.300	40.436	(22.864)	(36,12%)
-	Cát xây dựng	Tấn	6.988	3.943	(3.045)	(43,57%)
-	Hàng khác	Tấn	4.074	36.88	/	/
2	Sản lượng xuất nhập khẩu, nội địa	Tấn	2.972.957	2.088.972	(883.985)	(29,73%)
2.1	Sản lượng xuất, nhập khẩu	Tấn	2.574.910	1.601.919	(972.991)	(37,78%)
	Trong đó: container	Tấn	-	-	/	/
2.2	Sản lượng nội địa	Tấn	398.047	487.053	89.006	22,36%
	Trong đó: container	Tấn	-	-	/	/
3	Hành khách thông qua	Khách	-	-	/	/
4	Số lượt tàu vào cảng	Tàu	302	240	(62)	(20,53%)
II	Sản lượng dịch vụ hàng hải	Tấn	1.200.000	740.000	(460.000)	(38,33%)
1	Dịch vụ kho bãi	Tấn	200.000	210.150	10.150	5,08%
2	Dịch vụ phương tiện, thiết bị	Tấn	700.000	321.400	(378.600)	(54,09%)
3	Sản lượng chuyển tải ngoài phao	Tấn	-	-	/	/
4	Dịch vụ khác	Tấn	300.000	208.450	(91.550)	(30,51%)

(Nguồn: Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh)

Sản lượng thông qua Cảng Cam Ranh năm 2020 là 2.088.972 tấn, bằng 70,2% so với năm 2019 và đạt 68,5% kế hoạch năm. Trước đó vào năm 2018, lần đầu tiên trong lịch sử hình thành và phát triển, sản lượng hàng thông qua cảng Cam Ranh vượt cột mốc 2 triệu tấn năm (đạt gần 2,5 triệu tấn), các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh đều đạt và vượt xa so với kế hoạch đề ra. Trong năm 2020, sản lượng hàng qua Cảng Cam Ranh sụt giảm mạnh so với các năm trước, như một số mặt hàng chủ lực của Cảng gồm đá xuất khẩu (đạt 33,4% kế hoạch năm), cá đông lạnh (chỉ bằng 16,7% kế hoạch năm), hàng vật liệu xây dựng, hàng dăm gỗ đều không đạt được kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Riêng nhóm hàng thiết bị cho các Dự án nhiệt điện, phong điện đã được khởi động lại, sản lượng qua Cảng vượt 2,7 lần kế hoạch, mặc dù sản lượng hàng thiết bị không cao, nhưng đây là loại hàng siêu trường siêu trọng nên có doanh thu cao, trong khi đó chi phí thực hiện thấp đã góp phần mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hàng đá xây dựng xuất khẩu:

Hàng đá xây dựng xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Singapore và BăngLa-Đét, nhưng tại một số thời điểm trong năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, Chính phủ các nước phải dừng các hoạt động xây dựng dẫn đến sản lượng hàng đá xây dựng xuất khẩu sang các thị trường này giảm mạnh, chỉ đạt khoảng 33% so với kế hoạch cả năm. Bên cạnh đó, giá

cả mặt hàng này trên thị trường Thế giới trong năm giảm hơn so với năm 2019 do cung lớn hơn cầu, dẫn đến khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của khách hàng.

- Hàng dăm gỗ xuất khẩu:

Hàng dăm gỗ xuất khẩu chủ yếu xuất sang thị trường Nhật Bản, nhưng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhu cầu và giá dăm gỗ trên thị trường thế giới giảm, các khách hàng chủ yếu bán cầm chừng để duy trì hoạt động. Sản lượng hàng dăm gỗ thông qua cảng trong năm tuy nhìn chung ổn định nhưng không đạt kế hoạch đề ra.

- Hàng cá đông lạnh:

Mặt hàng cá đông lạnh nhập khẩu có mức đạt chỉ bằng 16,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân đạt thấp là do mặt hàng này được nhập khẩu, chế biến đóng hộp và chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ và Châu Âu, nhưng 02 thị trường này trong năm cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19, dẫn đến các đơn hàng bị hủy.

- Hàng vật liệu xây dựng:

Hàng vật liệu xây dựng xuất nội địa đi các đảo, lượng hàng này xuất qua Cảng chưa đạt được mức kỳ vọng do các dự án ở các đảo bị hoãn, hoặc giãn tiến độ, đồng thời hiện Cảng Cam Ranh cũng đang gặp cạnh tranh từ các Cảng Vĩnh Tân và Cảng Ninh Chữ.

- Hàng hóa khác:

Đối với các mặt hàng khác như clinker, xi măng, cát trắng, thiết bị xuất, nhập nội địa có mức tăng trưởng khá tốt. Cụ thể như mặt hàng clinker đạt 141,6% so với kế hoạch; hàng xi măng đạt 301,5% so với kế hoạch; hàng cát trắng đạt 121,3% so với kế hoạch; hàng thiết bị đạt 271% so với kế hoạch. Nguyên nhân, các mặt hàng này có thị trường ổn định, bên cạnh đó Công ty đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho khách hàng, hoặc phối hợp cùng với các đối tác thực hiện chuỗi logistics để tăng năng lực cạnh tranh, đưa hàng xuất, nhập qua cảng. Tuy nhiên, các mặt hàng này có sản lượng không lớn.

Đối với mặt hàng container nội địa, với sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của các bên, hiện tại tuyến container đã được Cảng Cam Ranh cùng với Công ty cổ phần ICD Cam Ranh và Tân Cảng Shipping phối hợp thiết lập, khai trương mở tuyến trong tháng 06/2020. Số lượt tàu container đến cảng để bốc xếp container trong năm 2020 là 09 lượt tàu, sản lượng đạt khoảng 6.258 tấn.

6.2.2. Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty:

Bảng số 5: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ

TT	Cơ cấu Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/Giảm năm 2020 so với năm 2019		06 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	% tăng/giảm	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT
1	Doanh thu bốc xếp	66.665	42,9%	62.829	46,8%	-3.836	-5,8%	52.987	49,9%
2	Doanh thu lưu kho bãi	8.591	5,5%	9.330	7,0%	739	8,6%	7.667	7,2%

3	Doanh thu vận chuyển	4.004	2,6%	6.276	4,7%	2.272	56,7%	2.948	2,8%
4	Doanh thu cầu bến	16.446	10,6%	10.371	7,7%	-6.075	-36,9%	8.564	8,1%
5	Doanh thu tàu kéo	18.652	12,0%	12.493	9,3%	-6.159	-33,0%	7.099	6,7%
6	Doanh thu cho thuê phương tiện, thiết bị	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	8.706	5,6%	10.455	7,8%	1.749	20,1%	13.871	13,1%
8	Doanh thu bến thủy nội địa	2.540	1,6%	2.380	1,8%	-160	-6,3%	777	0,7%
9	Kinh doanh xăng dầu	26.331	17,0%	16.424	12,2%	-9.907	-37,6%	11.043	10,4%
10	Dịch vụ khác	3.360	2,2%	3.572	2,7%	212	6,3%	1.270	1,2%
	Tổng cộng	155.295	100%	134.130	100%	-21.165	-13,6%	106.226	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Kết thúc năm 2020, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh ghi nhận doanh thu thuần đạt 134,13 tỷ đồng, sụt giảm 13,6% so với năm 2019. Trong đó, hàng năm, doanh thu hoạt động bốc xếp vẫn là hoạt động chính và đem lại doanh thu lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty (chiếm tỷ lệ trung bình là 45% trong cơ cấu doanh thu thuần). Tuy nhiên, doanh thu hoạt động bốc xếp của Công ty năm 2020 đã có sự sụt giảm nhẹ 5,75% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 62,83 tỷ đồng.

Điều này có thể được lý giải bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến kinh tế Việt Nam và Thế giới. Trong đó, có 03 tác động chính yếu mà dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến kinh tế là: Tăng trưởng, Đầu tư và Thương mại; làm gián đoạn các chuỗi giá trị sản xuất quan trọng; làm suy giảm tiêu dùng trong các ngành dịch vụ. Không chỉ tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế, đối với thị trường vận tải biển, dịch bệnh Covid-19 còn ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các yếu tố cung và cầu trên thị trường, khiến các doanh nghiệp vận tải biển (khách hàng trực tiếp của Công ty) lâm vào tình trạng khó khăn khi nhu cầu vận chuyển hàng hóa sụt giảm, giá cước cũng giảm mạnh. Từ đó, làm giảm sản lượng hàng thông qua Cảng, khiến doanh thu bốc xếp, lưu kho bãi, cầu bến đều giảm tương đối nhiều.

Doanh thu từ kinh doanh xăng dầu cũng giảm mạnh, chỉ bằng 62,4% so với năm 2019 và đạt 62% so với kế hoạch năm. Bên cạnh đó, trong năm 2020 cũng có một số mảng hoạt động của Công ty có sự tăng nhẹ, mặc dù đó không phải là các mảng hoạt động chính đem lại phần lớn doanh thu cho Công ty như: hoạt động lưu kho, bãi (tăng 8,6%), dịch vụ vận chuyển (tăng 56,7%) và dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng (tăng 20,1%).

Đến hết 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của Công ty mẹ là 106,23 tỷ đồng, tăng mạnh 64,7% so với cùng kỳ năm 2020 (doanh thu thuần của công ty mẹ trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 64,5 tỷ đồng) và đạt 70,35% kế hoạch năm 2021, trong đó doanh thu thuần trong riêng quý II/2021 của Công ty đã đạt 56,36 tỷ đồng, tăng gấp 2,2 lần so với cùng kỳ năm 2020. Đây là kết quả rất tốt đối với Công ty khi từ đầu năm 2021, các hoạt động giao thương, vận chuyển, xuất nhập khẩu,... từ các doanh nghiệp, khách hàng trong nước bắt đầu

gia tăng. Điều này đã góp phần không nhỏ giúp cho doanh thu của Công ty trong lĩnh vực hoạt động chính tăng mạnh trở lại. Cụ thể, một số hoạt động tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu thuần của Công ty gồm: hoạt động bốc xếp (doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm 2021 là 53 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 49,9%), hoạt động cầu bến (doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm 2021 là 8,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,1%), hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng (doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm 2021 là 13,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,1%) và hoạt động kinh doanh xăng dầu (doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm 2021 là 11 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,4%).

Bảng số 6: Cơ cấu Doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)

TT	Cơ cấu Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/Giảm năm 2020 so với năm 2019		Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	% tăng/giảm	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT
1	Doanh thu bốc xếp	65.729	41,1%	62.079	44,9%	-3.650	-5,6%	52.987	49,0%
2	Doanh thu lưu kho bãi	8.591	5,4%	9.330	6,7%	739	8,6%	7.667	7,1%
3	Doanh thu vận chuyên	6.170	3,9%	6.595	4,8%	425	6,9%	4.300	4,0%
4	Doanh thu cầu bến	16.446	10,3%	10.371	7,5%	-6.075	-36,9%	8.564	7,9%
5	Doanh thu tàu kéo	18.652	11,7%	12.493	9,0%	-6.159	-33,0%	7.099	6,6%
6	Doanh thu cho thuê phương tiện, thiết bị	2.809	1,8%	2.410	1,7%	-399	-14,2%	-	-
7	Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	8.706	5,5%	10.455	7,6%	1.749	20,1%	13.871	12,9%
8	Doanh thu bến thủy nội địa	2.540	1,6%	2.380	1,7%	-160	-6,3%	777	0,7%
9	Kinh doanh xăng dầu	26.331	16,5%	16.424	11,8%	-9.907	-37,6%	11.043	10,2%
10	Dịch vụ khác	3.899	2,4%	5.880	4,3%	1.981	50,8%	1.778	1,6%
	Tổng cộng	159.873	100%	138.417	100%	-21.456	-13,4%	108.086	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

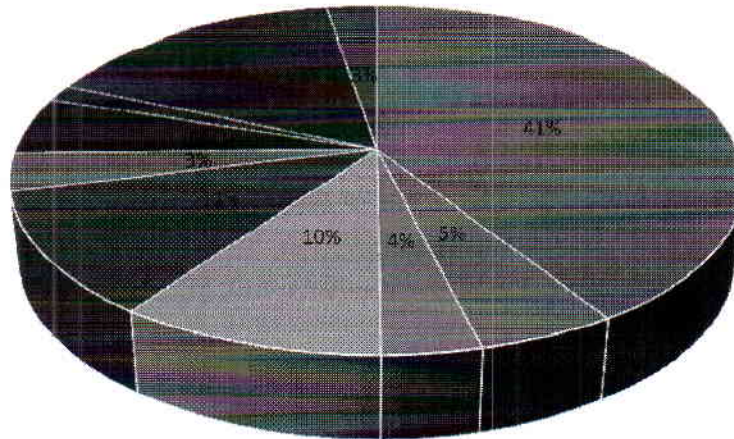
Tổng doanh thu thuần theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của Công ty trong năm 2020 đạt 138,4 tỷ đồng, giảm 13,5% so với năm 2019 là 159,9 tỷ đồng. Trong cơ cấu doanh thu thuần năm 2020, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là doanh thu bốc xếp (44,9%) và doanh thu từ kinh doanh xăng dầu (11,8%), đây luôn là hai mảng kinh doanh chính của Công ty qua nhiều năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ đầu năm 2020

cùng với đó là biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt xảy ra ở nhiều nơi đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên cả nước. Việc đình trệ các hoạt động kinh doanh, giao thương, vận chuyển hàng hóa, ... đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vận tải biển (khách hàng trực tiếp của Công ty) đã tác động trực tiếp đến sản lượng hàng hóa qua Cảng cũng như doanh thu hoạt động bốc xếp, kinh doanh xăng dầu của Công ty trong năm. Cụ thể, doanh thu hoạt động bốc xếp của Công ty năm 2020 đạt 62,1 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,6% so với năm 2019 là 65,7 tỷ đồng; doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu năm 2020 đạt 16,4 tỷ đồng, giảm 37,6% so với năm 2019 là 26,3 tỷ đồng.

Doanh thu của Công ty mẹ chiếm phần lớn tỷ trọng tổng doanh thu thuần theo số liệu hợp nhất. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Công ty đã thực hiện các giao dịch với Công ty con (CMS) như: cho thuê văn phòng; cung ứng dịch vụ điện, nước; thu cước cơ sở hạ tầng của xe vận chuyển; thuê thiết bị tác nghiệp, thuê dịch vụ san ủi. Các hợp đồng cung ứng dịch vụ trên đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-CCR.HDQT ngày 20/01/2020 theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Do vậy, trong các năm qua, Công ty con đã góp phần giúp tăng doanh thu về hoạt động bốc xếp, vận chuyển và cho thuê các phương tiện, thiết bị, cơ sở hạ tầng và một số dịch vụ khác. Cụ thể, mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu nhưng trong năm 2020, doanh thu hoạt động lưu kho bãi, hoạt động vận chuyển và cho thuê cơ sở hạ tầng của Công ty đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái, lần lượt đạt 9,3 tỷ đồng, 6,6 tỷ đồng và 10,5 tỷ đồng.

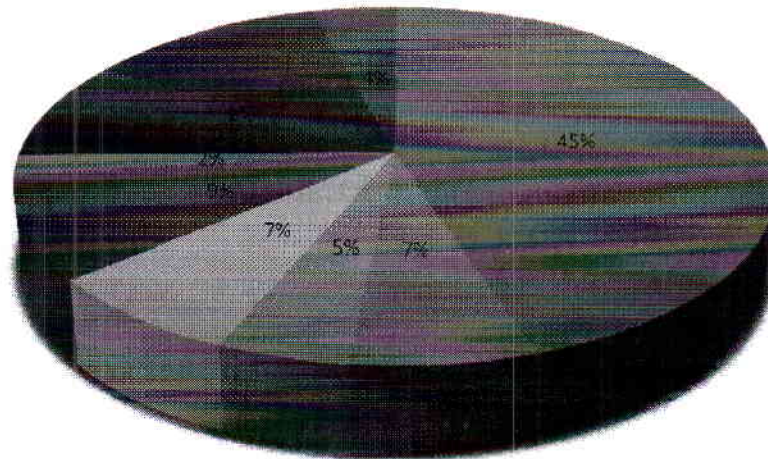
Đến hết 30/06/2021, tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cam Ranh đạt 1.398.164 tấn, vượt 3,6% kế hoạch được giao (1.350.000 tấn/6 tháng) và bằng 119% so với cùng kỳ. Trong đó, một số mặt hàng chủ lực thông qua Cảng đã có dấu hiệu hồi phục trở lại và tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước như: dăm gỗ, đá xây dựng, cát trắng, cá đông lạnh...; Đặc biệt, mặt hàng thiết bị điện gió bước vào giai đoạn cao điểm lắp đặt để hưởng mức giá FIT ưu đãi của Thủ tướng Chính phủ trước ngày 03/11/2021, do vậy số lượng tàu chở hàng thiết bị điện gió và thiết bị cầu hỗ trợ lắp đặt cập Cảng Cam Ranh tăng trưởng mạnh, nhất là trong 6 tháng đầu năm 2021. Vì vậy, dẫn đến một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty có kết quả tăng trưởng mạnh. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2021, tổng doanh thu thuần của công ty hợp nhất đạt 108,1 tỷ đồng, tăng mạnh 62,2% so với cùng kỳ năm 2020 (tổng doanh thu thuần của công ty hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2020 là 66,6 tỷ đồng) và đạt 68,1% kế hoạch doanh thu thuần công ty hợp nhất năm 2021. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất là doanh thu thuần từ hoạt động bốc xếp (đạt giá trị 52,99 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 49% trong cơ cấu tổng doanh thu thuần hợp nhất). Kết quả này cho thấy nhờ có công tác chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Chính phủ cùng với nỗ lực của người dân cả nước, các doanh nghiệp đã bắt đầu ổn định và hoạt động kinh doanh trở lại từ đầu năm 2021 và đã có tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Cơ cấu Doanh thu thuần Công ty năm 2019 (Hợp nhất)



- Hoạt động bốc xếp
- Vận chuyển
- Tàu kéo
- Cho thuê cơ sở hạ tầng
- Xăng dầu
- Hoạt động lưu kho, bãi
- Cầu bến
- Cho thuê phương tiện, thiết bị
- Bến thủy nội địa
- Dịch vụ khác

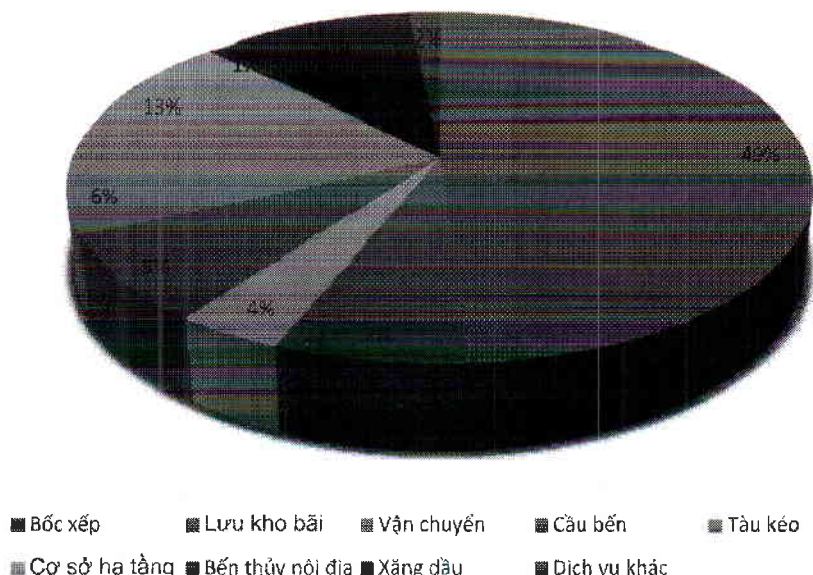
Cơ cấu Doanh thu thuần Công ty năm 2020 (Hợp nhất)



- Bốc xếp
- Cầu bến
- Cho thuê cơ sở hạ tầng
- Dịch vụ khác
- Lưu kho, bãi
- Tàu kéo
- Bến thủy nội địa
- Vận chuyển
- Cho thuê phương tiện, thiết bị
- Kinh doanh xăng dầu

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

Cơ cấu DTT 06 tháng năm 2021 (Hợp nhất)



(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

6.2.3. Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty:

Bảng số 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Cơ cấu lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm năm 2020 so với năm 2019		06 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	% tăng/giảm	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT
LN gộp hoạt động bốc xếp	30.714	19,8%	26.421	19,7%	-4.293	-14,0%	25.364	23,9%
LN gộp hoạt động lưu kho, bãi	5.443	3,5%	4.627	3,5%	-816	-15,0%	4.625	4,4%
LN gộp vận chuyển	904	0,6%	839	0,6%	-65	-7,2%	656	0,6%
LN gộp cầu bến	7.590	4,9%	6.031	4,5%	-1.559	-20,5%	4.538	4,3%
LN gộp tàu kéo	9.474	6,1%	7.417	5,5%	-2.057	-21,7%	5.264	5,0%
LN gộp cho thuê phương tiện, thiết bị	-	-	-	-	-	-	-	-
LN gộp cho thuê cơ sở hạ tầng	3.489	2,3%	3.064	2,3%	-425	-12,2%	6.378	6,0%
LN gộp bến thủy nội địa	1.818	1,2%	1.425	1,1%	-393	-21,6%	357	0,3%

LN gộp kinh doanh xăng dầu	1.801	1,2%	1.444	1,1%	-357	-19,8%	1.077	1,0%
LN gộp từ dịch vụ khác	996	0,6%	868	0,7%	-128	-12,9%	584	0,6%
LN gộp	62.229	40,1%	52.136	38,9%	-10.093	-16,2%	48.843	46,0%
Doanh thu thuần	155.295	100%	134.130	100%	-21.165	-13,6%	106.226	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Lợi nhuận gộp của công ty mẹ trong năm 2020 đạt 52,14 tỷ đồng, giảm 16,22% so với năm 2019. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty đạt 38,9% trong năm 2020 và giảm nhẹ 1,2% so với năm 2019, do tốc độ giảm của Doanh thu thuần lớn hơn tốc độ giảm của Lợi nhuận gộp. Trong đó, lợi nhuận gộp của công ty mẹ từ hoạt động bốc xếp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lợi nhuận gộp (trung bình chiếm tỷ trọng là 51%) và đạt 26,4 tỷ đồng trong năm 2020, giảm 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Xếp sau đó là các hoạt động cầu bến và tàu kéo, với lợi nhuận gộp năm 2020 lần lượt là 6,0 tỷ đồng và 7,4 tỷ đồng, đều giảm so với năm 2019 lần lượt là 20,5% và 21,7% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng lợi nhuận gộp của công ty mẹ (tương ứng 11,57% và 14,23%). Trong khi đó, mặc dù hoạt động kinh doanh xăng dầu là một trong hai hoạt động chính của Công ty có doanh thu cao nhất qua các năm, nhưng do chi phí giá vốn lớn đã dẫn đến lợi nhuận gộp chỉ đạt 1,44 tỷ đồng năm 2020, chiếm tỷ trọng 2,77% trong cơ cấu lợi nhuận gộp và giảm 19,82% so với năm 2019.

Đến hết 6 tháng đầu năm 2021, Công ty đã đạt kết quả tăng trưởng tốt với biên lợi nhuận gộp là 46%. Lợi nhuận gộp của công ty mẹ đã đạt 48,84 tỷ đồng, gấp 1,99 lần so với cùng kỳ năm trước (lợi nhuận gộp công ty mẹ trong 6 tháng đầu năm 2020 là 24,56 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận gộp từ các hoạt động như hoạt động bốc xếp, hoạt động lưu kho bãi, hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng đều có sự tăng trưởng ấn tượng và đạt lần lượt là 25,4 tỷ đồng (biên lợi nhuận gộp là 23,9%), 4,6 tỷ đồng (biên lợi nhuận gộp là 4,4%), 6,4 tỷ đồng (biên lợi nhuận gộp là 6,0%).

Bảng số 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

Cơ cấu lợi nhuận gộp	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm năm 2020 so với năm 2019		Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (tr.đồng)	%/DTT	Giá trị (tr.đồng)	%/DTT	Giá trị (tr.đồng)	% tăng/giảm	Giá trị (tr.đồng)	%/DTT
LN gộp hoạt động bốc xếp	30.714	19,2%	26.421	19,1%	-4.293	-14,0%	25.364	23,5%
LN gộp hoạt động lưu kho, bãi	5.443	3,4%	4.627	3,3%	-816	-15,0%	4.625	4,3%
LN gộp vận chuyên	1.904	1,2%	1.839	1,3%	-65	-3,4%	1.288	1,2%
LN gộp cầu bến	7.590	4,8%	6.031	4,4%	-1.559	-20,5%	4.538	4,2%
LN gộp tàu kéo	9.474	5,9%	7.417	5,4%	-2.057	-21,7%	5.264	4,9%

LN gộp cho thuê phương tiện, thiết bị	673	0,4%	655	0,5%	-18	-2,7%	-	-
LN gộp cho thuê cơ sở hạ tầng	3.489	2,2%	3.064	2,2%	-425	-12,2%	6.378	5,9%
LN gộp bến thủy nội địa	1.818	1,1%	1.425	1,0%	-393	-21,6%	357	0,3%
LN gộp kinh doanh xăng dầu	1.801	1,1%	1.444	1,0%	-357	-19,8%	1.077	1,0%
LN gộp từ dịch vụ khác	1.395	0,9%	1.171	0,9%	-224	-16,1%	768	0,7%
LN gộp	64.301	40,2%	54.094	39,1%	-10.207	-15,87%	49.659	45,9%
Doanh thu thuần	159.873	100%	138.417	100%	-21.456	-13,4%	108.086	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Cùng với đà giảm của Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty trong năm 2020 đạt 54,1 tỷ đồng, giảm 15,87% so với năm 2019. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty đạt 39,1% năm 2020 và giảm nhẹ 1,1% so với năm 2019, nguyên nhân là do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, tốc độ giảm của Doanh thu thuần lớn hơn tốc độ giảm của Giá vốn hàng bán. Trong đó:

- Lợi nhuận gộp từ hoạt động bốc xếp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lợi nhuận gộp hợp nhất (trung bình chiếm tỷ trọng là 49%) và đạt 26,4 tỷ đồng trong năm 2020, giảm 14% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Mặc dù không phải là hoạt động kinh doanh có doanh thu thuần chiếm tỷ trọng cao nhưng hoạt động cầu bến và tàu kéo đã có những đóng góp lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp so với hoạt động kinh doanh xăng dầu. Cụ thể, năm 2020, lợi nhuận gộp của hoạt động cầu bến và hoạt động tàu kéo đạt lần lượt là 6,0 tỷ đồng, 7,4 tỷ đồng, đều giảm so với năm 2019 lần lượt là 20,5% và 21,7% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng lợi nhuận gộp (trung ứng 11,15% và 13,71%). Trong khi đó, mặc dù hoạt động kinh doanh xăng dầu là một trong hai hoạt động chính của Công ty có doanh thu cao nhất qua các năm, nhưng do chi phí giá vốn lớn đã dẫn đến lợi nhuận gộp chỉ đạt 1,17 tỷ đồng năm 2020, chiếm tỷ trọng 2,16% trong cơ cấu lợi nhuận gộp và giảm 16,1% so với năm 2019.

- Trong cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty, lợi nhuận gộp của Công ty mẹ chiếm tỷ lệ 96,38%. Trong năm 2020, lợi nhuận gộp của Công ty mẹ đạt 52,14 tỷ đồng, giảm 16,2% so với năm 2019. Cũng trong năm 2020, lợi nhuận gộp của các công ty con đạt 2 tỷ đồng, chủ yếu là từ hoạt động vận chuyển, cho thuê phương tiện thiết bị và từ dịch vụ khác.

Đến hết 6 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty đã đạt 49,66 tỷ đồng, gấp 1,94 lần so với cùng kỳ năm trước (lợi nhuận gộp hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2020 là 25,56 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận gộp từ các hoạt động như hoạt động bốc xếp, hoạt động lưu kho bãi, hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng đều có sự tăng trưởng ấn tượng và đạt lần lượt là 25,4 tỷ đồng (biên lợi nhuận gộp là 23,5%), 4,6 tỷ đồng (biên lợi nhuận gộp là 4,3%), 6,4 tỷ đồng (biên lợi nhuận gộp là 5,9%). Kết quả này cho thấy, bên cạnh việc đảm bảo tốt công tác chuẩn bị từ cuối năm và đẩy mạnh hoạt động khai thác Cảng ngay từ đầu năm 2021 khi các doanh nghiệp trong nước đang từng bước hồi phục, bắt đầu kinh doanh trở lại, Công ty cũng đã thực hiện tốt công tác về quản lý chi phí, từ đó góp phần giúp biên lợi

nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty đạt 45,9%, tăng 7,5% so với biên lợi nhuận gộp cùng kỳ năm trước (biên lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2020 là 38,4%).

6.3 Nguyên vật liệu

6.3.1. Nguồn nguyên, nhiên vật liệu

Với đặc thù là đơn vị cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực khai thác cảng: Bốc xếp hàng hóa; kinh doanh kho, bãi cảng; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; lai dắt,... nguyên nhiên vật liệu mà Công ty sử dụng chủ yếu là điện, nước, dầu diesel và các dầu mỡ phụ khác.

✦ Nguyên, nhiên vật liệu

- Trạm cung ứng xăng dầu Cảng Cam Ranh hoạt động từ năm 2005 với mục tiêu chính là cung cấp nhiên liệu cho các phương tiện, máy móc, thiết bị nội bộ của Công ty và kinh doanh phục vụ nhu cầu của khách hàng, phương tiện, thiết bị bên ngoài. Nguồn nhiên liệu hiện cung cấp cho cửa hàng được cung cấp bởi doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước, Công ty ký hợp đồng có thời hạn một năm và được tiếp tục gia hạn thêm từng năm (nếu không có thỏa thuận khác) với số lượng cung cấp theo yêu cầu thực tế của Công ty và luôn đảm bảo nguồn cung ổn định, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

- Điện: Cung cấp bởi Công ty Cổ phần Điện lực Cam Ranh - Khánh Sơn
- Nước: Cung cấp bởi Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh
- Sắt thép, sơn, ...: Khi có nhu cầu sử dụng vật tư dùng để sửa chữa, chế tạo các đồng với các nhà cung cấp tại thị trường Cam Ranh, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh,... để cung ứng theo nhu cầu thực tế nhằm tránh lượng tồn kho không cần thiết.

✦ Trang thiết bị, phụ tùng, công cụ dụng cụ

- Đối với thiết bị như tàu lai, xe ô tô cầu, xe ô tô con được đưa tới các nhà máy, garager chuyên dụng, uy tín và có giá thành hợp lý để sửa chữa, bảo dưỡng như: Nhà máy đóng tàu Cam Ranh, Nhà máy đóng tàu Nha Trang, Toyota Nha Trang, Kia Nha Trang..... nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật ổn định cho các thiết bị. Đối với những phụ tùng chuyên dụng, xuất xứ chính hãng, khi có nhu cầu Công ty ký hợp đồng với các đối tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng.... có năng lực, kinh nghiệm và giá thành cạnh tranh để cung cấp;

- Đối với công cụ, dụng cụ:
+ Công cụ tự chế tạo: Khi có nhu cầu sử dụng, Công ty yêu cầu phòng chức năng thiết kế, chế tạo các công cụ, dụng cụ phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty. Sau khi chế tạo xong tiến hành thử nghiệm, thử tải kiểm định an toàn rồi mới đưa vào sử dụng.

+ Đối với công cụ mua sắm: Khi có nhu cầu sửa dụng, Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng chuyên cung cấp các thiết bị có C/o, C/q và giá cả cạnh tranh cũng như thời hạn giao hàng phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty như: Công ty Cổ phần Liên hiệp Mê Kông, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Dịch vụ Hàng hải Tân Vĩnh Lộc, Công ty TNHH TMDV HH An Phát,....

Bảng số 9: Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm/ nguyên vật liệu	Ghi chú
1	CTCP Điện Lực Cam Ranh - Khánh Sơn	Điện	Cam Ranh
2	Công ty CP Đô thị Cam Ranh	Nước	Cam Ranh

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm/ nguyên vật liệu	Ghi chú
3	Công ty xăng dầu quân đội khu vực 3	Xăng; dầu và các dầu mỡ	Cam Ranh
4	Công ty TNHH Tân Thành Lợi	Sắt thép, sơn các loại	Cam Ranh
5	Cửa hàng Hoàng Nhật	Dây PP	Cam Ranh
6	Hiệu buôn Đức Tú	Phụ tùng điện, nước, đồ gia dụng...	Cam Ranh
7	Hiệu buôn Thanh Thế	Các sản phẩm điện gia dụng, công nghiệp	Cam Ranh
8	Công ty TNHH MTV Đóng tàu Cam Ranh	Sửa chữa tàu thuyền	Cam Ranh
9	Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang	Sửa chữa tàu thuyền	Nha Trang
10	Công ty cổ phần Liên hiệp Mê Kông	Công cụ xếp dỡ hàng hoá	Vũng Tàu
11	Công ty TNHH SX&TM Dịch vụ Hàng hải Tân Vĩnh Lộc	Công cụ xếp dỡ hàng hoá	TP. HCM
12	Công ty TNHH TMDV HH An Phát	Công cụ xếp dỡ hàng hoá	TP. HCM
13	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật IP	Sơn công nghiệp	Nha Trang
14	Công ty TNHH DV KT TM&ĐT LIN ĐAN	Phụ tùng cầu LH	TP. HCM
15	Công ty TNHH Thiết bị và Phụ tùng CN Donarco	Phụ tùng cầu Gotwald	Hà Nội
16	Công ty TNHH TM & DV Đình Đô	Các thiết bị hàng hải	Hải Phòng
17	Công ty TNHH TM Điện Phổ Sáng	Các sản phẩm điện hàng hải, điện công nghiệp	TP. HCM
18	Công ty TNHH TM&DV Tiến Bảo	Thiết bị liên lạc VHF	TP. HCM

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

6.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nguồn nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu chính phục vụ kinh doanh sản xuất của Công ty được cung ứng bởi các doanh nghiệp trong nước ổn định cũng như Công ty có kế hoạch chuẩn bị dài hạn và kế hoạch dự phòng nên đã chủ động được các nguồn cung. Do vậy, đầu vào của Công ty luôn được duy trì ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu về đầu vào đối với các hoạt động của mình.

6.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận

Do nguồn nguyên liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu chi phí và doanh thu của Công ty phần lớn từ cung ứng dịch vụ cảng biển nên các yếu tố giá nguyên nhiên liệu không ảnh hưởng trực tiếp lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, khi có sự biến động về mặt giá cả các mặt hàng nguyên liệu cũng sẽ gây khó khăn cho hoạt động của khách hàng và các đối tác nên sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.4 Chi phí sản xuất kinh doanh

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng danh mục hàng tháng và quý. Đặc biệt chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng số 10: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty mẹ

Cơ cấu chi phí	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/Giảm năm 2020 so với năm 2019		06 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	% tăng/giảm	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT
Giá vốn hàng bán	93.066	59,9%	81.994	61,1%	-11.072	-11,9%	57.383	54,0%
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.509	15,8%	14.980	11,2%	-9.529	-38,9%	9.966	9,4%
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.557	44,1%	67.014	50,0%	-1.543	-2,3%	47.417	44,6%
Chi phí tài chính	7.023	4,5%	3.882	2,9%	-3.141	-44,7%	733	0,7%
- Chi phí lãi vay	7.019	4,5%	3.882	2,9%	-3.137	-44,7%	733	0,7%
Chi phí bán hàng	528	0,3%	263	0,2%	-265	-50,2%	135	0,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.277	17,6%	21.740	16,2%	-5.537	-20,3%	15.540	20,5%
Chi phí khác	877	0,6%	0	0,0%	-877	-100%	2.206	2,1%
Tổng chi phí	128.771	82,9%	107.879	80,4%	-20.892	-16,2%	75.997	71,5%
Doanh thu thuần	155.295	100%	134.130	100%	-21.165	-13,6%	106.226	100%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Tổng chi phí của công ty mẹ trong năm 2020 đạt 107,88 tỷ đồng, giảm 16,22% so với tổng chi phí của công ty mẹ trong năm 2019 (là 128,77 tỷ đồng). Trong cơ cấu tổng chi phí, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, trung bình khoảng 74,6%. Giá vốn hàng bán của công ty mẹ trong năm 2020 là 82 tỷ đồng, giảm 11,9% so với năm 2019. Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu tổng chi phí công ty mẹ là Chi phí quản lý doanh nghiệp (20,15%), với giá trị là 21,74 tỷ đồng, giảm 20,3% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính năm 2020 của Công ty là 3,88 tỷ đồng, giảm mạnh 44,7% so với năm 2019, chủ yếu là do chi phí lãi vay giảm (Công ty đã trả trước một phần nợ gốc vay trước hạn).

Tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần của công ty mẹ đã có xu hướng giảm dần từ năm 2019 là 72,9% xuống còn 71,5% khi kết thúc 6 tháng đầu năm 2021 mặc dù tổng chi phí trong 6 tháng đầu năm 2021 là 76 tỷ đồng và tăng mạnh 46% so với cùng kỳ năm trước (là 52,02 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã thực hiện liên tục theo sát, áp dụng nhiều biện pháp để cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Trong cơ cấu chi phí 6 tháng đầu năm 2021 của công ty mẹ thì chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (75,51%) và đạt 57,4 tỷ đồng, tăng 43,65% so với cùng kỳ năm 2020. Chi phí tài chính tiếp tục đã giảm mạnh và đạt 733 triệu đồng trong 6 tháng đầu năm 2021, giảm 70,5% so với cùng kỳ năm trước do đến thời điểm 30/06/2021,

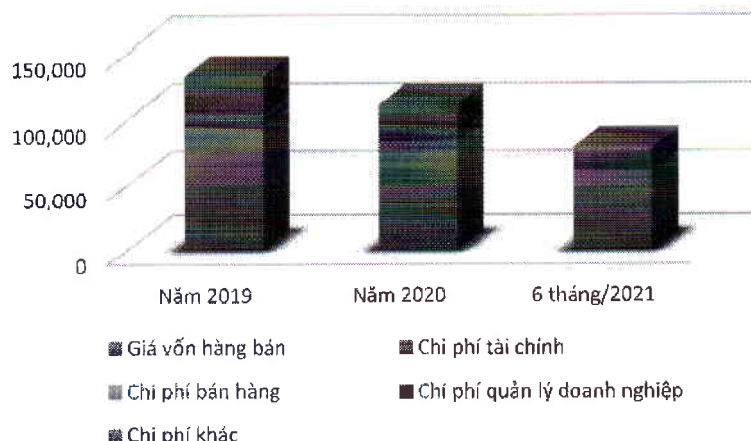
Công ty đã trả hết cả gốc và lãi các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn. Điều này giúp làm gia tăng uy tín, năng lực tài chính cũng như cải thiện đáng kể các chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả của Công ty. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp (QLDN) và chi phí khác có xu hướng tăng khi đạt lần lượt là 15,5 tỷ đồng (tăng 67,4% so với cùng kỳ năm 2020) và 2,2 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2021 (do Công ty đã chi để ủng hộ Quỹ Vắc xin phòng chống Covid-19 là 2,2 tỷ đồng).

Bảng số 11: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty (Hợp nhất)

Cơ cấu chi phí	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/ Giảm năm 2020 so với năm 2019		06 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr.đồng)	% tăng/ giảm	Giá trị (tr.đồng)	%/ DTT
Giá vốn hàng bán	95.572	59,8%	84.323	60,9%	-11.249	-11,8%	58.427	54,1%
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.530	15,3%	14.983	10,8%	-9.547	-38,9%	9.966	9,2%
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.042	44,5%	69.340	50,1%	-1.702	-2,4%	48.461	44,8%
Chi phí tài chính	7.023	4,4%	3.882	2,8%	-3.141	-44,7%	733	0,7%
- Chi phí lãi vay	7.019	4,4%	3.881	2,8%	-3.138	-44,7%	733	0,7%
Chi phí bán hàng	527	0,3%	263	0,2%	-264	-50,2%	135	0,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.683	17,9%	22.959	16,6%	-5.724	-20,0%	16.066	14,9%
Chi phí khác	909	0,6%	19	0,0%	-890	-97,9%	2.206	2,0%
Tổng chi phí	132.714	83,0%	111.446	80,5%	-21.268	-16,0%	77.567	71,8%
Doanh thu thuần	159.873	100%	138.417	100%	-21.456	-13,4%	108.086	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Cơ cấu chi phí Công ty (Hợp nhất)



(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

Tổng chi phí của Công ty trong năm 2020 đạt 111,45 tỷ đồng, giảm 16% so với tổng chi phí năm 2019 là 132,7 tỷ đồng. Trong đó, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, trung bình khoảng 74% trong cơ cấu tổng chi phí của Công ty.

- Giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2020 là 84,3 tỷ đồng, giảm 11,8% so với giá vốn hàng bán năm 2019. Trong cơ cấu giá vốn hàng bán, chi phí nhân công chiếm tỷ trọng lớn nhất (30,2%), chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng 21,5%. So với năm 2019, chi phí nhân công giảm chỉ bằng 79,6% nhưng chi phí khấu hao tăng 6,7%. Tiền thuê đất năm 2020 là 2.634 triệu đồng, tăng 7,1 lần so với năm 2019.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 là 22,96 tỷ đồng, giảm 19,83% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, chi phí nhân viên quản lý chiếm tỷ trọng lớn nhất (60%), giảm 24% so với năm 2019. Các chi phí khác thuộc chi phí quản lý của Công ty cũng đều giảm nhẹ.

- Chi phí tài chính năm 2020 của Công ty là 3,88 tỷ đồng, giảm mạnh 44,7% so với năm 2019, chủ yếu là do chi phí lãi vay giảm (Công ty đã trả trước một phần nợ gốc vay trước hạn).

Bên cạnh đó, tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần giảm từ 83,0% năm 2019 xuống còn 80,5% năm 2020. Nguyên nhân là do mặc dù tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng 1,1%, nhưng tỷ trọng các loại chi phí còn lại đều đã có sự sụt giảm so với năm trước. Điều này cho thấy trong năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, song, Ban Điều hành Công ty đã thực hiện linh hoạt, hiệu quả, tiết kiệm được các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí không cần thiết trong hoạt động kinh doanh.

Tiếp tục trong những tháng đầu năm 2021, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã thực hiện nhiều biện pháp để nỗ lực cắt giảm các chi phí không cần thiết trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và những khó khăn chung của nền kinh tế để đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, hiệu quả và đảm bảo công việc ổn định cho cán bộ công nhân viên, đồng thời giảm thiểu tối đa những tổn thất cho doanh nghiệp. Theo đó, cùng với đà tăng trưởng của doanh thu thuần, tổng chi phí trong 6 tháng đầu năm của Công ty là 77,6 tỷ đồng, tăng 44,1% so với cùng kỳ năm 2020 (tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty là 53,83 tỷ đồng) và chiếm 60% kế hoạch năm 2021 (tổng chi phí dự kiến cả năm 2021 là 129,4 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021). Mặc dù tổng chi phí trong 6 tháng đầu năm 2021 đã vượt hơn 50% so với kế hoạch năm nhưng Công ty vẫn luôn đảm bảo theo

đổi, quản lý chặt chẽ để giảm thiểu tối đa những khoản chi phí không cần thiết, từ đó giúp thúc đẩy tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận.

- Trong đó, chi phí giá vốn hàng bán là 58,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí Công ty (tương đương 75,3%). Tuy nhiên, nhờ có doanh thu bốc xếp hàng thiết bị mang lại tương đối cao trong khi chi phí đối với mặt hàng này lại thấp nên tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần trong 6 tháng đầu năm 2021 đã giảm so với cùng kỳ năm trước (với tỷ trọng đạt 80,8%) và chỉ còn 71,8%.

- Chi phí tài chính tiếp tục đã giảm mạnh và đạt 733 triệu đồng trong 6 tháng đầu năm 2021, giảm 70,5% so với cùng kỳ năm ngoái do đến thời điểm 30/06/2021, Công ty đã trả hết cả gốc và lãi các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn. Điều này giúp làm gia tăng uy tín, năng lực tài chính cũng như cải thiện đáng kể các chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả của Công ty.

- Chi phí bán hàng của Công ty cũng giảm mạnh 67% so với 6 tháng đầu năm 2020 xuống còn 135 triệu đồng do những tháng đầu năm 2021, Công ty không có phát sinh chi phí về nguyên liệu, vật liệu cũng như chi phí nhân công đã giảm mạnh từ 270,4 triệu đồng xuống còn 110,4 triệu đồng.

- Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp (QLDN) và chi phí khác có xu hướng tăng trở lại khi đạt lần lượt là 16,1 tỷ đồng (tăng 61,4% so với cùng kỳ năm 2020) và 2,2 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2021 (tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu là do Công ty đã chi để ủng hộ Quỹ Vắc xin phòng chống Covid-19 là 2,2 tỷ đồng).

6.5 Trình độ công nghệ

Với mảng hoạt động kinh doanh chính là cung ứng dịch vụ cảng biển, dịch vụ xếp dỡ nên các thiết bị, phương tiện, cơ sở hạ tầng của Công ty được đầu tư với công nghệ tiên tiến, hiện đại được nhập khẩu, chất lượng kỹ thuật tốt, các thiết bị luôn được bảo dưỡng định kỳ bảo đảm an toàn cho người quản lý, người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của các đối tác, rút ngắn thời gian giao hàng container, tạo giá trị gia tăng cho khách hàng. Hạ tầng cơ sở kỹ thuật bao gồm hệ thống chiếu sáng, trạm điện, máy phát điện bảo đảm hoạt động sản xuất khai thác tại cầu cảng, bến sà lan và bãi hàng liên tục, ổn định, không bị gián đoạn.

Trong thời gian tới, Công ty định hướng tiếp tục đầu tư các trang thiết bị hiện đại, nhằm nâng cao năng suất và đảm bảo chất lượng dịch vụ mang lại cho khách hàng.

6.5.1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Về cơ sở hạ tầng:

- Công ty đã đầu tư lắp đặt phòng Server gồm 02 máy DELL và 01 máy dự phòng sao chép dữ liệu. Với cấu hình tương đối ổn định, phục vụ cho các phần mềm nội bộ Công ty như là: văn phòng điện tử (Portal Office), Phần mềm kế toán (Fast), Điều hành quản lý khai thác cảng (Stos), Chữ ký số HSM, Công thông tin điện tử Cảng Cam Ranh (Portal CamRanhport),

- Đầu tư 02 đường truyền FTTH tốc độ tối đa 120 Mbps; hạ tầng cáp quang kết nối toàn bộ các điểm khai thác trên toàn cảng

- Đầu tư trang thiết bị và tài khoản chính hãng phục vụ công tác hợp tác trực tuyến với Tổng công ty và các đối tác khách hàng.

- Triển khai mở rộng toàn bộ hệ thống Internet cho khu vực trực tiếp sản xuất.

b. Về các phần mềm ứng dụng:

- Công ty đã triển khai phần mềm Quản lý điều hành Khai thác cảng biển (Stos); Phần mềm Kế toán (Fast); Phần mềm Quản lý điều hành công việc, văn bản (Portal Office) đã được tích hợp giải pháp chữ ký số; Phần mềm Kết nối với hải quan điện tử tự động VASSCM; Xây dựng cổng thông tin điện tử (Portal) giúp việc liên kết dữ liệu, tra cứu thông tin giữa các phần mềm Stos, Fast, Hải quan điện tử tự động, công tác truyền thông và hỗ trợ khách hàng một cách tối ưu nhất.

- Hiện tại Công ty đang nghiên cứu để triển khai phần mềm quản lý nhân sự (HRM): nhằm giúp quản trị nguồn nhân lực toàn Công ty, chấm công, tính lương, quản lý tài sản, bảo hiểm, thuế thu nhập cá nhân,... được chính xác, kịp thời.

6.5.2. Công nghệ xếp dỡ

Với đặc thù là một cảng hàng hóa tổng hợp, container, Công ty đã đầu tư nhiều thiết bị, công cụ, dụng cụ để xếp dỡ hàng hóa theo cách thức bán tự động, hoặc thủ công phù hợp với quy trình công nghệ xếp dỡ của từng loại hàng hóa. Quy trình công nghệ xếp dỡ thường xuyên được Công ty xem xét, cải tiến nhằm tăng năng suất xếp dỡ, giảm chi phí giá thành, giảm thiểu sức lao động, đảm bảo an toàn cho hàng hóa, cũng như an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong khai thác xếp dỡ hàng hóa ở cảng.

So với các cảng hàng hóa tổng hợp, container ở trong nước và tại khu vực duyên hải Nam Trung bộ, nhìn chung, quy trình công nghệ xếp dỡ các loại hàng hóa bao gồm: hàng rời, hàng bao, kiện, lỏng của Công ty hiện đang tương đồng với các cảng lớn như: Cảng Sài Gòn, Cảng Đà Nẵng, Cảng Quy Nhơn, Cảng Hải Phòng và một số cảng khác. Tuy nhiên, để phù hợp với đặc điểm, tính chất hàng hóa thì Công ty đã thực hiện nghiên cứu, cải tiến một số quy trình, thiết bị, công cụ xếp dỡ cho phù hợp, qua đó nâng cao được năng suất xếp dỡ hàng hóa và đảm bảo an toàn lao động. Riêng đối với mặt hàng container, do khối lượng hàng container tại khu vực không nhiều, chủ yếu đi bằng đường bộ xuất qua các cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh nên quy trình công nghệ xếp dỡ cũng như thiết bị, công cụ xếp dỡ cho mặt hàng này của Công ty hiện tại chưa đồng bộ so với các cảng trong nước.

Bảng số 12: Danh mục máy móc, trang thiết bị thi công của Công ty

TT	Loại máy móc thiết bị	Công suất	Thiết bị công tác (công dụng của máy)	Giá trị đầu tư ban đầu (đồng)	Số lượng	Hiệu suất sử dụng còn lại (% còn lại của máy)
I	Máy móc thiết bị					
1	Máy phát điện Hol-Gar 30KW	30KW	Động lực	55.000.000	1	60%
2	Máy phát điện Kubota-R180 (5KVA)	5 KVA	Động lực	45.000.000	1	60%
3	Máy Compressor 10 HP	10HP	Động lực	53.625.000	1	70%
4	Máy điện đàm MF/HF SRG-3150DN	0,5W	Liên lạc	79.600.000	1	60%
5	Cầu trục xoay Liebherr 40T	40T	Xếp dỡ	20.073.726.958	1	65%

TT	Loại máy móc thiết bị	Công suất	Thiết bị công tác (công dụng của máy)	Giá trị đầu tư ban đầu (đồng)	Số lượng	Hiệu suất sử dụng còn lại (% còn lại của máy)
6	Xe cầu TADANO	15T	Xếp dỡ	600.000.000	1	40%
7	Cầu Gottwald HMK-280E (40% BCC)	50T	Xếp dỡ	7.000.000.000	1	45%
8	Xe quét rác hút bụi Model: Duvelo 850	1m ³	Công tác	2.277.272.728	1	90%
II Phương tiện vận tải truyền dẫn						
1	Xe Toyota Camry 2.5Q	2.5L	Vận chuyển	1.303.745.455	1	65%
2	Xe tải ben Thaco 2T	2T	Vận chuyển	348.190.000	1	50%
3	Xe ô tô 7 chỗ KIA SEDONA 2.2L	2.2L	Vận chuyển	1.228.869.091	1	85%
4	Tàu kéo TLA05 1500 HP	1.500HP	Lai dắt	1.645.687.619	1	60%
5	Tàu kéo CR04 960 HP	960HP	Lai dắt	2.037.156.393	1	60%
6	Băng chuyền làm hàng rời S1	10T	Xếp dỡ	292.299.915	1	50%
7	Băng chuyền làm hàng rời S2	10T	Xếp dỡ	292.299.915	1	50%
8	Băng chuyền làm hàng rời S3	10T	Xếp dỡ	292.299.915	1	50%
9	Băng tải xếp dỡ hàng bao S1	10T	Xếp dỡ	90.154.545	1	50%
10	Băng tải xếp dỡ hàng bao S2	10T	Xếp dỡ	93.682.000	1	50%
11	Gầu ngoạm điều khiển YK20-J4-8.00	4m ³	Xếp dỡ	1.090.000.000	1	65%
12	Phễu rót hàng rời 14m ³	14m ³	Xếp dỡ	305.867.708	1	60%
13	Phao neo	4m ³	Xếp dỡ	192.513.475	1	50%
14	Ngáng container 20 feet S1	20'	Xếp dỡ	48.000.000	1	60%
15	Ngáng container 20 feet S2	20'	Xếp dỡ	48.000.000	1	60%
16	Ngáng container 20 feet S3	20'	Xếp dỡ	48.000.000	1	60%
17	Ngáng container 40 feet S1	40'	Xếp dỡ	86.000.000	1	60%
18	Ngáng container 40 feet S2	40'	Xếp dỡ	85.000.000	1	60%
19	Ngáng container 40 feet S3	40'	Xếp dỡ	85.000.000	1	60%
20	Gầu ngoạm tự động 4,5m ³ GN-017	4,5m ³	Xếp dỡ	385.454.546	1	60%
21	Gầu ngoạm tự động 4,5m ³ GN-018	4,5m ³	Xếp dỡ	385.454.545	1	60%

TT	Loại máy móc thiết bị	Công suất	Thiết bị công tác (công dụng của máy)	Giá trị đầu tư ban đầu (đồng)	Số lượng	Hiệu suất sử dụng còn lại (% còn lại của máy)
22	Trạm cân điện tử 120T	120T	Xếp dỡ	279.000.000	1	55%
23	Bộ ngoạm đa chức năng BN3	10T	Xếp dỡ	78.971.442	1	70%
24	Bộ ngoạm đa chức năng BN3_02	10T	Xếp dỡ	115.252.978	1	70%
25	Gàu ngoạm thủy lực 8m ³	8m ³	Xếp dỡ	836.363.636	1	60%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Do tính chất khắt khe về các hoạt động dịch vụ cảng, nên Công ty rất chú trọng việc nghiên cứu quá trình luân chuyển hàng hóa tại các cầu cảng, bến sà lan, đảm bảo tăng công suất bốc xếp, lưu chuyển hàng hóa an toàn, đảm bảo tính hợp lý trong dây chuyền để tiết kiệm tốt nhất chi phí đầu vào cho các dịch vụ, nâng cao tính cạnh tranh trong giá dịch vụ.

Hiện Công ty đang tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu của khách hàng để triển khai phát triển các dịch vụ mới.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

✦ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Chính sách chất lượng dịch vụ của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh là cung ứng dịch vụ hoàn hảo, tốt nhất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, bên cạnh đó luôn tuân thủ mọi quy định, quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước (đặt biệt đối với các thiết bị phương tiện có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn).

- *Đối với quy trình:* Đối với việc duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn cho con người, thiết bị và hàng hoá, Công ty đã xây dựng và ban hành quy trình công nghệ xếp dỡ hàng hoá; quy trình kiểm soát, luân chuyển chứng từ nội bộ; quy trình và các trình tự thủ tục đầu tư mua sắm, đấu thầu... Tất cả các quy trình được thực hiện, giám sát thực hiện và đánh giá việc thực hiện định kỳ và luôn được cải tiến.

- *Đối với trang thiết bị, công cụ dụng cụ:*

+ Đối với các thiết bị, công cụ tự chế tạo: Sau khi hoàn thành công tác chế tạo các thiết bị, công cụ được đưa ra thử nghiệm và kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng sản xuất;

+ Đối với các thiết bị, công cụ mua sẵn: Phải có C/o, C/q, thử tải, ...;

+ Đối với các thiết bị như tàu lai, xe ô tô cầu, xe ô tô con được đưa đến các nhà máy, garage uy tín, đủ điều kiện năng lực để sửa chữa, bảo dưỡng và được cơ quan đăng kiểm cấp giấy chứng nhận theo luật định.

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng, bộ phận quản lý và sử dụng thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ nhằm nâng cao tuổi thọ của thiết bị, công cụ dụng cụ cũng như phát hiện những hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng để sửa chữa khắc phục hoặc loại bỏ, tránh những sự cố đáng tiếc xảy ra.

Chính sách kiểm tra chất lượng của Công ty:

Chính sách chất lượng của Công ty là luôn liên hệ chặt chẽ với khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin các yêu cầu của khách hàng, đối tác nhằm cung cấp dịch vụ hoàn hảo, tinh cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng, đối tác.

Thực hiện triển khai chính sách chất lượng dịch vụ đến từng người lao động, đào tạo, huấn luyện người lao động có tinh thần tập thể, kỹ năng cần thiết, các chính sách của Công ty, khuyến khích nhân viên tinh thần học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ không ngừng cải tiến và hoàn thiện chất lượng công việc, tăng hiệu quả công việc.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cảng biển (trong đó, luôn chú trọng đến hệ thống cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực), bảo đảm dịch vụ luôn được cung ứng kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả, nâng cao năng suất giải phóng tàu, đảm bảo kế hoạch sản xuất của Cảng.

Bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng của Công ty:

Bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng của Công ty có nhiệm vụ giúp Ban lãnh đạo trong công tác quản lý chất lượng, quản lý khai thác tối đa nguồn lực, trang thiết bị phương tiện hiện có. Bộ phận kỹ thuật kiểm tra chất lượng có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.8 Hoạt động marketing

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh luôn chú trọng công tác marketing, quan tâm đến chất lượng dịch vụ và chữ tín với khách hàng chú trọng công tác phát triển và giữ vững mối quan hệ với các khách hàng lâu năm. Với tiêu chí là luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng nhằm giữ vững khách hàng truyền thống, đồng thời nỗ lực tìm kiếm, phát triển khách hàng mới.

Năm 2020, sản lượng của Công ty đạt 2,1 triệu tấn, bằng 68,5% so với kế hoạch năm 2020. Trong 06 tháng đầu năm 2021, sản lượng hàng hóa đạt 1,4 triệu tấn, bằng 51,78% so với kế hoạch năm 2021 (kế hoạch năm 2021, Công ty phấn đấu đạt 2,7 triệu tấn sản lượng hàng hóa qua Cảng). Trên cơ sở đó, theo kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021-2025 thì đến năm 2025, Công ty phấn đấu sản lượng hàng thông qua Cảng sẽ đạt 4,5 triệu tấn/năm (gấp hơn 2 lần so với năm 2020 và gấp 1,7 lần so với kế hoạch năm 2021), trong đó các mặt hàng chủ lực là đá xây dựng, dăm gỗ, than đá và cố gắng thu hút hàng Alumina, khoáng sản (hàng tổng hợp khác) từ Lâm Đồng và hàng sắt thép xây dựng; hàng container. Công ty đã đề ra các chính sách và giải pháp trong công tác marketing, gồm:

- Hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp, các cảng thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thực hiện chuỗi cung ứng dịch vụ cho khách hàng; hợp tác các doanh nghiệp khác và phát triển tuyến container nội địa.
- Ưu tiên cho công tác thị trường, khôi phục, duy trì và khai thác hiệu quả thị trường hiện có, mở rộng thị phần để gia tăng lượng hàng qua Cảng, trước mắt tập trung làm việc với các tập đoàn năng lượng để đưa lượng hàng thiết bị, cấu kiện của các dự án phong điện khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên tiếp tục nhập về qua Cảng Cam Ranh.
- Tiếp cận trực tiếp từng khách hàng, nắm thông tin về tình hình hàng hóa, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ chế thị trường, danh sách, cập nhật, phân loại khách hàng, tập trung vào khách hàng tiềm năng, có nhu cầu và khả năng xuất, nhập hàng hóa qua cảng, tập trung mạnh


vào một số nhóm mặt hàng sau: Đá xây dựng xuất khẩu; Hàng dăm gỗ xuất khẩu; Hàng vật liệu xây dựng xuất nội địa (xuất đi các đảo Phú Quý, Côn Đảo); Hàng thiết bị cho các dự án điện gió tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; Hàng sắt thép xây dựng tại khu vực tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Tây Nguyên; Tiếp tục bám sát, nắm thông tin và phát triển tuyến container nội địa của Công ty cổ phần ICD Cam Ranh và Tân Cảng Sài Gòn.

- Đột phá trong chính sách khách hàng (chính sách giá, công tác chăm sóc và hỗ trợ khách hàng, sử dụng hiệu quả đường dây nóng 24/24 để tiếp nhận mọi lúc ý kiến, đề xuất của khách hàng và phục vụ khách hàng tốt nhất trong điều kiện của Công ty).
- Tiếp tục khảo sát, nắm thông tin về đối thủ cạnh tranh, các cảng trong khu vực để có các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Mở thêm các loại hình dịch vụ mới, liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hình thành Trung tâm dịch vụ logistic, giảm thời gian, chi phí dịch vụ trong chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Xây dựng chính sách và chiến lược giá linh động, phù hợp với từng thời điểm và từng mặt hàng; xây dựng mỗi cán bộ nhân viên là cầu nối tiếp xúc giữa Cảng Cam Ranh và khách hàng. Đào tạo nhân viên cũng có sự tôn trọng và thái độ phục vụ khách hàng tốt giống như họ phục vụ chính họ; Thường xuyên tiếp thu ý kiến phản hồi và giải quyết khiếu nại của khách hàng một cách kịp thời; Giải quyết những phàn nàn với thái độ thân thiện và tích cực. Hãy cho khách hàng biết rằng: làm họ hài lòng chính là niềm hạnh phúc của bạn; Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ; Có những chính sách tài chính ưu đãi (tặng quà tri ân khách hàng, giảm giá dịch vụ cho các khách hàng lớn, khách hàng thân thiết...).
- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại (Quảng cáo: tivi, báo chí, tạp chí, youtube, facebook, linkedln, xây dựng lại hệ thống website); Tham gia các liên minh chiến lược (với các cảng, các nhà cung cấp,...); Tài trợ các sự kiện, tham gia các công tác xã hội.
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng: Xử lý những vấn đề liên quan đến khách hàng một cách kịp thời (khiếu nại, không hài lòng,...); Xây dựng văn hóa mỗi cán bộ công nhân viên ngoài công việc chuyên môn, còn đóng vai trò là một nhân viên chăm sóc khách hàng, tránh tình trạng mặc định chăm sóc khách hàng là công việc của tổ chăm sóc khách hàng hay phòng kinh doanh; Chăm sóc khách hàng tiến hành cả trước, trong và sau khi khách hàng sử dụng dịch vụ của Cảng.

Việc xây dựng thương hiệu còn được thực hiện ngay trong nội bộ đội ngũ người lao động của Công ty. Toàn bộ nhân viên Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đều thấu hiểu giá trị của việc đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tạo ấn tượng tốt với khách hàng bằng thái độ làm việc nghiêm túc là hình thức quảng bá thương hiệu tốt nhất. Hoạt động marketing của Công ty bao gồm các hoạt động nghiên cứu thị trường, giá cả, thường xuyên liên lạc và thực hiện chế độ chăm sóc và các chính sách bán hàng đối với khách hàng đặc biệt, thường xuyên; khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn; thực hiện chính sách giá cả hợp lý trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, giá các yếu tố đầu vào để đưa ra chính sách giá tối ưu nhất theo từng thời điểm với dịch vụ cung ứng hoàn hảo.

Ngoài hoạt động marketing của Công ty, Công ty còn phối hợp với hoạt động marketing của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam quảng bá, đưa ra chính sách giá cả hợp lý, dịch vụ cung ứng hoàn hảo, thời gian nhanh chóng, hoạt động xếp dỡ an toàn, chính sách nhằm thu hút các hãng tàu.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

STT	Thông tin nhãn hiệu	Số đăng ký
01	<p>Mẫu nhãn hiệu:</p>  <p>Màu sắc nhãn hiệu: xanh nước biển, vàng, đỏ, trắng Loại nhãn hiệu: Biểu tượng Nội dung khác: Logo có dạng hình ovan. Bên trong logo có hình ảnh trừu tượng về con tàu và cầu trục, cùng với đó là dòng chữ tiếng Anh “Cam Ranh Port”, tên thương mại tiếng Anh viết tắt của Cảng Cam Ranh được đặt trên một thanh nằm ngang, hình ảnh trừu tượng về cầu cảng, tất cả cùng biểu tượng cho một doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng biển. Phía dưới logo có dòng chữ Member of VIMIC, thể hiện Cảng Cam Ranh là một doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.</p>	Hiện tại Cảng Cam Ranh chưa đăng ký bản quyền logo.
02	Website: http://www.camranhport.vn/	

6.10 Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

TT	Tên HĐ	Giá trị Hợp đồng (Triệu đồng)	Thời điểm ký Hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện
1	Hợp đồng kinh tế số 43/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dầm gỗ bầm mảnh)	5.193,97	27/01/2021	30/06/2021	- Bốc xếp từ xe ô tô - hầm tàu (sử dụng cầu tàu - thùng hoặc băng chuyền). - Vận chuyển hàng từ bãi - tàu (bằng xe ô tô thùng có sẵn và xe ô tô chở thùng). - Cân hàng (nếu có). - Cho thuê băng chuyền.	Công ty TNHH Chế biến Dầm gỗ Đại Thắng
	Hợp đồng kinh tế số 164/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dầm gỗ bầm mảnh)	2.038,21	20/07/2021	31/12/2021	- Thu cước hạ tầng và phí tiện ích trong cảng của xe ủi san tây dưới hầm tàu.	

TT	Tên HĐ	Giá trị Hợp đồng (Triệu đồng)	Thời điểm ký Hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện
2	Hợp đồng kinh tế số 48/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dăm gỗ băm mảnh)	5.892,57	28/01/2021	30/06/2021	- Bốc xếp Dăm gỗ từ ô tô - hầm tàu (sử dụng cầu Godwall và Băng chuyên). - Vận chuyển từ bãi - Tàu (bằng xe thùng có sẵn và xe container). - Thu cước hạ tầng và phí tiện ích trong cảng của xe ủi dưới hầm tàu.	Công ty cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng
	Hợp đồng kinh tế số 165/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dăm gỗ băm mảnh)	2.705,77	20/07/2021	31/12/2021		
3	Hợp đồng kinh tế số 75/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dăm gỗ băm mảnh)	3.122,47	18/02/2021	30/06/2021	- Bốc xếp Dăm gỗ từ xe ô tô - hầm tàu (sử dụng cầu tàu và Băng chuyên). - Di chuyển băng chuyên đến vị trí sản xuất, lắp đặt tháo dỡ và trả về vị trí lưu giữ. - San tấp, nén hàng Dăm gỗ dưới hầm tàu. - Cung cấp công nhân kỹ thuật sửa chữa băng chuyên.	Công ty TNHH Liên Doanh Cát Phú
	Hợp đồng kinh tế số 162/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dăm gỗ băm mảnh)	1.483,49	13/07/2021	31/12/2021		
4	Hợp đồng kinh tế số 77/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dăm gỗ băm mảnh)	1.767,76	18/02/2021	30/06/2021	- Bốc xếp Dăm gỗ từ xe ô tô - hầm tàu (sử dụng cầu tàu và Băng chuyên). - Di chuyển băng chuyên trong quá trình làm hàng. - San tấp, nén hàng Dăm gỗ dưới hầm tàu.	Công ty cổ phần Đồng Nai
	Hợp đồng kinh tế số 161/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Dăm gỗ băm mảnh)	1.626,49	13/07/2021	31/12/2021	- Bảo dưỡng băng chuyên trước khi làm hàng. - Cung cấp công nhân kỹ thuật sửa chữa băng chuyên.	
5	Hợp đồng kinh tế số 60/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Đá 1x2; mi bụi)	12.952,58	26/01/2021	31/12/2021	- Bốc xếp từ xe ô tô - Hầm tàu (sử dụng cầu tàu). - Di chuyển công cụ, dụng cụ làm hàng. - Cơ sở hạ tầng xe vận chuyển.	Công ty TNHH Đá Hóa An 1

TT	Tên HĐ	Giá trị Hợp đồng (Triệu đồng)	Thời điểm ký Hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện
6	Hợp đồng kinh tế số 66/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Thiết bị điện gió)	4.104,54	01/03/2021	Đến khi hoàn thành xong công việc và nghĩa vụ thanh toán	- Cho thuê bãi chứa hàng. - Thu cước hạ tầng và phí tiện ích (vận chuyển từ tàu - bãi cảng; Nâng, hạ hàng tại bãi cảng).	Công ty cổ phần Năng lượng và tái tạo Đại Dương
7	Hợp đồng kinh tế số 71/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Thiết bị điện gió)	16.120,49	16/02/2021	Đến khi hoàn thành xong công việc và nghĩa vụ thanh toán	- Bốc xếp từ hầm tàu - xe ô tô bằng cầu tàu. - Cho thuê bãi chứa hàng. - Thu cước hạ tầng và phí tiện ích (vận chuyển từ tàu - bãi cảng; Nâng, hạ hàng tại bãi cảng).	Công ty TNHH Một thành viên Tiếp vận Gemadep.
8	Hợp đồng kinh tế số 78/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Thiết bị điện gió)	8.225,17	01/03/2021	Đến khi hoàn thành xong công việc và nghĩa vụ thanh toán	- Bốc xếp hàng từ hầm tàu - xe ô tô bằng cầu tàu	Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế (AGE-LINES.;LTD)
9	Hợp đồng kinh tế số 56/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Thiết bị điện gió)	1.713,75	03/02/2021	Đến khi hoàn thành xong công việc và nghĩa vụ thanh toán	- Thu cước hạ tầng và phí tiện ích (vận chuyển hàng hóa từ tàu - bãi).	Công ty cổ phần Cơ giới Trung nam Miền Nam
10	Hợp đồng kinh tế số 92/HĐKT về cung cấp dịch vụ (mặt hàng: Thiết bị điện gió)	1.141,93	10/03/2021	Đến khi hoàn thành xong công việc và nghĩa vụ thanh toán	Bốc xếp hàng từ hầm tàu - xe ô tô sử dụng cầu tàu.	Công ty TNHH SUNRINE LOGISTICS

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng số 14: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm năm 2020 so với năm 2019		06 tháng đầu năm 2021
			Giá trị (Đồng)	% tăng/giảm	
Tổng giá trị tài sản	354.233.638.125	316.659.263.343	-37.574.374.782	-10,6%	330.207.406.701
Vốn chủ sở hữu	270.193.074.613	275.100.809.955	4.907.735.342	1,8%	279.183.697.344
Doanh thu thuần	155.295.479.120	134.130.279.795	-21.165.199.325	-13,6%	106.226.298.017
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.783.200.694	27.509.419.648	-2.273.781.046	-7,6%	33.079.942.916
Lợi nhuận khác	(478.070.621)	17.990.100	496.060.721	/	(1.800.331.489)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.305.130.073	27.527.409.748	-1.777.720.325	-6,1%	31.279.611.427
Lợi nhuận kế toán sau thuế	22.083.495.500	23.263.686.392	1.180.190.892	5,3%	25.122.885.181
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	8,31	8,53	/	/	9,06

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 nên tổng tài sản, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ đều giảm nhẹ so với năm 2019, kết thúc năm 2020 đạt lần lượt là 316,66 tỷ đồng (giảm 10,6% so với tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019), 134,13 tỷ đồng (giảm 13,6% so với năm 2019), 27,53 tỷ đồng (giảm 6,1% so với năm 2019). Tuy nhiên, nhờ những nỗ lực quản lý chi phí của Công ty cũng như nhờ các chính sách của nhà nước hỗ trợ miễn giảm thuế cho doanh nghiệp trong năm bị ảnh hưởng từ dịch bệnh, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đã đạt 23,26 tỷ đồng và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng số 15: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

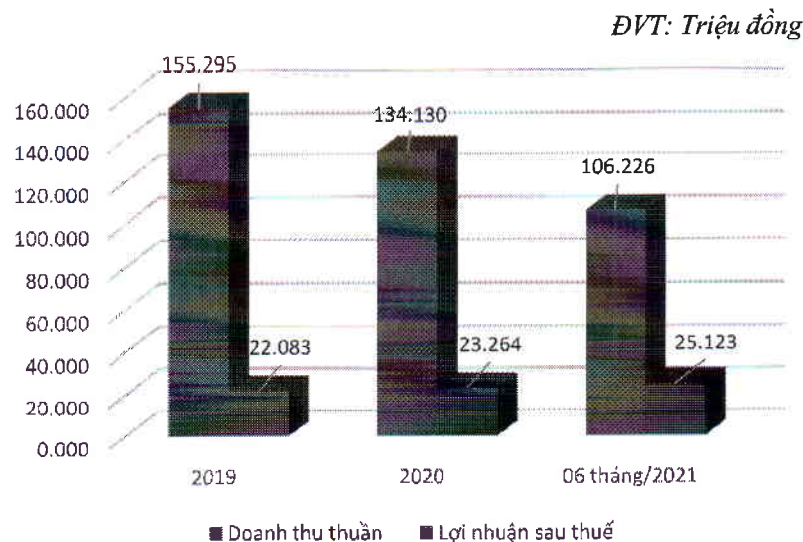
Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm năm 2020 so với năm 2019		06 tháng đầu năm 2021
			Giá trị (Đồng)	% tăng/giảm	
Tổng giá trị tài sản	360.021.717.842	322.640.422.858	-37.381.294.984	-10,4%	335.606.411.341
Vốn chủ sở hữu	275.532.970.108	280.566.982.743	5.034.012.635	1,8%	284.211.654.727
Doanh thu thuần	159.872.648.275	138.417.257.698	-21.455.390.577	-13,4%	108.085.696.685
Lợi nhuận thuần	30.117.314.238	28.058.327.014	-2.058.987.224	-6,8%	33.091.433.687

từ hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận khác	(225.763.241)	(202.348.519)	23.414.722	/	(1.800.331.489)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.891.550.997	28.260.675.533	-1.630.875.464	-5,5%	31.291.102.198
Lợi nhuận kế toán sau thuế	22.483.979.483	23.825.663.348	1.341.683.865	6,0%	25.092.271.528
- LNST của Công ty mẹ	22.094.704.900	23.414.401.705	1.319.696.805	5,97%	24.964.266.619
- LNST của cổ đông không kiểm soát	389.274.583	411.261.643	21.987.060	7,60%	128.004.909
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	70,69	71,84	/	/	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	8,29	10,16	/	/	8,89

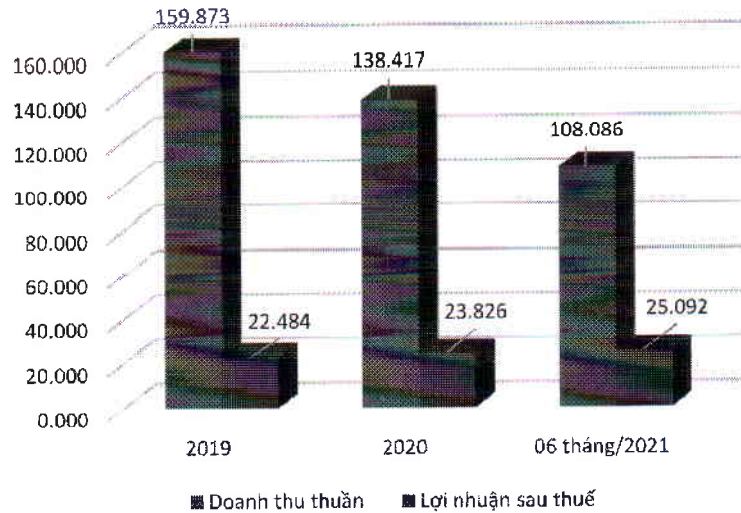
(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Biểu đồ Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 Công ty mẹ



Biểu đồ Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 Công ty (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng



(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

Năm 2020 là một năm đầy khó khăn đối với Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh trong việc triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã đề ra. Với đại dịch Covid-19 bùng phát, lan rộng, kéo dài và tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, cùng với đó là biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt xảy ra ở nhiều nơi; thị trường hàng hóa không có nhiều chuyển biến tích cực, ... đã làm sụt giảm các hoạt động giao thương hàng hóa giữa các quốc gia và châu lục.

Tổng giá trị tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020 là 322,64 tỷ đồng, giảm 10,4% so với năm 2019 là 360,02 tỷ đồng, chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh 56% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 15,63 tỷ đồng, nguyên nhân là do Công ty đã thanh toán các trước hạn khoản vay dài hạn.

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2020 theo số liệu hợp nhất đạt gần 138,42 tỷ đồng, giảm hơn 13,42% so với năm 2019. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế cao hơn so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra 5,89%. Sản lượng hàng qua Cảng năm 2020 đạt 2,088 triệu tấn, giảm 29,73% so với năm 2019 và chỉ hoàn thành 68% so với kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến sản xuất thương mại, làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xuất nhập khẩu và từ đó làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua.

Bên cạnh đó, Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2020 là 1,26 tỷ đồng, bằng 52,9% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu do lãi tiền gửi giảm (Công ty đã trả nợ trước hạn khoản vay Đầu tư dự án xây dựng Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi), cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư giảm chỉ bằng 52,2% so với năm 2019 (do cổ tức của Công ty con CMS bị sụt giảm và Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh đã trả một phần cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020).

Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2020 đạt 28,26 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,5% so với năm 2019 và đạt hơn 90% kế hoạch năm. Tuy nhiên, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng 5,96% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tác động Nghị định 114/2020/NĐ-CP nhằm mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp trước những khó khăn do Đại dịch Covid-19 gây

ra, Nghị định này hướng dẫn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020, Công ty thuộc đối tượng được xét miễn giảm thuế (chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2020 đã giảm 42,27% so với năm 2019).

Đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên Thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Ở trong nước, dịch bệnh đã bùng phát trở lại ở một số tỉnh thành, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Cảng Cam Ranh. Tuy nhiên trên tinh thần thực hiện “nhiệm vụ kép”, Ban Điều hành đã nhanh chóng triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, linh hoạt giúp Công ty vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, vừa hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch của quý II/2021 đã đề ra. Doanh thu thuần của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2021 đạt 108 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trong 06 tháng đầu năm 2021 là 25,12 tỷ đồng, tăng 131% so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 101% so với kế hoạch năm 2021; lợi nhuận sau thuế của Công ty hợp nhất trong 06 tháng đầu năm 2021 là 25,09 tỷ đồng, tăng 131% so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 99,56% so với kế hoạch cả năm. Do đó, đến hết 6 tháng đầu năm 2021, Công ty đã đạt vượt mức các chỉ tiêu đề ra trong quý II và dự kiến kết thúc năm 2021, Công ty sẽ đạt vượt mức kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu thuần và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Riêng chỉ tiêu về sản lượng, Công ty đã và đang đề ra nhiều giải pháp, chiến lược và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khách hàng trong điều kiện bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh và kỳ vọng sẽ đạt được 100% hoặc ít nhất là trên 80% so với kế hoạch đã đề ra, đặc biệt là trong thời điểm hiện nay dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến rất phức tạp.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Cảng Cam Ranh là thương cảng có từ trước 1975, doanh nghiệp có bề dày hoạt động nên đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản. Chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong thời gian tới sẽ mang đến cho Công ty các cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như thực hiện liên doanh, liên kết với các Cảng trong khu vực, tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.
- Tháng 4 năm 2021, Công ty cùng với các doanh nghiệp khác trên địa bàn đã ký kết thỏa thuận hợp tác - là đối tác thường xuyên của Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa. Việc ký kết thỏa thuận hợp tác này sẽ tạo ra một kênh thông tin quan trọng, góp phần hỗ trợ nhau để hoạt động kinh doanh của Cảng ngày càng phát triển, hệ thống Hải quan tỉnh Khánh Hòa ngày càng hiệu quả, từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan.
- Nằm trong khu vực có các mỏ đá trữ lượng lớn để khai thác đá xây dựng xuất khẩu, các khách hàng xuất khẩu đã có hợp đồng với các đối tác và chọn Cảng Cam Ranh là cảng xuất để cung cấp với sản lượng lớn.
- Cảng Nha Trang đã quy hoạch chuyển thành Bến tàu khách quốc tế, do vậy, một phần hàng hóa về Cảng Nha Trang hiện nay sẽ dịch chuyển về Cảng Cam Ranh.
- Cảng Cam Ranh cũng nằm gần các khu quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời. Nhu cầu và chính sách ưu tiên về phát triển năng lượng tái tạo ở khu vực khá lớn. Với các dự án về phong điện, nhiệt điện, điện mặt trời trong khu vực đã khởi công và sẽ khởi công trong thời gian tới. Đây là mặt hàng tuy sản lượng hàng thông qua cảng không cao nhưng doanh thu và lợi nhuận rất tốt.

- Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo trực tiếp của Vinalines; Đại đa số cán bộ, người lao động của Công ty nhiệt tình, trách nhiệm, tận tụy với công việc, yêu ngành, yêu nghề.
- Công ty có kinh nghiệm truyền thống trong lĩnh vực kho bãi, xếp dỡ, vận tải hàng hóa; đạt được yêu cầu gọn, nhẹ trong bộ máy tổ chức để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự năng động, sáng tạo.
- Công ty có chính sách đào tạo nhằm nâng cao trình độ nguồn nhân lực của mình để đáp ứng các quy định khắt khe trong hoạt động dịch vụ cảng biển, đồng thời nâng cao vai trò, khuyến khích những ý tưởng sáng tạo của các cán bộ, công nhân viên nhằm đa dạng sản phẩm của mình, phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh. Chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Công ty luôn được Ban lãnh đạo vạch ra rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tiễn và văn hóa trong Công ty;
- Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát tình hình sản xuất kinh doanh để kịp thời đề ra phương hướng đúng đắn nâng cao hiệu quả sản xuất. Trước tình hình kinh tế xã hội luôn diễn biến phức tạp đan xen thuận lợi và khó khăn, Ban Tổng Giám đốc luôn đề ra giải pháp kịp thời, phù hợp để động viên CBCNV và người lao động chung sức giữ vững thương hiệu Công ty. Với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, công nhân cơ giới nhiều năm kinh nghiệm có tay nghề cao đã tạo nên sức mạnh to lớn giúp Công ty đạt được thành tựu cao qua các năm.

✦ Khó khăn

- Nằm trong trung tâm thành phố, khu dân cư, do vậy sẽ có những hạn chế nhất định đối với các loại hàng hóa có độ phát tán môi trường. Trong tương lai, nếu không mở rộng những tuyến đường chính từ Cảng thì sẽ ảnh hưởng đến năng suất vận chuyển hàng hóa đi và đến Cảng Cam Ranh;
- Khu vực chân hàng của Cảng Cam Ranh là vùng Nam Trung Bộ, không có các khu công nghiệp lớn, hạ tầng kinh tế địa phương kém phát triển so với các trung tâm kinh tế của cả nước. Do vậy, nhu cầu và sản lượng hàng hóa xuất nhập qua cảng ít, không ổn định và không đa dạng;
- Các cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ (cung cấp các phương tiện vận chuyển thực hiện logistics; cung cấp nhân công xếp dỡ; cung cấp điện nước,...) trên địa bàn hoặc khu vực lân cận thiếu và yếu, kém chuyên nghiệp, giá cả độc quyền;
- Cầu cảng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, nhưng thiếu đồng bộ. Phương tiện thiết bị lạch hậu, luồng vào Cảng với độ sâu luồng không tiếp nhận được tàu 50.000 DWT đầy tải vào Cảng. Năng lực, phương tiện xếp dỡ hiện nay còn thiếu và yếu, năng suất xếp dỡ còn thấp, chưa khai thác được những hàng hóa thiết bị có trọng lượng lớn. Do vậy, Cảng Cam Ranh phải có Chiến lược phát triển đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị, nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh với những cảng trong khu vực.
- Môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng, cũng như xuất hiện các nhà vận tải đa phương thức tại khu vực.
- Tại khu vực không có khu công nghiệp, khu chế xuất lớn, hàng hóa chủ yếu là hàng nông - lâm - thủy sản, khoáng sản và số ít là hàng công nghiệp nhẹ được xuất, nhập thô. Do vậy không có chân hàng ổn định. Việc tìm kiếm nguồn hàng mới, giữ ổn định khách hàng cũ, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh là thách thức hàng đầu.
- Bến số 2 được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2013 với nguồn vốn vay, hiện nay Công ty đang tập trung trả nợ nên nguồn vốn đầu tư bị hạn chế. Nguồn lực tài chính của Công ty hạn chế nên chỉ thực hiện đầu tư khi có nhu cầu từ khách hàng, chủ yếu là các

dự án hạ tầng kho bãi, cầu bến, hạ tầng kỹ thuật, công cụ-dụng cụ; chưa có tích lũy cao để đầu tư vào phương tiện xếp dỡ và trang thiết bị công nghệ tiên tiến.

- Các cơ chế, chính sách của các tỉnh tại khu vực chưa đủ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, dẫn đến nguồn hàng không ổn định và yếu. Chủ trương hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô của Chính phủ làm sụt giảm sản lượng xuất khẩu hàng hóa của các chủ hàng trong thời gian gần đây và cả trong thời gian sắp tới.
- Ngoài phương án vận chuyển hàng hóa bằng đường biển còn có vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt nên tùy theo giá thành dịch vụ, thời gian thực hiện mà khách hàng có thể chọn các phương án vận chuyển khác nhau.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Địa bàn hoạt động chính của Công ty nằm ở vịnh Cam Ranh thuộc địa phận của tỉnh Khánh Hòa. Với địa thế thuận lợi khi nằm trên trục giao thông Bắc Nam, thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Nhận thấy lợi thế này, tỉnh Khánh Hòa tập trung phát triển giao thông vận tải theo hướng tận dụng lợi thế của ba vịnh Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh nằm trên trục đường hàng hải Quốc tế Nam - Bắc Á, đẩy mạnh phát triển vận tải biển bằng phương thức container, tập trung đầu tư xây dựng cảng biển, khai thác hoạt động dịch vụ hàng hải, phát triển công nghiệp tàu thủy... điều này đã thúc đẩy ngành công nghiệp hàng hải ở địa phương phát triển mạnh.

Cảng Cam Ranh được quy hoạch là một trong 17 cảng đầu mỗi loại 1 với khu bến chính cho tàu 3 - 5 vạn DWT làm hàng tổng hợp và container, có bến chuyên dùng cho nhiệt điện, xi măng, và đóng sửa tàu biển. Cảng Cam Ranh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các dịch vụ cảng:

- Mực nước sâu và phù sa bồi lắng không đáng kể, xung quanh Cảng được núi bao bọc làm cho vùng biển luôn kín gió nên tàu neo đậu tại Cảng có thể làm hàng quanh năm;
- Có vị trí địa lý, điều kiện địa hình của một cảng nước sâu (kín gió, điều kiện khai thác quanh năm, độ sâu tự nhiên lớn, luồng không bị bồi lắng); có quỹ đất được quy hoạch thích hợp (69 ha) để xây dựng dịch vụ hậu cần sau cảng; kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia (cách QL1A khoảng 2km; có tuyến đường sắt cũ có thể khôi phục nối liền với tuyến đường sắt quốc gia; cách sân bay quốc tế 18km), thuận lợi cho việc xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại.
- Được quy hoạch là một trong 17 cảng tổng hợp quốc gia, đầu mỗi khu vực (Loại 1) thuộc Nhóm cảng biển Nam Trung Bộ. Cảng nằm ở trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam trung bộ và Tây nguyên. Đây là khu vực có trữ lượng các loại khoáng sản cát, đá, bauxit... lớn nên có nhiều tiềm năng tăng trưởng sản lượng hàng hóa xuất khẩu thông qua Cảng.
- Với quy hoạch chi tiết sử dụng vùng đất, vùng nước được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng lên tới 89ha, trong khi hiện nay Công ty mới sử dụng hơn 20ha, nên Công ty luôn sẵn có không gian để xây dựng và phát triển kho bãi cùng các khu dịch vụ hậu cần sau cảng.

8.2 Triển vọng phát triển ngành

Theo Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, sau 20 năm thực hiện các quy hoạch, trong đó có quy hoạch cảng biển, Việt Nam đã hình thành được một hệ thống cảng biển hoàn chỉnh từ Bắc vào Nam. Hiện nay, Việt Nam có 45 cảng biển và 263 bến cảng, với tổng chiều dài khoảng

89km. Nếu như khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam năm 2000 chỉ đạt gần 82 triệu tấn thì đến năm 2020, mặc dù ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển vẫn duy trì tăng trưởng, đạt hơn 630 triệu tấn, tăng gần gấp 8 lần. Còn so với năm 2019, khối lượng hàng hóa tăng hơn 5% và tăng 80 triệu tấn so với thiết kế. Ngoài ra, sản lượng vận tải của đội tàu Việt Nam cũng không ngừng gia tăng. Từ năm 2015 đến nay, đội tàu biển Việt Nam đã đảm nhận hầu hết lượng hàng vận tải nội địa bằng đường biển, gần 10% hàng hóa xuất nhập khẩu... Kết quả này là nhờ hệ thống kết cấu hạ tầng cảng biển được chú trọng phát triển trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển tại Việt Nam trong năm 2021 dự báo đạt 771 triệu tấn (+11,9% yoy) với động lực đến từ:

- Nhu cầu hàng hóa khôi phục tại các thị trường tiêu thụ lớn khi các hoạt động kinh tế được phục hồi và các biện pháp kiểm soát dịch bệnh được nới lỏng;
- Hiệp định EVFTA và RCEP được phản ánh từ đầu năm: Hiệp định EVFTA mang đến động lực đặc biệt quan trọng cho hệ thống cảng phía Nam trong năm 2021 do các mặt hàng nông sản, thủy sản, sản phẩm gỗ,... (tập trung chủ yếu tại phía Nam) được hưởng lợi về thuế quan sớm nhất từ Hiệp định;
- Dòng vốn FDI duy trì trạng thái tích cực, đặc biệt khi môi trường tỷ giá tương đối thuận lợi và đón đầu các dự án đầu tư hạ tầng giao thông quan trọng đang được đẩy mạnh triển khai;
- Xu hướng hạn chế nhập khẩu đường tiểu ngạch tại Trung Quốc thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông sản, nguyên liệu trực tiếp từ các cảng phía Nam;
- Hưởng lợi từ việc thúc đẩy tiến độ di dời các cảng nội thành TP. HCM.

Theo dự báo đến năm 2030, với lượng hàng hóa gấp 2 lần như hiện nay thì nhu cầu về vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển sẽ là khoảng 100.000 tỷ đồng.

Theo quy hoạch của tỉnh Khánh Hòa thì Cam Ranh thuộc khu trọng điểm kinh tế phía Nam để phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ, hy vọng với sự hỗ trợ của địa phương cùng với công tác thị trường của Cảng được đẩy mạnh thì hàng hóa thông qua Cảng sẽ giữ vững sự ổn định và tăng trong thời gian tới.

Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong thời gian tới, những doanh nghiệp sở hữu quy mô lớn, tiềm lực tài chính mạnh và chuỗi dịch vụ logistics đầy đủ dự báo là những đơn vị hưởng lợi lớn trong giai đoạn tăng trưởng sắp tới và đóng vai trò như đối trọng so với các hãng tàu/ liên minh hãng tàu lớn, trong đó có Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng số 16: Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp cùng ngành năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	CCR	CAG	CCT	CDN	CLL	CMP	CQN
1	Vốn điều lệ thực góp	245.018	138.000	275.281	990.000	340.000	324.054	750.499
2	Tổng tài sản	322.640	153.528	363.122	1.720.141	705.656	689.684	1.522.481

3	Vốn chủ sở hữu	280.567	147.506	261.993	1.405.732	647.099	360.540	926.758
4	Doanh thu thuần	138.417	57.138	112.565	904.396	386.239	137.164	1.564.161
5	Lợi nhuận từ HĐKD	28.058	5.365	640	258.476	114.516	15.960	71.533
6	Lợi nhuận khác	202	6	713	1.723	398	(5)	14.688
7	Lợi nhuận trước thuế	28.261	5.371	1.353	260.199	114.914	15.954	86.221
8	Lợi nhuận sau thuế	23.826	4.586	1.353	209.382	98.535	13.710	68.119
9	Tỷ lệ trả cổ tức (%/Mệnh giá)	7%	2,5%	-	15%	22%	2,33%	10%
10	EPS (đồng/ cổ phần)	958	259	49	2.115	2.674	383	1.348
11	Tỷ lệ sở hữu lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	8,42%	3,12%	0,52%	15,17%	15,41%	3,79%	8,87%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của CAG, CCT, CDN, CMP, CCL và CQN)

- (*) - Công ty Cổ phần Cảng An Giang - Mã chứng khoán: CAG
 - Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Mã chứng khoán: CCT
 - Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng - Mã chứng khoán: CDN
 - Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái - Mã chứng khoán: CLL
 - Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây - Mã chứng khoán: CMP
 - Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh - Mã chứng khoán: CQN

Có thể nhận thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh năm 2020 khá tốt so với các doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực vận hành cảng biển. Chỉ số ROE của Công ty trong năm 2020 đạt 8,57%, khá cao so với các doanh nghiệp trong ngành. Mức cổ tức hàng năm của Công ty luôn duy trì trong khoảng 6%-7%, là mức tương đối cao so với các công ty trong ngành vận tải kho bãi nói riêng và các doanh nghiệp đang niêm yết nói chung. Điều này cho thấy, hoạt động của Công ty đã được Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty duy trì và phát triển tốt, qua đó, giá trị của các cổ đông cũng không ngừng được nâng cao.

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo Quyết định 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/06/2014, mục tiêu "Phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước; đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước. Hình thành

những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển.” cụ thể:

- Tận dụng tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên để phát triển toàn diện hệ thống cảng biển, đột phá đi thẳng vào hiện đại, nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực về lĩnh vực cảng biển nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, từng bước đưa kinh tế hàng hải trở thành mũi nhọn hàng đầu trong 5 lĩnh vực kinh tế biển, đồng thời góp phần củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước;
- Phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển. Đặc biệt chú trọng đảm bảo sự kết nối liên hoàn giữa cảng biển với mạng giao thông quốc gia và đầu mối logistic ở khu vực;
- Phát triển hướng mạnh ra biển để tiếp cận nhanh chóng với biển xa, giảm thiểu khó khăn trở ngại về luồng tàu vào cảng; kết hợp tạo động lực phát triển các khu kinh tế, công nghiệp - đô thị ven biển;
- Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển cảng biển. Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển, không chỉ đối với cầu bến cảng mà còn cả hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển (luồng tàu, đê ngăn sóng, chắn cát, hệ thống đường giao thông, hệ thống điện nước nối cảng...);
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển cảng biển với quản lý bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững; gắn liền với yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Định hướng phát triển chiến lược trung và dài hạn của Công ty:

- Tầm nhìn: Xây dựng Cảng Cam Ranh là Cảng quốc tế tổng hợp loại I đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.
- Sứ mệnh: Cung cấp dịch vụ hàng hải với chất lượng tốt nhất gắn với phát triển bền vững.
- Mục tiêu tổng quát:
 - + Trở thành doanh nghiệp Cảng biển xếp thứ 3 khu vực Trung Bộ về sản lượng khai thác; Là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics của Việt Nam và khu vực, tạo nguồn động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên;
 - + Nâng cấp, phát triển có chiều sâu về trang thiết bị, dây chuyền công nghệ bốc xếp và quản lý để tăng năng lực cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế về cảng biển. Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển (Bến cảng, phương tiện xếp dỡ, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật) để tăng sức mạnh cạnh tranh, năng lực xếp dỡ cả về chủng loại và sản lượng;
 - + Mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng nằm trong diện tích đất và mặt nước được quy hoạch;
 - + Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: “Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”;
 - + Hướng đến mục tiêu tổng sản lượng xếp dỡ là 4,5 triệu tấn/ năm vào năm 2025. Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục phát triển sâu, rộng các lĩnh vực kinh doanh của công ty, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa với công suất khai thác đạt 6,5 triệu tấn/năm;

Với lợi thế về vị trí và có định hướng đầu tư, phát triển cùng với hệ thống cảng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đang phát triển đúng định hướng của Chính Phủ về phát triển hệ thống cảng biển để ngày càng phát triển tốt trong thời gian tới, đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Các phòng, ban tác nghiệp của Công ty được thành lập đầy đủ, số lượng lao động của Công ty đến 20/09/2021 là 194 người với trình độ đã được đào tạo đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.

Bảng số 17: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 20/09/2021

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Phân theo trình độ lao động	194	100%
- Đại học và trên đại học	53	27,32%
- Cao đẳng	04	2,06%
- Trung cấp	23	11,86%
- Công nhân kỹ thuật	46	23,71%
- Lao động phổ thông	68	35,05%
2. Phân loại theo giới tính	194	100%
- Nam	165	85,05%
- Nữ	29	14,95%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Phân loại theo trình độ lao động



Đại học trên đại học
 Cao đẳng
 Trung cấp
 Công nhân kỹ thuật
 Lao động phổ thông

Phân loại theo giới tính



Nam
 Nữ

Vì chuyên môn công việc là cung cấp dịch vụ cảng biển trong thời gian dài nên người lao động phải làm việc trong môi trường khó khăn, công việc nặng nhọc và cường độ liên tục. Do đó, lao động là những người cần có sức khỏe, tháo vát. Tỷ lệ nam giới trong Công ty chiếm phần lớn trong tổng số lao động, công nhân viên nữ chiếm tỷ trọng nhỏ hơn và chủ

yêu làm trong các phòng ban hành chính của Công ty.

Công ty đã và đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Do vậy, số lượng nhân công không thời hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Để đảm bảo sự phù hợp với hoạt động, Công ty hướng đến mục tiêu ổn định nguồn lực và phát triển công ty.

Lao động Công ty được chia thành 5 nhóm theo trình độ, trong đó nhóm công nhân lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất là 35%. Bởi vì hoạt động trong ngành cảng, vận chuyển hàng hóa, Công ty cần nhiều lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn, đáp ứng được nhu cầu công việc yêu cầu. Có thể thấy, cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tính chất hoạt động của ngành. Lao động có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học chiếm 27% tổng số lao động của Công ty, lực lượng cán bộ này không chỉ yêu cầu am hiểu về kỹ thuật, vận hành máy móc, thiết bị, mà còn phải nắm rõ thủ tục hành chính để thực hiện công tác quản lý trực tiếp lẫn gián tiếp. Phần lao động còn lại chiếm 35,57% là công nhân có trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật yêu cầu có chuyên môn về sử dụng máy móc, thiết bị và làm việc trực tiếp tại cảng, kho. Ngoài ra, Công ty cũng rất chú trọng đào tạo nghiệp vụ nhân viên, thuyền viên, nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý và các kỹ năng bổ trợ khác.

9.2 Chính sách đối với người lao động

❖ *Chế độ làm việc:*

Thời gian làm việc: Theo quy định của pháp luật về lao động.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng, được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Nhân viên được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành

Điều kiện làm việc: Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc trong môi trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động.

❖ *Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; kịp thời thăm hỏi, động viên người lao động khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty cũng thực hiện chế độ tiền lương, thưởng minh bạch và trả lương đúng kỳ hạn. Hiện tại, Công ty đang sử dụng hệ thống thang bảng lương chuyển đổi từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

Công tác trả lương, trả thưởng cho người lao động của Công ty được dựa trên đánh giá kết quả hoàn thành công việc bằng công cụ KPIs; thực hiện trả lương cho người lao động

theo phương pháp 3Ps với mục tiêu thúc đẩy sự năng động, sáng tạo, nhiệt huyết của cán bộ, công nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Bố trí lao động đúng người, đúng việc, trả lương, thưởng đúng theo năng lực của người lao động, qua đó giúp người lao động thỏa mãn với công việc đang làm, hài lòng với cách phân phối thu nhập của người lao động. Hàng năm, Công ty tiến hành rà soát chính sách về tiền lương, hệ thống trả lương, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp và thực hiện nâng bậc, nâng lương cho cán bộ, công nhân viên kịp thời.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết; thưởng năng suất thưởng định mức. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách phù hợp được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của Công ty đảm bảo có việc làm 100% trong năm, ổn định thu nhập cho người lao động.

Mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty trong năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn, bình quân cao lao động của khối trực tiếp sản xuất chỉ đạt 19 ca/tháng (năm 2019 là 23 ca/tháng), nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động, như: tiền lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, THTN, BHTNLĐ, đồng thời luôn quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tổ chức các đợt về nguồn, thăm hỏi hiếu hỉ, tặng quà cho các gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty và vươn lên trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích, động viên người lao động gắn bó với Công ty.



Hình số 9: Hình ảnh Hội nghị người lao động được tổ chức tại Hội trường



Hình số 10: Hình ảnh Công ty tổ chức tham quan, du lịch hàng năm

❖ **Chính sách tuyển dụng:**

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài cho Công ty.

Trong năm 2020, Công ty đã tuyển dụng 08 lao động, trong đó 02 lao động có trình độ thạc sĩ, 06 lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề, đạo đức, phẩm chất tốt để bổ trí bổ sung lao động cho các đơn vị, tổ đội trực thuộc. Qua thử việc, các lao động đã thể hiện được năng lực, tay nghề, tinh thần, thái độ làm việc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

❖ **Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn gắn liền với chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và luôn được Ban lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV đạt trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc. Tại Cảng Cam Ranh, tất cả CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; Công ty cũng khuyến khích và tạo điều kiện CBCNV chủ động đề xuất tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí. Hiện tại, Công ty có các hình thức đào tạo: đào tạo tại chỗ; Cử CBCNV tham dự các hội nghị, hội thảo bên ngoài; Cử CBCNV đi học tại các trường, các cơ sở, trung tâm đào tạo có uy tín bên ngoài.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo từ các phòng, trung tâm và bám sát vào chiến lược phát triển của Công ty, Công ty lên kế hoạch học tập, đào tạo. Trong năm qua, Công ty đã cử rất nhiều cán bộ, công nhân viên đi học tập các lớp về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; phối hợp với các trường, trung tâm đào tạo tổ chức các lớp đào tạo về văn hóa doanh nghiệp cho toàn thể cán bộ, công nhân viên; tổ chức đào tạo cho 36 công nhân về nghiệp vụ bốc xếp hàng hóa; tự tổ chức đào tạo cho 17 cán bộ, công nhân viên về nghiệp vụ

khai thác cảng biển và Anh văn chuyên ngành hàng hải; đồng thời cử rất nhiều cán bộ, công nhân viên tham gia các lớp đào tạo trực tuyến do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức. Có thể thấy, song song với việc cử CBCNV đào tạo ngoài, công ty chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ, ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết CBCNV trong Công ty.

❖ **Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, chính sách cho người lao động:**

Công ty bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Tổng số trích, nộp các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ cho người lao động trong năm 2020 hơn 4,7 tỷ đồng. Công ty thực hiện thu và nộp đủ, quyết toán chế độ bảo hiểm đúng thời hạn.

Công ty cũng thường xuyên cải tiến quy trình công nghệ xếp dỡ, trang bị phương tiện, thiết bị, máy móc phù hợp, giảm thiểu thời gian, công sức lao động; tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất về chấp hành thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc 02 lần/tháng; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, hướng dẫn và hỗ trợ người lao động chữa trị các bệnh kịp thời; trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động và tuân thủ nghiêm các nguyên tắc về an toàn lao động.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại, phần đầu ít nhất phải bằng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng thương mại với thời hạn 12 tháng.

Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 là 7% bằng tiền.

Bảng số 18: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất

STT	Năm	Tỷ lệ	Hình thức	Thời gian
1	2018	4%	Bằng tiền	- Thanh toán: 4%, tháng 05/2019
2	2019	6,5%	Bằng tiền	- Thanh toán: 6,5%, tháng 07/2020
3	2020	7%	Bằng tiền	- Thanh toán: 7%, tháng 5/2021

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ứng tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	:	04 - 39 năm
Máy móc, thiết bị	:	04 - 13 năm
Phương tiện vận tải	:	02 - 09 năm
Thiết bị văn phòng	:	02 - 06 năm
Phần mềm quản lý	:	05 năm

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 của CTCP Cảng Cam Ranh)

b) Mức lương bình quân

Bảng số 19: Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty giai đoạn 2017-2020

STT	Năm	Tổng số lao động bình quân (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2017	168	8.900.000
2	2018	184	15.300.000
3	2019	189	16.200.000
4	2020	191	14.877.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Bảng số 20: Thu nhập bình quân của người lao động tại một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận hành cảng biển năm 2020

Chỉ tiêu	CAG	CDN	CMP	CQN
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.100.000	24.000.000	10.920.000	12.784.000

(Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2020 của các Công ty có mã chứng khoán là CAG, CDN, CMP, CQN đang giao dịch/niêm yết trên sàn)

Công ty rất chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương phù hợp với từng người. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 14,8 triệu đồng/người/tháng, giảm 8,17% so với năm 2019. Mức lương bình quân hiện nay của Công ty gần 15 triệu đồng/người/tháng đang là mức tương đối hơn so với các doanh nghiệp trong ngành. Với tiềm lực phát triển của Công ty, chắc chắn mức thu nhập của người lao động sẽ vẫn tiếp tục được nâng cao trong những năm tới đây.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đầy đủ và nghiêm túc các khoản thuế theo quy định của Nhà nước. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty như sau:

Bảng số 21: Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế giá trị gia tăng	8.043.114	94.746.883	1.052.716.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	213.803.674	506.229.013	3.646.726.246
Thuế thu nhập cá nhân	501.000.452	153.961.264	26.000.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.000.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	722.847.240	754.937.160	5.725.442.579

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 22: Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế giá trị gia tăng	127.145.472	135.198.346	1.178.072.069
Thu nhập doanh nghiệp	284.129.498	575.989.011	3.666.726.246
Thuế thu nhập cá nhân	504.048.068	153.961.264	33.724.840
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.000.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	915.323.038	865.148.621	5.878.523.155

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng số 23: Số dư trích lập các quỹ Công ty mẹ

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.853.489.364	681.858.745	2.514.052.745
Quỹ đầu tư phát triển	2.293.409.113	4.060.089.113	7.549.642.113
Tổng cộng	4.146.898.477	4.741.947.858	10.063.694.858

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 24: Số dư trích lập các quỹ Công ty (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.899.695.196	770.923.440	2.662.729.058
Quỹ đầu tư phát triển	2.737.835.099	4.545.665.954	8.077.992.454
Tổng cộng	4.637.530.295	5.316.589.394	10.740.721.512

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

f) Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm, 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/03/2021 có số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Bảng số 25: Cơ cấu dư nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	-
1. Nợ dài hạn tới hạn trả	8.000.000.000	8.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	8.000.000.000	8.000.000.000	-
II. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	46.000.000.000	12.000.000.000	-
1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (*)	54.000.000.000	20.000.000.000	-
2. Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	-
Tổng cộng	54.000.000.000	20.000.000.000	-

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 26: Cơ cấu dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/03/2021
I. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	-
1. Nợ dài hạn tới hạn trả	8.000.000.000	8.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	8.000.000.000	8.000.000.000	-
II. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	46.000.000.000	12.000.000.000	-
1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (*)	54.000.000.000	20.000.000.000	-
2. Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	-
Tổng cộng	54.000.000.000	20.000.000.000	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang

theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25/12/2015 để đầu tư dự án xây dựng Bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ VND;
- Thời hạn cho vay: 12 năm;
- Kỳ hạn thanh toán cuối cùng: Năm 2027;
- Lãi suất bình quân: 9,5%/năm;
- Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Đến thời điểm 30/06/2021, Công ty đã tắt toán trước thời hạn đối với khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25/12/2015 nêu trên.

g) Tình hình công nợ phải thu

Tình hình các khoản Công nợ phải thu của Công ty qua các năm như sau:

Bảng số 27: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Phải thu ngắn hạn	11.262.675.539	8.962.346.818	17.958.969.521
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.558.195.411	8.617.640.171	17.243.912.533
- Công ty TNHH Đá Hóa An 1	2.823.235.150	2.466.050.280	3.271.552.770
- Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	1.107.151.146	866.162.027
- CTCP Đồng Nai (CODONA)	15.400.000	996.091.360	595.843.269
- Công ty TNHH liên doanh nguyên liệu giấy Cát Phú	-	15.400.000	-
- Công ty TNHH Chế biến Dăm gỗ Đại Thắng	-	616.199.278	3.266.587.834
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Minh Hoàng	3.722.638.882	-	-
- CTCP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	218.332.500	113.046.800	-
- Công ty CP Tiếp vận Khánh Hưng	-	-	2.261.371.006
- Công ty TNHH TM Vận tải Hoàng Ngọc Phát	-	-	2.427.382.052
- Các đối tượng khác	4.778.588.879	3.303.701.307	4.555.013.575
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	224.00.000	726.250.000	1.071.990.561
3. Các khoản phải thu khác	462.886.171	543.862.690	568.472.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(982.406.043)	(925.406.043)	(925.406.043)
II. Phải thu dài hạn	791.300.000	559.700.000	559.700.000

1. Phải thu dài hạn khác	791.300.000	559.700.000	559.700.000
- Tiền giải phóng mặt bằng khu hành chính được phép khấu trừ vào tiền thuê đất (*)	791.300.000	559.700.000	559.700.000
Tổng Cộng	12.053.975.539	9.522.046.818	18.518.669.521

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Căn cứ theo Công văn số 3554/CT-QLĐ ngày 20/08/2013 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty được khấu trừ tiền thuế đền bù giải phóng mặt bằng thuộc dự án "Xây dựng khu hành chính Cảng Ba Ngòi" đã chi trả với tiền thuê hàng năm phải nộp trong thời gian 04 năm 03 tháng tính từ thời điểm hết thời hạn được miễn tiền thuê đất là ngày 24/02/2019.

Bảng số 28: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Phải thu ngắn hạn	11.285.242.175	9.633.213.861	18.486.074.594
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.543.351.921	9.258.110.018	17.759.424.382
- Công ty TNHH Đá Hóa An	2.823.235.150	2.466.050.280	3.271.552.770
- Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	1.107.151.146	933.152.027
- CTCP Đồng Nai (CODONA)	15.400.000	996.091.360	595.843.269
- Công ty TNHH liên doanh nguyên liệu giấy Cát Phú	-	15.400.000	-
- Công ty TNHH Chế biến Dăm gỗ Đại Thắng	-	616.199.278	3.361.684.594
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Minh Hoàng	3.722.638.882	-	-
- CTCP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	218.332.500	113.046.800	-
- Công ty CP Tiếp vận Khánh Hưng	-	-	2.261.371.006
- Công ty TNHH TM Vận tải Hoàng Ngọc Phát	-	-	2.427.382.052
- Các đối tượng khác	4.763.745.389	3.944.171.154	4.908.438.664
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	224.000.000	748.525.000	1.071.990.561
3. Các khoản phải thu khác	500.296.297	551.984.886	580.065.694
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(982.406.043)	(925.406.043)	(925.406.043)
II. Phải thu dài hạn	891.300.000	659.700.000	659.700.000
1. Phải thu dài hạn khác	891.300.000	659.700.000	659.700.000
Tổng Cộng	12.176.542.175	10.292.913.861	19.145.774.594

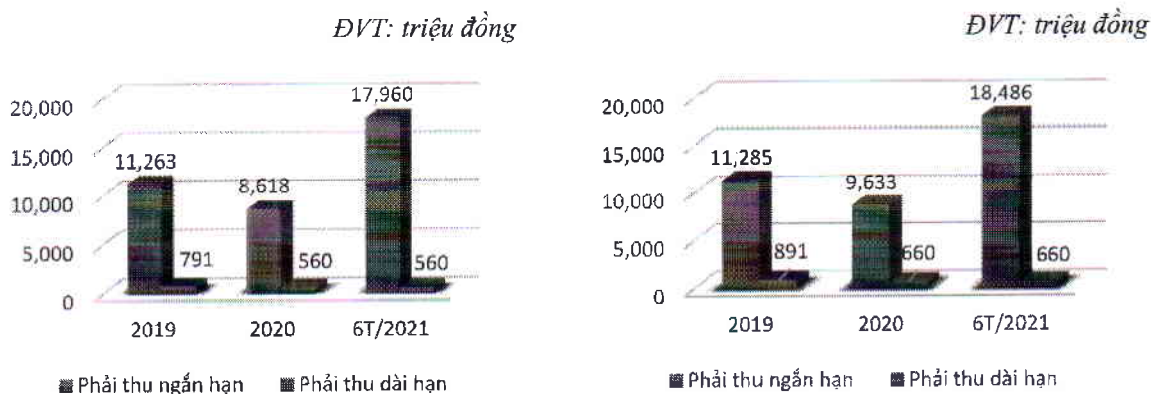
(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Đến thời điểm 31/12/2021, khoản phải thu của khách hàng của Công ty giảm 19,8% chủ yếu là giảm khoản phải thu khách hàng do trong năm, sau khi trả nợ trước hạn ngân hàng, Công ty đã tập trung thu hồi nợ. Tuy nhiên, hết 6 tháng đầu năm 2021, cùng với đà tăng trưởng của doanh thu, khoản phải thu khách hàng của Công ty cũng đã tăng trở lại lên mức 17,76 tỷ đồng, tăng gấp 1,9 lần so với khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2020. Hiện tại, Công ty vẫn còn những khoản phải thu quá hạn thanh toán phần lớn đến từ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa (chiếm 43,3% khoản Dự phòng các khoản phải thu khó đòi).

Trong cơ cấu khoản phải thu ngắn hạn, khoản trả trước cho người bán của Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020 tăng hơn 234,17% so với tại thời điểm 31/12/2019, và đến hết 6 tháng đầu năm 2021 đã tiếp tục tăng 43,2% so với tại thời điểm 31/12/2020, đạt mức 1,1 tỷ đồng. Các khoản trả trước cho người bán là khoản ứng trước các hợp đồng thi công hoặc tư vấn dự án đầu tư (theo điều khoản thanh toán của hợp đồng). Nguyên nhân khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2020 tăng mạnh so với tại thời điểm 31/12/2019 chủ yếu là do trong năm 2020, Công ty đã phát sinh thêm các khoản trả tạm ứng cho Hợp đồng thi công, tư vấn kỹ với các doanh nghiệp là: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải (326 triệu đồng), và Ban quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC (78 triệu đồng). Đây đều là các Hợp đồng đã ký trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi “Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng - cảng Ba Ngòi”. Đối với khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ INTECOM (200 triệu đồng), đây là khoản ứng trước của phần mềm Etos, dự kiến cuối năm 2021 sẽ hoàn thành.

Trước tình hình diễn biến phức tạp từ dịch bệnh Covid-19 hiện nay, Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp để đảm bảo an toàn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn duy trì hoạt động bình thường, không xảy ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng và không ảnh hưởng đến doanh thu dự kiến của Công ty trong năm cũng như tiến độ triển khai các hợp đồng thi công, thực hiện các dự án đầu tư hiện nay.

Biểu đồ tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ và Công ty hợp nhất qua các năm



(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

Các khoản nợ xấu:

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

Bảng số 29: Các khoản nợ xấu của Công ty mẹ và Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đối tượng	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
1	CTCP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	457.802.124	-	400.802.124	-	400.802.124	-
2	CTCP Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	113.319.150	-	113.319.150	-	113.319.150	-
3	Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	-	99.453.843	-
4	Các đối tượng khác	313.446.926	1.616.000	313.446.926	1.616.000	311.830.926	-
Tổng cộng		984.022.043	1.616.000	927.022.043	1.616.000	925.406.073	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Thời gian quá hạn của các khoản nợ xấu Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đều từ 03 năm trở lên. Năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi khoản các khoản nợ còn tồn đọng nhiều năm, từ đó giúp Công ty giảm khoản phải thu khó đòi từ 982,4 triệu đồng năm 2019 xuống còn 925,4 triệu đồng năm 2020, thu hồi được 57 triệu đồng từ khoản nợ tồn đọng (chiếm khoảng 5,8% giá trị khoản phải thu khó đòi năm 2019). Các đối tượng khác nằm trong danh sách nợ phải thu khó đòi của Công ty hiện nay còn có Công ty TNHH MTV Vận tải tàu cao tốc Bắc Nam (84,3 triệu đồng), Công ty TNHH Hưng Phát (83 triệu đồng), Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam (84,79 triệu đồng), Công ty TNHH Thương mại An Tiên Thịnh (22 triệu đồng) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container tại Nha Trang (37,7 triệu đồng). Các khoản nợ xấu tồn đọng đều không quá lớn so với tổng các khoản phải thu và đều đã được Công ty trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định hiện hành.

h) Tình hình công nợ phải trả

Bảng số 30: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Nợ ngắn hạn	30.251.963.512	24.178.253.388	45.231.309.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn (*)	1.667.333.450	2.347.785.588	2.451.741.336
- Công ty TNHH Đông Đô	-	1.090.188.000	-
- Chi nhánh CTCP Tư vấn Xây	-	246.000.000	-

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
<i>dạng Công trình Hàng Hải</i>			
- Công ty TNHH Quang Vinh Cam Ranh	-	247.000.000	-
- CTCP Dịch vụ Biển Tân Cảng	467.500.000	-	475.750.000
- CTCP Dịch vụ Hàng hải Cam Ranh	112.953.500	86.718.588	255.340.822
- Công ty TNHH Quyết Thắng	-	-	623.000.000
- Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Chân Hưng VN	-	-	327.981.764
- Phải trả các đối tượng khác	1.086.879.950	667.879.000	769.668.750
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.778.553	1.285.349.005	1.458.441.671
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Đạt	12.318.380	12.318.380	-
- Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang	-	132.825.000	-
- CTCP Vịnh Nha Trang	-	208.725.000	206.849.500
- Chi nhánh CTCP Container Miền Trung tại Quy Nhơn (Viconship Quinhon)	-	183.696.768	-
- Công ty TNHH Tagi Logistics	-	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Đại lý và môi giới Vận tải biển Quốc tế	-	-	304.711.230
- Các đối tượng khác	3.460.173	247.783.857	446.880.941
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	722.847.240	754.937.160	5.725.442.579
4. Phải trả người lao động	13.149.114.905	8.220.397.890	14.983.801.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	120.000.000	169.525.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.408.400.000	2.408.400.000	2.881.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	315.000.000	310.000.000	14.492.393.663
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.000.000.000	-	723.636.363
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.853.489.364	681.858.754	2.514.052.745
II. Nợ dài hạn	53.788.600.000	17.380.200.000	5.792.400.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	7.788.600.000	5.380.200.000	5.792.400.000

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	46.000.000.000	12.000.000.000	-
Tổng cộng	84.040.563.512	41.558.453.388	51.023.709.357

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Công ty có đầy đủ khả năng trả nợ các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

Bảng số 31: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. Nợ ngắn hạn	30.700.147.734	24.693.240.115	45.602.356.614
1. Phải trả người bán ngắn hạn (**)	1.554.379.950	2.311.667.000	2.266.787.644
- Công ty TNHH Đông Đô	-	1.090.188.000	-
- Chi nhánh CTCP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	-	246.000.000	-
- Công ty TNHH Quang Vinh Cam Ranh	-	247.000.000	-
- CTCP Dịch vụ Biển Tân Cảng	467.500.000	-	475.750.000
- CTCP Dịch vụ Hàng hải Cam Ranh	112.953.500	86.718.588	-
- Công ty TNHH Quyết Thắng	-	-	623.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và XNK Chấn Hưng Việt Nam	-	-	327.981.764
- Phải trả các đối tượng khác	973.926.450	661.760.412	840.055.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.778.553	1.285.349.005	1.509.191.671
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Đạt	12.318.380	12.318.380	-
- Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang	-	132.825.000	-
- CTCP Vịnh Nha Trang	-	208.725.000	206.849.500
- Chi nhánh CTCP Container Miền Trung tại Quy Nhơn (Viconship Quinhon)	-	183.696.768	-
- Công ty TNHH Tagi Logistics	-	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH CLIO Shipping & Logistics Viet Nam-INC	-	-	-
- Công ty TNHH Đại lý và môi giới Vận tải biển Quốc tế	-	-	304.711.230
- Các đối tượng khác	3.460.173	247.783.857	497.630.941

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	915.323.038	865.148.621	5.878.523.155
4. Phải trả người lao động	13.471.570.997	8.522.227.049	15.130.751.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	120.000.000	169.525.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.408.400.000	2.408.400.000	2.881.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	315.000.000	360.000.000	14.548.936.923
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.000.000.000	-	723.636.363
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	2.000.000.000	-	723.636.363
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.899.695.196	770.923.440	2.662.729.058
II. Nợ dài hạn	53.788.600.000	17.380.200.000	5.792.400.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	7.788.600.000	5.380.200.000	5.792.400.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	46.000.000.000	12.000.000.000	-
Tổng cộng	84.488.747.734	42.073.440.115	51.394.756.614

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(**) Công ty có đầy đủ khả năng trả nợ các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

Tổng nợ trong năm 2020 đã giảm một cách rõ rệt. Tổng nợ giảm hơn 50,2% so với năm 2019. Khoản nợ ngắn hạn năm 2020 giảm gần 19,57% so với năm 2019, trong năm khoản phải trả cho người lao động đã giảm gần 37% so với năm 2019. Nếu năm 2019 khoản nợ vay dài hạn là 46 tỷ đồng thì đến năm 2020 chỉ còn 12 tỷ đồng, giảm gần 73,91% so với năm 2019. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn do dịch bệnh Covid-19 hoành hành và kéo dài, Công ty đã chủ động cơ cấu lại nguồn vốn để thích ứng với điều kiện kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

So với đầu năm 2020, khoản nợ ngắn hạn ở cuối kỳ kế toán giảm 19,57%. Việc khoản nợ ngắn hạn trong năm nay giảm mạnh là do dịch bệnh đã tác động xấu đến tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, Công ty đã chủ động lên phương án kiểm soát, cơ cấu lại các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn để thích ứng với điều kiện kinh tế khó khăn. Cụ thể, khoản phải trả cho người lao động giảm gần 4,95 tỷ đồng so với năm 2019, quỹ khen thưởng và phúc lợi giảm 59,42%. Đối với nguồn vốn vay dài hạn đến từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Nha Trang với lãi suất bình quân 9,5%/năm, Công ty đã tập trung nguồn tích lũy ngắn hạn, chủ động trả nợ trước hạn và tắt toán khoản vay tại Vietcombank trong tháng 6/2021.

Đến hết 30/06/2021, tổng các khoản phải trả của Công ty là 51,4 tỷ đồng, tăng 22,15% so với tổng các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2020, mặc dù Công ty đã trả hết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản phải trả ngắn hạn khác đã tăng mạnh, số dư tại thời điểm 30/06/2021 là 14,55 tỷ đồng, cao gấp 40,4 lần so với tại thời điểm 31/12/2020. Cụ thể là từ lợi nhuận phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (419,2 triệu đồng) và cổ tức phải trả cho Công ty mẹ (13,88 tỷ đồng), các khoản phải trả này hàng năm đều có phát sinh tại thời điểm 30/06. Khoản phải trả cho đối tác sau khi đã bù trừ

giữa doanh thu phân chia và chi phí chung phân chia trong kỳ của Hợp đồng góp vốn và hợp tác kinh doanh số 01/2018/HĐ.HTKD ngày 11/04/2018 ký kết giữa Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng về việc thực hiện hợp tác kinh doanh hoạt động khai thác, xếp dỡ hàng hóa tại cảng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát không thành lập pháp nhân mới. Tài sản đồng kiểm soát là cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward - Model HMK 280 (đã qua sử dụng). Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

Khoản Dự phòng phải trả ngắn hạn của Công ty chính là Khoản Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định. Đến hết Quý II năm 2021, số dư khoản mục này của Công ty là 723,64 triệu đồng. Chi tiết như sau:

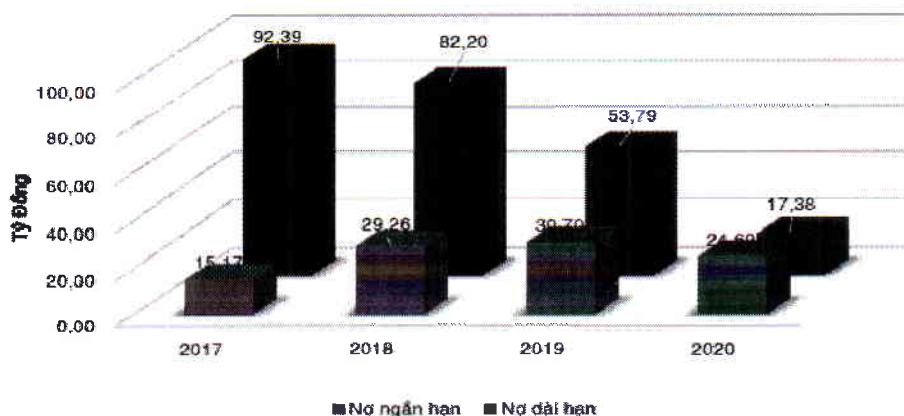
TT	Nội dung	Giá trị (VND)
I	Số trích trong kỳ (6 tháng đầu năm 2021)	2.710.000.000
II	Chi phí đã sửa chữa trong kỳ	1.986.363.637
1	Sửa chữa Bến số 1 (Giai đoạn 1)	1.900.000.000
2	Sửa chữa Bên số 1 (Giai đoạn 2)	960.909.090
3	Sửa chữa đường nhánh nội bộ N2	1.000.000.000
III	Số dư Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2021	723.636.363

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

(* Số còn lại như trên đã được rà soát đến thời điểm 30/6/2021, những hạng mục không triển khai sẽ được loại trừ và số dự kiến phát sinh ngoài kế hoạch đầu năm, trừ số đã thực hiện khấu trừ vào chi phí trích trước.

Các khoản dự phòng nêu trên đều thuộc danh mục kế hoạch sửa chữa lớn năm 2021 và chi phí dự phòng dựa trên cơ sở khái toán tổng mức đầu tư sửa chữa từng hạng mục. Qua thực tế kết quả kinh doanh quý II/2021 có sự tăng trưởng mạnh so với kế hoạch đề ra, nên Công ty đã thực hiện trích trước các khoản dự phòng sửa chữa trong năm và các công trình dự kiến thực hiện vào cuối quý IV, có thể kết dư sang năm 2022.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ QUA CÁC NĂM



i) **Doanh thu chưa thực hiện của Công ty**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 30/06/2021 là khoản doanh thu nhận trước về cho thuê kho bãi. Chi tiết như sau:

Bảng số 32: Doanh thu chưa thực hiện Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.408.400.000	2.408.400.000	2.881.800.000
1	Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	2.408.400.000	2.408.400.000	2.881.800.000
II	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	7.788.600.000	5.380.200.000	5.792.400.000
2	Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	7.788.600.000	5.380.200.000	5.792.400.000
Tổng cộng		10.197.000.000	7.788.600.000	8.674.200.000

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 33: Doanh thu chưa thực hiện Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.408.400.000	2.408.400.000	2.881.800.000
1	Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	2.408.400.000	2.408.400.000	2.881.800.000
II	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	7.788.600.000	5.380.200.000	5.792.400.000
2	Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	7.788.600.000	5.380.200.000	5.792.400.000
Tổng cộng		10.197.000.000	7.788.600.000	8.674.200.000

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Doanh thu chưa thực hiện gồm 02 Hợp đồng cho thuê bãi dài hạn, khách hàng trả trước tiền thuê, chi tiết như sau:

+ Hợp đồng số 01/HĐ.TB ngày 04/01/2016 với Công ty TNHH Chế biến dăm gỗ Đại Thắng về việc thuê bãi dài hạn 10 năm, trả trước một phần cước thuê bãi; Phụ lục Hợp đồng số 01-01/PLHĐ ngày 31/12/2020 về việc điều chỉnh đơn giá thuê bãi cho thời gian thuê còn lại của hợp đồng 01/HĐ.TB ngày 04/01/2016; số tiền đã trả trước: 6.045.300.000 đồng (chưa gồm VAT).

+ Hợp đồng số 122-01/HĐ.KB ngày 28/9/2017 với Công ty cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng về việc thuê bãi dài hạn 10 năm, trả trước 5 năm cước thuê bãi; Phụ lục Hợp đồng số



122-01-01/PLHĐ ngày 31/12/2020 về việc điều chỉnh đơn giá thuê bãi cho thời gian còn lại của chu kỳ 5 năm đầu của hợp đồng số 122-01/HĐ.KB ngày 28/9/2017; số tiền đã trả trước: 10.321.200.000 đồng (chưa gồm VAT).

j) Hàng tồn kho

Bảng số 34: Hàng tồn kho của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nguyên liệu, vật liệu	123.490.930	173.382.746	110.977.388
Công cụ, dụng cụ	249.409.904	224.889.774	225.061.203
Hàng hóa	595.502.530	289.458.102	415.580.991
Tổng cộng	968.403.364	687.730.622	751.619.582

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 35: Hàng tồn kho của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nguyên liệu, vật liệu	161.626.172	209.426.214	142.092.187
Công cụ, dụng cụ	255.128.540	230.400.275	231.520.783
Hàng hóa	595.502.530	289.458.102	451.580.991
Tổng cộng	1.012.257.242	729.284.591	789.193.961

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, chuyên cung cấp dịch vụ: bốc hàng, vận tải và hỗ trợ vận tải đường thủy khác. Vì vậy, hàng tồn kho chủ yếu là các tài sản như: công cụ, dụng cụ mang tính chất hỗ trợ sửa chữa, bảo trì, vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi.

Tại thời điểm cuối kỳ, hàng tồn kho của Công ty được xác định:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém chất lượng không có khả năng tiêu thụ;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả;
- Không có chênh lệch về số lượng và giá trị giữa sổ ghi sổ kế toán và sổ thực tế khi kiểm kê;
- Không phát sinh trích lập/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

k) Các khoản đầu tư tài chính

Bảng số 36: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	4.464.390.000	4.464.390.000	4.464.390.000
1	<i>Đầu tư vào Công ty con:</i> CTCP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	3.294.390.000	3.294.390.000	3.294.390.000
2	<i>Các khoản đầu tư khác:</i>	1.170.000.000	1.170.000.000	1.170.000.000

CTCP Đô thị Cam Ranh			
Tổng cộng	4.464.390.000	4.464.390.000	4.464.390.000

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 37: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	-	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)	1.170.000.000	1.170.000.000	1.170.000.000
-	Các khoản đầu tư khác: CTCP Đô thị Cam Ranh	1.170.000.000	1.170.000.000	1.170.000.000
	Tổng cộng	1.170.000.000	1.170.000.000	1.170.000.000

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Tính trên giá trị ghi sổ.

- Hiện tại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính trên do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

❖ **Đối với khoản đầu tư tại CTCP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (CMS):**

Năm 2016, Cảng Cam Ranh đầu tư thêm vào Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh 23.439 cổ phần (tương đương 234.390.000 đồng), đồng thời được nhận cổ phiếu thưởng phát hành thêm từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty con là 27.540 cổ phần (tương đương 275.540.000 đồng chỉ ghi nhận tăng số lượng trên thuyết minh BCTC và không ghi giá trị cổ phần nhận được). Tổng số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ tại công ty con CMS cuối kỳ báo cáo là 356.979 cổ phần. Tỷ lệ sở hữu tại công ty con vẫn giữ nguyên là 51%.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty con là các hoạt động phụ trợ cho Cảng Cam Ranh, nhưng những năm gần đây hoạt động chưa hiệu quả, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đều giảm so với năm 2019 và không đạt kế hoạch đề ra. Năm 2020, CMS có khoản thu nhập khác từ thanh lý tài sản nên lợi nhuận đạt 96% kế hoạch, dự kiến cổ tức năm 2020 vẫn đạt kế hoạch là 9%/năm.

❖ **Đối với khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh:**

Năm 2019, Cảng Cam Ranh được nhận cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần đô thị Cam Ranh là 117.000 cổ phần (tương đương 1.170.000.000 đồng, phần cổ phiếu thưởng này chỉ ghi nhận tăng số lượng trên thuyết minh BCTC và không ghi giá trị cổ phần nhận được). Tổng số lượng cổ phần nắm giữ tại CTCP đô thị Cam Ranh đến ngày 31/12/2019 là 234.000 cổ phần.

Năm 2020, Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chi cổ tức bằng cổ phiếu là 25.740 cổ phần (tương đương 257.400.000 đồng). Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng CP tăng thêm chứ không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Tổng số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần đô thị Cam Ranh



đến thời điểm báo cáo là 259.740 cổ phần.

Năm 2021, Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh đã chi cổ tức bằng cổ phiếu là: 38.961 cổ phần (tương đương 389.610.000 đồng). Tổng số lượng cổ phần tại CTCP Đô thị Cam Ranh đến thời điểm 30/06/2021 là: 289.701 cổ phần. Đây là khoản đầu tư ngoài ngành của Cảng Cam Ranh. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không liên quan đến ngành nghề của Cảng Cam Ranh, cổ tức nhận được các năm gần đây đã thấp hơn so với giai đoạn trước.

Ngoài ra, trong năm 2018, Cảng Cam Ranh đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cầu Gottwald và góp vốn đầu tư cầu với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng với số tiền là 7 tỷ đồng. Đến hết năm 2020, do sản lượng thực hiện của cầu Gottwald chưa cao nên hiệu quả mang lại từ việc hợp tác kinh doanh chưa đạt được như Phương án đầu tư ban đầu.

Hiện tại Cảng Cam Ranh đang có kế hoạch chuyển nhượng, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính tại CTCP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và CTCP Đô thị Cam Ranh để tập trung nguồn lực tài chính phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chính và đầu tư phát triển theo chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty đã được phê duyệt (Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021).

l) Chi phí trả trước

Bảng số 38: Các khoản chi phí trả trước Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	66.347.519	83.896.773	23.429.864
-	Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	66.347.519	83.896.773	23.429.864
2	Chi phí trả trước dài hạn	55.199.236	45.162.436	40.144.636
-	Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	55.199.236	45.162.436	40.144.636
	Tổng cộng	121.546.755	129.059.209	63.574.500

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 39: Các khoản chi phí trả trước Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	100.087.382	122.588.991	84.545.918
-	Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	100.087.382	103.174.077	50.393.691
-	Các khoản khác	-	19.414.914	34.152.227
2	Chi phí trả trước dài hạn	386.525.174	423.518.357	310.625.157
-	Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	55.199.236	45.162.436	40.144.636
-	Công cụ dụng cụ xuất dùng	331.325.938	-	-

-	Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	378.355.921	270.480.521
Tổng cộng		486.612.556	546.107.348	395.171.075

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

m) Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động
Tài sản thuê ngoài:

TT	Số Hợp đồng	Địa điểm	Nội dung chính	Diện tích (m ²)	Mục đích	Thời hạn
1	42/2007/HĐTĐ ngày 14/07/2007	Khu vực bãi bồi, Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	25.000,0	Xây dựng nhà máy chế biến dăm gỗ xuất khẩu	Đến ngày 09/04/2027
2	86/2010/HĐTĐ ngày 21/09/2010	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	11.470,8	Xây dựng khu hành chính Cảng Cam Ranh	Đến ngày 04/06/2039
3	18/2011/HĐTĐ ngày 24/03/2011	Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	68.600,0	Xây dựng kho bãi và dịch vụ hậu cần cảng	Đến ngày 30/10/2027
4	58/2013/HĐTĐ ngày 16/09/2013	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	90.000,0	Xây dựng Kho bãi và phía Tây Cảng Cam Ranh	Đến ngày 27/10/2051
5	87/2014/HĐTĐ ngày 29/08/2014	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	49.037,7	Thực hiện dự án Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	Đến ngày 09/04/2054
6	84/2018/HĐTĐ ngày 22/06/2018	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	8.255,5	Xây dựng khu hành chính trung tâm (đất thương mại, dịch vụ)	Đến ngày 30/10/2058

(Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 797,5 m², với mục đích xây dựng

trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

✦ Số dư ngoại tệ các loại:

Loại ngoại tệ	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
USD	80.292,82	20.279,62	20.273,02

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019, 2020; BCTC riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 40: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,46	0,94	1,57	1,06
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	1,43	0,92	1,54	1,03
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,72	13,12	23,47	13,04
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	31,10	15,11	30,66	15,00
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	94,69	99,02	92,65	96,84
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,43	0,40	0,43	0,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,22	17,34	13,82	16,92
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	8,31	8,53	8,15	8,42
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	6,08	6,94	5,98	6,86
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,18	20,51	18,84	20,27

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 của Công ty)

✦ Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2020 của Công ty mẹ giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Điều này được lý giải bởi tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh. Từ cuối năm 2019, Công ty tăng cường trả nợ vay dài hạn - trả trước hạn theo kế hoạch khế ước bằng tiền và các khoản tương đương tiền, làm cho khoản mục tiền và tương đương tiền giảm

gần 56,3% so với năm 2019. Bên cạnh đó, các khoản mục khác trong tài sản ngắn hạn cũng đồng thời giảm. Nợ ngắn hạn của Công ty trong năm nay cũng ghi nhận mức giảm 19,57% so với năm 2019.

Các chỉ số về khả năng thanh toán năm 2020 của Công ty hợp nhất đều duy trì trên mức 1,0 vì vậy, Công ty vẫn có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty trong năm cũng đã chủ động lên kế hoạch cụ thể để tránh rơi vào tình thế bị động về thanh khoản, duy trì lượng tiền mặt hợp lý để đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn và sử dụng vốn hiệu quả.

✦ Cơ cấu vốn

Trong khi vốn chủ sở hữu không có nhiều biến động thì tổng nợ của Công ty tiếp tục giảm mạnh lên tới 50,2% so với năm 2019 làm hệ số nợ giảm. Công ty đã thu xếp tài chính thanh toán các khoản nợ vay. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đã giảm 73,91% so với năm 2019. Nợ phải trả chiếm 13% tổng tài sản, bằng 15% vốn chủ sở hữu chứng tỏ tài sản của Công ty chủ yếu được hình thành từ nguồn vốn tự có.

✦ Khả năng sinh lời

Doanh thu năm 2020 tuy giảm 13,42% so với năm 2019, nhưng số lượng đơn hàng của Công ty trong năm nay tăng so với năm 2019. Các mặt hàng này có đặc điểm chi phí khai thác thấp, tỷ suất sinh lợi cao do vậy lợi nhuận sau thuế tăng so với năm trước. Các chỉ số ROS, ROA, ROE đều tăng lần lượt 17,2%, 8,57%, 6,98% so với năm 2019. Đây là thành quả đáng khích lệ cho Ban lãnh đạo, cũng như toàn thể CBCNV của Công ty đã cùng nhau quyết tâm vượt qua những khó khăn thời khủng hoảng dịch bệnh để duy trì mức tăng trưởng.

✦ Năng lực hoạt động

Trong năm 2020, vòng quay tổng tài sản đạt 0,41 giảm nhẹ so với năm 2019, do dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng, doanh thu Công ty giảm 13,42% so với năm 2019, từ đó làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty. Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, chuyên cung cấp dịch vụ: bốc hàng, vận tải và hỗ trợ vận tải đường thủy khác. Vì vậy, hàng tồn kho chủ yếu là các tài sản như: công cụ, dụng cụ mang tính chất hỗ trợ sửa chữa, bảo trì, vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi. Chỉ tiêu hàng tồn kho đã giảm 27,95% so với năm trước, nâng vòng quay hàng tồn kho năm 2020 đạt mức 96,93 vòng. Công ty hạn chế các hoạt động dịch vụ chưa hiệu quả để duy trì tốt việc sử dụng tài sản trong việc chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh chính, mang lại những hiệu quả tuy nhỏ nhưng cũng đáng chú ý trong năm.

11.3 Tình hình đầu tư thực hiện dự án, sửa chữa trong năm

a. Các dự án đầu tư Công ty đã hoàn thành trong năm 2020:

Bảng số 41: Các dự án đã triển khai trong năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Quy mô/Khối lượng thực hiện	Giá trị đầu tư (Tr.đồng)	
			Tổng mức phê duyệt đầu tư	Giá trị tài sản hình thành đến 31/12/2020
I	Đầu tư xây dựng cơ bản hạ tầng		2.799	2.376
1	Cải tạo, chuyển đổi công năng Cầu lạch		1.864	1.577

TT	Chỉ tiêu	Quy mô/Khối lượng thực hiện	Giá trị đầu tư (Tr.đồng)	
			Tổng mức phê duyệt đầu tư	Giá trị tài sản hình thành đến 31/12/2020
	bộ công nhân thành văn phòng TTKT			
2	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái khu VP	52KWp	935	799
II	Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị		1.272	476
1	Ứng dụng công nghệ thông tin		1.120	361
-	Phần mềm khai thác cảng Smart-TOS			Chưa
-	Phần mềm kế toán (FAST)			195
-	Máy chủ (Server)			166
2	Bộ ngoại ngữ đa chức năng BN3	6m ³	152	115
Tổng cộng:			4.071	2.852

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

b. Các dự án sửa chữa trong năm 2020:

Bảng số 42: Các dự án sửa chữa trong năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Tr.đồng)	Thực hiện (Tr.đồng)
1	Sửa chữa hệ thống kho, bãi	2.000	491,17
2	Sửa chữa duy tu cầu bến (cọc bích, đệm va, mặt cầu, chân cầu, cầu dẫn,...)	1.500	460,91
3	Sửa chữa thiết bị và công cụ sản xuất	2.400	1.029,90
4	Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý (xe con, thiết bị văn phòng,...)	250	482,31
5	Sửa chữa hệ thống đường	100	12,73
6	Sửa chữa hệ thống điện nước	200	148,30
Tổng cộng:		6.450	2.625,32

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

c. Các dự án chưa thực hiện trong năm 2020:

- Dự án Kho bãi Phía Tây: không thực hiện do kế hoạch xuất hàng của khách nhu cầu thuê kho- bãi lưu chứa hàng hoá không có. Khi thực tế phát sinh nhu cầu, sẽ có kế hoạch đầu tư bổ sung.

- Dự án Trung tâm dịch vụ hàng hải Logistics: không thực hiện do Thành phố Cam Ranh chưa có quy hoạch chi tiết khu vực, do vậy vướng thủ tục đất của địa phương để cấp thẩm quyền cấp phép đầu tư. Công ty sẽ tiếp tục có kế hoạch đầu tư sau khi UBND Thành phố có quy hoạch chi tiết.

- Dự án mua sắm cầu chân đế chạy ray: (vốn vay) do biến động của tình hình kinh tế chung ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, lượng xuất hàng giảm mạnh, Công ty sẽ đầu tư khi có nhu cầu.

- Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng: việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý bị chậm do chờ hướng dẫn thống nhất của các cấp thẩm quyền từ địa phương đến bộ ngành (cập nhật điều chỉnh quy hoạch, thủ tục pháp lý liên quan về môi trường, các yếu tố khí tượng hải văn, địa chất, độ sâu vùng nước, điều kiện luồng tàu,...). Công ty đã xúc tiến làm việc và được Bộ Giao thông Vận tải có ý kiến chấp nhận chủ trương đầu tư. Tiếp theo, Công ty sẽ tiến hành thuê Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và xin thoả thuận vị trí với Cục Hàng hải.

- Dự án nạo vét duy tu tuyến luồng: đang vướng mắc về thủ tục pháp lý đầu tư (có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan bộ ngành và địa phương về vị trí tiếp nhận chất thải nạo vét). Công ty đã làm việc để UBND tỉnh có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam và đang xúc tiến các thủ tục pháp lý tiếp theo để tiến hành đầu tư.

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

12.1 Danh sách

12.1.1 Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng số 43: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
3	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Bà Kiều Phương Ngọc	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

12.1.2 Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng số 44: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban BKS	
2	Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên BKS	
3	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

12.1.3 Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng số 45: Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Tổng Giám đốc	
2	Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Người được ủy quyền công bố thông tin	

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

12.1.4 Người phụ trách quản trị Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Phan Thị Kim Yên	Người phụ trách quản trị Công ty	

(Nguồn: CTCP Cảng Cam Ranh)

12.2 Sơ yếu lý lịch

12.2.1 Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

✦ Ông Phạm Hữu Tấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Phạm Hữu Tấn
- Số CMND : 220891631, Ngày cấp: 06/03/2013
Nơi cấp: CA Khánh Hòa
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1965
- Nơi sinh : Pleiku - Gia Lai
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 123 Lê Hồng Phong - Tổ DP Lộc Thịnh - P. Cam Lộc - Cam Ranh - Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Khoa học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/1988 - 11/1991	Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh	Cán bộ kỹ thuật
Từ 12/1991 - 3/1993	Cảng Ba Ngòi	Cán bộ kỹ thuật
Từ 4/1993 - 12/2000	Cảng Ba Ngòi	Phó phòng Vật tư Kỹ thuật
Từ 01/2001 - 12/2001	Cảng Ba Ngòi	Phó phòng Dự án Đầu tư Kỹ thuật
Từ 01/2002 - 01/2006	Cảng Ba Ngòi	Trưởng phòng Dự án Đầu tư Kỹ thuật
Từ 02/2006 - 9/2006	Cảng Ba Ngòi	Phó Giám đốc
Từ 10/2006 - 6/2007	Cảng Ba Ngòi	Quyền Giám đốc
Từ 7/2007 - 3/2009	Cảng Ba Ngòi	Giám đốc
Từ 3/2009 - 6/2015	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Từ 6/2015 - 4/2016	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Từ 4/2016 - 5/2020	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Tổng Giám đốc
Từ 6/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 52.600 cổ phiếu, chiếm 0,20% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng phiếu đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP : 5.611.815 cổ phiếu, chiếm 22,90% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

*** Ông Nguyễn Viết Nhâm - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

- Họ và tên : Nguyễn Viết Nhâm
- Số CMND : 220905999 ngày cấp 06/06/2018 Nơi cấp: CA Khánh Hòa
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/02/1965
- Nơi sinh : Nghi Lộc - Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 2244 Đại lộ Hùng Vương, TDP Ngô Mây, P. Ba Ngòi, TP Cam Ranh, Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác thủy sản, Cử nhân khoa học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/1985 - 3/1992	Công ty Vận tải thủy bộ Cam Ranh	Cán bộ điều độ
Từ 04/1992 - 3/1993	Cảng Ba Ngòi	Thuyền phó tàu biển
Từ 04/1993 - 12/1998	Cảng Ba Ngòi	Thuyền trưởng tàu biển
Từ 01/1999 - 12/2001	Cảng Ba Ngòi	Phó ty kho hàng điều độ
Từ 01/2002 - 3/2009	Cảng Ba Ngòi	Trưởng phòng Kế hoạch Thương vụ
Từ 3/2009 - 6/2015	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Phó Tổng Giám đốc
Từ 6/2015 - 4/2016	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc



Từ 4/2016 - 5/2020	CTCP Cảng Cam Ranh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ 6/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 11.400 cổ phiếu, chiếm 0,05% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP : 5.390.400 cổ phiếu, chiếm 22,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ông Nguyễn Văn Tài - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Văn Tài
- Số CMND : 011789837 Ngày cấp: 11/06/2008
Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/05/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Thạch Thất - Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1989 - 2001	Công ty tư vấn xây dựng công trình I	Cán bộ khảo sát
Từ 2001 - 8/2018	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	Giám đốc
Từ 9/2018 - đến nay	Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	Cán bộ
Từ 6/2015 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Cán bộ Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu của Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân : 3.497.102 cổ phiếu, chiếm 14,27% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

✦ Bà Kiều Phương Ngọc - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Kiều Phương Ngọc
- Số CCCD : 031178000024 Ngày cấp 23/05/2014
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22/10/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Số 38/69A Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư vận tải biển
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2001- 9/2008	Công ty Tư vấn Hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ
Từ 9/2008 - 3/2012	Công ty Tư vấn Hàng hải Việt Nam - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Trưởng Phòng Tổng hợp
Từ 3/2012 - 6/2015	Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển Doanh nghiệp - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ
Từ 6/2015 - 12/2015	Ban Chiến lược phát triển và truyền thông - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ
Từ 12/2015 - 4/2017	Ban Chiến lược và Phát triển truyền thông - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng ban
Từ 4/2017- đến nay	Ban Thị trường Kế hoạch - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng ban
Từ 5/2017 - 12/2020	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT)	Người ĐDPV, Thành viên HĐQT



Từ 23/4/2021 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Người ĐDPV, Thành viên HĐQT
------------------------	-------------------------------	-----------------------------

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Trưởng ban Thị trường Kế hoạch - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP : 4.410.400 cổ phiếu, chiếm 18,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

➤ Bà Nguyễn Thị Yến - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Thị Yến
- Số CMND : 013176957 Ngày cấp 09/05/2013
Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 12/06/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Số nhà 134 Vương Thừa Vũ, P.Khương Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế; Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/2000 - 12/2003	Trường Đại học Hàng hải VN	Giảng viên Khoa Kinh tế Vận tải biển
Từ 01/2004 - 8/2010	Ban Tổ chức Tiền lương - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ
Từ 8/2010 - 6/2014	Ban Tổ chức Tiền lương - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng phòng Tổ chức đào tạo
Từ 24/6/2014 - đến nay	Ban Tổ chức Nhân sự - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng ban
Từ 7/2014 - 4/2016	Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines	Người ĐDPV, Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2016 - đến nay	Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt (Vijaco)	Người ĐDPV, Thành viên HĐQT



Từ 2019 - 4/2021	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	Người ĐDPV, Thành viên HĐQT độc lập
Từ 23/4/2021 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Người ĐDPV, Thành viên HĐQT
Từ 2015 - 6/2020	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty HHVN	Ủy viên

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó trưởng Ban Tổ chức Nhân sự - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; Người ĐDPV, Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 4.410.400 cổ phiếu, chiếm 18,00% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.2.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : Dương Thị Hồng Hạnh
- Số CMND : 017199589 Ngày cấp 01/07/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 05/11/1985
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Chí Linh - Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Phòng 704 nhà A5 KĐT Đại Kim, P Định Công, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế, tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2007 - 2009	Công ty cổ phần chứng khoán Thủ Đô	Cán bộ tư vấn TCDN
Từ 2009 - đến nay	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban Kế toán



Từ 6/2015 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 6/2016 - 4/2021	Công ty cổ phần Vận tải biển và TM Phương Đông	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 4/2021 - đến nay	Công ty cổ phần Vận tải biển và TM Phương Đông	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 6/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : - Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Quy Nhơn
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao Trưởng Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

✦ Bà Bùi Thị Ngân Hoa - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Bùi Thị Ngân Hoa
- Số CCCD : 034176006682 Ngày cấp 02/05/2018
Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 24/01/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Đông Hưng - Thái Bình
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : P411, C1, Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1998 - 2000	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ Ban Tài chính Kế toán
Từ 2000 - 2005	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ Văn phòng Cơ quan



Từ 2005- 2010	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cán bộ Ban Thi đua Tuyên truyền Khen thưởng
Từ 2010 - 2012	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng Phòng Thi đua Khen thưởng
Từ 2012 - 2015	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Trưởng Phòng Thi đua Khen thưởng
Từ 2015 - đến nay	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự
Từ 23/4/2021 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS Công ty CP Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên BKS
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

🌿 Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Trần Thị Thanh Thủy
- Số CMND : 012861744 Ngày cấp: 19/09/2012 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 08/08/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : Số nhà 3/23/267 đường Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 - 2004	Công ty CP dịch vụ kỹ thuật Hàng hải	Chuyên viên Kế toán tổng hợp



Từ 2004 - 2005	Công ty CP xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng Vinashin	Chuyên viên Phân tích dự toán
Từ 2005 - 2006	Công ty công trình 5	Chuyên viên Kế toán tổng hợp
Từ 2007 - 2009	Công ty TNHH Đầu tư và TM Việt Mỹ	Kế toán trưởng
Từ 2009 - 2010	Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa - CN Hà Nội	Chuyên viên Kế toán
Từ 2010 - 2012	Công ty xuất khẩu lao động Hàng hải - CN Tổng công ty Hàng hải VN - Công ty TNHH MTV	Trưởng phòng kế toán
Từ 2012 - 2014	Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên
Từ 11/2014 - 6/2017	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên
Từ 6/2017 - 5/2020	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên 1
Từ 5/2020 - 15/11/2020	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên 2
Từ 16/11/2020 - đến nay	Ban KT-KTNB - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên 2
Từ 23/4/2021 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS Công ty CP Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên Ban KT-KTNB - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên BKS
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.2.3 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

✦ Ông Nguyễn Việt Nhâm - Tổng Giám đốc Công ty
Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên HĐQT

✦ Ông Nguyễn Văn Thắng - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Văn Thắng
- Số CMND : 220779161 Ngày cấp 22/03/2011
Nơi cấp: CA Khánh Hòa



- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/04/1968
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Kinh Môn - Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : TDP Hòa Phước, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí; Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1999 - 12/2000	Chi nhánh Trung tâm nghiên cứu vật liệu Polimer	Cán bộ kỹ thuật
Từ 01/2001 - 7/2002	Cảng Ba Ngòi	Cán bộ kỹ thuật phòng Dự án - Đầu tư - Kỹ thuật
Từ 8/2002 - 02/2006	Cảng Ba Ngòi	Phó trưởng phòng Dự án - Đầu tư - Kỹ thuật
Từ 3/2006 - 7/2006	Cảng Ba Ngòi	Quyền trưởng phòng Dự án - Đầu tư - Kỹ thuật
Từ 8/2006 - 3/2009	Cảng Ba Ngòi	Trưởng phòng Dự án - Đầu tư - Kỹ thuật
Từ 3/2009 - 6/2015	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
Từ 6/2015 - 7/2016	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Trưởng phòng Kinh doanh - Đầu tư
Từ 8/2016 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Phó Tổng Giám đốc
Từ 5/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (CMS).
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không



- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

✦ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Thị Thu Thủy
- Số CMND : 225049026 Ngày cấp: 05/08/2010
Nơi cấp: CA.Khánh Hòa
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 29/09/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Cam Ranh - Khánh Hoà
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 198 QL1, TDP Thuận Lợi, P. Cam Lợi,
TP Cam Ranh, Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 3/2002 - 12/2002	Cảng Ba Ngòi	Nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính
Từ 01/2003 - 11/2006	Cảng Ba Ngòi	Trợ lý Giám đốc
Từ 12/2006 - 9/2009	Cảng Ba Ngòi	Cán bộ phòng Kế hoạch Thương vụ
Từ 10/2009 - 7/2011	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Nhân viên XN Dịch vụ - Thương mại
Từ 8/2011 - 02/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Phó giám đốc XN Dịch vụ - Thương mại
Từ 3/2014 - 6/2015	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
Từ 7/2015 - 12/2016	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Phó trưởng phòng Kinh doanh - Đầu tư
Từ 01/2017 - 9/2017	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Trưởng phòng Kinh doanh - Đầu tư
10/2017- 25/1/2019	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Phó giám đốc Trung tâm Kinh doanh - Khai thác
Từ 26/1/2019 - 01/3/2020	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 02/3/2020 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Cam Ranh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 7.600 cổ phiếu, chiếm 0,03% số lượng cổ

- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ông Nguyễn Huy Phương - Kế toán trưởng

- Họ và tên : Ông Nguyễn Huy Phương
- Số CMND : 220797496 Ngày cấp 24/7/2019
Nơi cấp: CA.Khánh Hòa
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/04/1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Hóc Môn - TP.HCM
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 141 Lê Hồng Phong - TDP Lộc Thịnh - Phường Cam Lộc - Cam Ranh - Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính; Cử nhân Khoa học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/1987 - 8/1996	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông công nghiệp Cam Ranh, Phú Khánh	Kế toán
Từ 9/1996 - 02/2002	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Khánh Hòa	Kế toán
Từ 3/2002 - 8/2003	Cảng Ba Ngòi	Kế toán
Từ 9/2003 - 12/2005	Cảng Ba Ngòi	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
Từ 01/2006 - 3/2009	Cảng Ba Ngòi	Kế toán trưởng
Từ 3/2009 - 6/2015	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Từ 6/2015 - 4/2018	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Người được ủy quyền công bố thông tin
Từ 4/2018 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Người được ủy quyền công bố thông tin



- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Người được ủy quyền công bố thông tin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 4.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 3.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Huy Dũng	Em ruột	3.000	0,01%

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

✿ Bà Phan Thị Kim Yến - Người phụ trách quản trị Công ty

- Họ và tên : Bà Phan Thị Kim Yến
- Số CMND : 225133460 Ngày cấp 28/08/2013
Nơi cấp: CA Khánh Hòa
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/01/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi sinh : Cam Ranh - Khánh Hoà
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay : 141/17 Đường Phan Bội Châu, TDP Đá Bạc, Phường Cam Linh, TP Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/2006 - 11/2008	Công ty TNHH TMDV Thiết bị văn phòng Thái Dương	Nhân viên kinh doanh
Từ 12/2008 - 8/2010	Công ty Đóng tàu Cam Ranh	Nhân viên phòng Kinh doanh
Từ 9/2010 - 5/2013	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Nhân viên phòng Tổ chức -Tiền lương



Từ 6/2013 - 10/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh	Nhân viên phòng Kế hoạch - Đầu tư
Từ 11/2014 - 7/2015	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Nhân viên phòng Tổ chức Tiền lương
Từ 8/2015 - 10/9/2017	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Thư ký Công ty
Từ 11/9/2017 - 30/12/2019	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Thư ký Công ty
Từ 31/12/2019 - đến nay	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	Người phụ trách quản trị Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Người phụ trách quản trị Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu : 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,008% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan : 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Đoàn Xuân Vinh	Chồng	5.000	0,02%

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13. Tài sản

Tài sản cố định của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản (85,87% tổng tài sản). Cơ cấu tài sản của Công ty phù hợp với cơ cấu tài sản của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển do đầu tư cơ sở hạ tầng với giá trị lớn.

Bảng số 46: Tình hình tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2020 và 30/06/2021

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020		30/06/2021	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản hữu hình	513.286.581.413	288.360.875.694	512.246.176.413	279.054.429.016
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	468.343.582.235	272.249.582.671	468.343.582.235	264.456.448.044
2	Máy móc thiết bị	30.184.224.686	12.561.390.629	30.184.224.686	11.524.436.968

	(*)				
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.532.759.087	3.362.007.237	12.492.354.087	2.981.856.561
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.226.015.405	187.895.157	1.226.015.405	91.687.443
II	Tài sản vô hình	195.000.000	171.201.613	195.000.000	151.701.613
1	Phần mềm máy tính	195.000.000	171.201.613	195.000.000	151.701.613
	Tổng cộng	513.481.581.413	288.532.077.307	512.441.176.413	279.206.130.629

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Trong đó, bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward - Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản được hình thành từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với CTCP Hàng Hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2021 là 2.782.986.124 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.429.591.448 VND.

Bảng số 47: Tình hình tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2020 và 30/06/2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2020		30/06/2021	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản hữu hình	524.917.023.753	293.865.165.237	523.473.995.829	284.055.309.270
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	468.343.582.235	272.249.582.669	468.343.582.235	264.456.448.042
2	Máy móc thiết bị (*)	35.809.420.196	15.270.932.589	35.849.920.196	14.024.320.067
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.738.915.008	5.357.663.914	17.255.387.084	4.683.762.810
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.025.106.314	986.986.065	2.025.106.314	890.778.351
II	Tài sản vô hình	195.000.000	171.201.613	195.000.000	151.701.613
1	Phần mềm máy tính	195.000.000	171.201.613	195.000.000	151.701.613
	Tổng cộng	525.112.023.753	294.036.366.850	523.668.995.829	284.207.010.883

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Trong đó, bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản được hình thành từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với

CTCP Hàng Hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2021 là 2.782.986.124 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.053.281.625 VND.

• **Chi tiết một số tài sản có giá trị lớn của Công ty:**

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2021 (VND)
I	Nhà cửa vật kiến trúc				
1	Văn phòng làm việc (khu A)	m ²	1.541	9.314.598.183	6.002.169.318
2	Văn phòng làm việc (khu B)	m ²	719	2.025.167.280	431.929.471
3	Cửa hàng xăng dầu	m ²	55	956.238.433	297.891.705
4	VP Trung tâm khai thác	m ²	400	3.226.207.273	1.996.822.433
5	Công kiểm soát liên ngành	HT	1	1.740.051.817	963.901.297
6	Đường ống cấp nước cầu cảng	m	960	952.593.637	649.146.483
7	Kho hàng	m ²	14.745	17.827.496.240	2.808.913.074
8	Bến số 1 - 30.000 DWT	mét	180	141.434.822.467	37.479.128.679
9	Bến số 2 - 50.000 DWT	mét	182	233.227.588.335	185.264.800.318
10	Bến thủy nội địa	HT	1	5.669.597.576	3.679.827.689
11	Đường trục giao thông nội bộ	mét	1.383	10.459.708.733	5.815.459.536
12	Bãi hàng	m ²	106.132	39.203.748.684	18.638.341.265
II	Máy móc thiết bị				
1	Cầu trục xoay Liebherr 40T	Chiếc	1	20.073.726.958	5.550.351.635
2	Xe cầu TADANO	Chiếc	1	600.000.000	0
3	Cầu Gottwald HMK-280E (40% BCC)	Chiếc	1	7.000.000.000	4.217.013.876
4	Xe quét rác hút bụi Model: Duvelo 850	Chiếc	1	2.277.272.728	1.698.771.993
5	Xe Captiva LTZ 7 chỗ	Chiếc	1	1.040.405.000	0
6	Xe Toyota Camry 2.5Q	Chiếc	1	1.303.745.455	268.510.727
7	Xe tải ben Thaco 2T	Chiếc	1	348.190.000	0
8	Xe ô tô 7 chỗ KIA SEDONA 2.2L	Chiếc	1	1.228.869.091	857.235.285

9	Tàu kéo TLA05 1500 HP	Chiếc	1	1.645.687.619	0
10	Tàu kéo CR04 960 HP	Chiếc	1	2.037.156.393	0
11	Băng chuyên làm hàng rời	Bộ	3	876.899.745	0
12	Gàu ngoạm điều khiển YK20-J4-8.00	Bộ	3	1.860.909.091	114.609.695
13	Trạm cân điện tử 120T	HT	1	279.000.000	103.650.000
14	Gàu ngoạm thủy lực 8m ³	Cái	1	836.363.636	589.369.024
15	Hệ thống điện mặt trời áp mái nổi lưới	Kwp	50	799.090.909	743.240.461

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

Bảng số 48: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (*)	-	225.766.363	225.766.363
2	Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	199.999.999
Tổng cộng		-	225.766.363	425.766.362

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

Bảng số 49: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (*)	-	225.766.363	225.766.363
2	Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	199.999.999
Tổng cộng		-	225.766.363	425.766.362

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

(*) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 58.049.378.000 VND;
- Địa điểm thực hiện: phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Mục tiêu đầu tư: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn của chủ sở hữu là Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh chiếm 70%, vốn vay thương mại chiếm khoảng 30% tổng vốn đầu tư của dự án;
- Thời gian thực hiện đầu tư: Từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2022;
- Tại thời điểm 30/06/2021, dự án hiện đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục pháp lý để phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Danh mục đất đai Công ty quản lý đến thời điểm hiện tại

TT	Số Hợp đồng	Địa điểm	Nội dung chính	Diện tích (m ²)	Mục đích	Thời hạn
1	42/2007/HĐTĐ ngày 14/07/2007	Khu vực bãi bồi, Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	25.000,0	Xây dựng nhà máy chế biến dăm gỗ xuất khẩu	Đến ngày 09/04/2027
2	86/2010/HĐTĐ ngày 21/09/2010	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	11.470,8	Xây dựng khu hành chính Cảng Cam Ranh	Đến ngày 04/06/2039
3	18/2011/HĐTĐ ngày 24/03/2011	Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	68.600,0	Xây dựng kho bãi và dịch vụ hậu cần cảng	Đến ngày 30/10/2027
4	58/2013/HĐTĐ ngày 16/09/2013	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	90.000,0	Xây dựng Kho bãi và phía Tây Cảng Cam Ranh	Đến ngày 27/10/2051
5	87/2014/HĐTĐ ngày 29/08/2014	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	49.037,7	Thực hiện dự án Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	Đến ngày 09/04/2054
6	84/2018/HĐTĐ ngày 22/06/2018	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	8.255,5	Xây dựng khu hành chính trung tâm (đất thương mại, dịch vụ)	Đến ngày 30/10/2058

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2021

Năm 2020, dưới những tác động tiêu cực của dịch viêm đường hô hấp cấp Covid - 19 đến nền kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của

Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể, đặc biệt là với hoạt động bốc xếp hàng hoá. Căn cứ vào công tác điều tra, khảo sát, phân tích thị trường, tình hình kế hoạch hàng hoá của các chủ hàng thông qua Cảng năm 2020; mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực, dự kiến cơ cấu sản lượng hàng hoá năm 2021 và đặc điểm tình hình phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 và năm 2022 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng số 50: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2021		KH năm 2022 (*)	
		Giá trị	% tăng giảm so với 2020	Giá trị	% tăng giảm so với 2021
I. CÔNG TY MẸ					
Vốn điều lệ	Tr.đồng	245.018	0,0%	245.018	0,0%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	149.800	11,7%	182.800	22,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	24.800	6,6%	26.000	4,8%
Tỷ lệ LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	16,6%	/	14,2%	/
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	10,1%	/	10,6%	/
II. HỢP NHẤT					
Vốn điều lệ	Tr.đồng	245.018	0,0%	245.018	0,0%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	158.750	13,6%	184.000	15,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	25.200	5,8%	26.700	6,0%
Tỷ lệ LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	15,9%	/	14,5%	/
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn điều lệ (VCSH)	%	10,3%	/	10,9%	/
Cổ tức	%	7,0%	/	6,5%	/

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

(*) Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua. Căn cứ vào kế hoạch năm 2021 và thực tế thực hiện, Ban lãnh đạo Công ty đã đề xuất kế hoạch năm 2022 như trên.

14.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch

- Các chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng qua khảo sát thực tế thị trường và tiếp cận trực tiếp khách hàng, trong đó đặc biệt quan tâm là các khách hàng lớn thuộc nhóm hàng xuất khẩu, đồng thời phân tích dự kiến các ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước và các chính sách hỗ trợ hoặc hạn chế liên quan của địa phương. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng cân nhắc yếu tố dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp trong thời gian tới, sản lượng hàng hóa qua Cảng của Công ty chủ yếu là hàng rời, khả năng tiếp nhận lượng hàng và tàu đều nằm trong tầm dự địa phát triển của Công ty về công suất thiết kế cầu bến đến khả năng thiết bị, nhân công để đảm bảo năng suất khai thác hàng.

- Về dự kiến nguồn hàng năm 2021:

+ Đá xây dựng các loại: dự kiến năm 2021 các chủ hàng hiện tại đẩy mạnh xuất hàng bù đắp lại mức suy giảm năm 2020. Mặt khác, đã có thêm chủ hàng mới làm việc với Cảng nên Công ty dự kiến sản lượng mặt hàng này sẽ tăng.

+ Dăm gỗ xuất khẩu: Cảng Nam Vân Phong (gần vùng nguyên liệu từ Daklak xuống) đã đưa vào hoạt động, đây là đối thủ cạnh tranh lớn chia sẻ thị phần hàng dăm gỗ của Cảng Cam Ranh. Vì vậy, Công ty dự kiến sản lượng hàng dăm gỗ cho năm 2021 sẽ giảm.

+ Nhóm hàng thiết bị, cấu kiện: Các dự án phong điện, nhiệt điện cho Ninh Thuận, Bình Thuận tiếp tục triển khai, khảo sát năm 2021 khả năng có 3 dự án, tuy nhiên sẽ bị ảnh hưởng cạnh tranh từ cảng tổng hợp Vĩnh Tân (Bình Thuận) vừa đưa vào hoạt động.

+ Các mặt hàng nông khoáng sản, vật liệu xây dựng xuất nội địa (muối, cát đá xây dựng,...): ổn định sản lượng xuất, trong đó cát/đá xây dựng cung cấp cho nội địa tiếp tục tăng vì nhu cầu cao trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng sản lượng cát trắng xuất vào thị trường TP. Hồ Chí Minh cung cấp cho các nhà máy thủy tinh sẽ tiếp tục giữ mức ổn định trong năm 2021.

+ Các mặt hàng nhập nội địa (cement bao, clinker,...): sản lượng kế hoạch không giảm so với năm 2020.

+ Nhóm hàng khác: Cá đông lạnh và nhựa đường có chiều hướng tăng trưởng nhẹ (dự án cao tốc Bắc Nam chuẩn bị triển khai trong năm 2021). Nhóm này có sản lượng không cao nhưng giá trị khai thác tốt.

- Cảng Cam Ranh xây dựng Kế hoạch đầu tư năm 2021 chủ yếu tập trung vào việc nâng cấp khả năng khai thác cầu bến và mở rộng cơ sở hạ tầng như cầu dẫn, kho bãi theo nhu cầu của khách hàng và các công cụ phụ trợ cho thiết bị xếp dỡ.

- Tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các đơn vị trong Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để học hỏi được kinh nghiệm quản lý, khai thác cảng tăng năng lực và sức cạnh tranh của Công ty. Đẩy mạnh phối hợp với các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty trong chuỗi logistics chuyên sâu với dự kiến cơ hội mang lại trong năm là hợp tác khai thác đối với Tập đoàn Xi măng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (các dự án năng lượng, hàng thiết bị), Tập đoàn Hoà Phát, Formosa (hàng sắt, thép) qua Cảng Cam Ranh.

- Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, hướng đến hiệu suất thông qua các công cụ quản lý như BSC và KPI. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Trong kế hoạch ngắn hạn trước mắt, tập trung trả dứt điểm khoản nợ vay tín dụng đầu tư Bến số 2 (còn dư nợ 20 tỷ đồng), hạ thấp các chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, nâng cao khả năng thanh toán, bù đắp các thiếu hụt về dòng tiền. Xây dựng kế hoạch dài hạn về tăng tích lũy từ nội bộ Cảng Cam Ranh để nâng cao năng lực cho đầu tư phát triển.

Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021:

Đến hết 30/06/2021, tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cam Ranh đạt 1.398.164 tấn, vượt 3,6% kế hoạch được giao (1.350.000 tấn/6 tháng) và bằng 119% so với cùng kỳ. Trong đó, một số mặt hàng chủ lực thông qua Cảng đã có dấu hiệu hồi phục trở lại và tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước như: dăm gỗ, đá xây dựng, cát trắng, cá đông lạnh, thiết bị điện gió,...

Doanh thu thuần của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2021 là 108 tỷ đồng, đạt 68% kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trong 06 tháng đầu năm 2021 là 25,12 tỷ đồng, đạt 101% so với kế hoạch năm 2021; lợi nhuận sau thuế của Công ty hợp nhất trong 06 tháng đầu năm 2021 là 25,09 tỷ đồng, đạt 99,56% so với kế hoạch cả năm. Nguyên nhân là do trong kỳ, sản lượng bốc xếp, lưu kho bãi của hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nông sản, sản phẩm từ gỗ qua Cảng của Công ty tăng mạnh chủ yếu là hàng hóa của các nhà đầu

tư thuộc các dự án điện gió tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên đang trong giai đoạn gấp rút thi công lắp đặt thiết bị. Đồng thời, trong khoảng thời gian dịch bệnh Covid-19 vẫn được kiểm soát tốt, một số đơn vị sản xuất tại khu vực đã nhanh chóng tập trung sản xuất hàng hóa phục vụ cho thị trường xuất khẩu, nhờ đó sản lượng hàng hóa bốc xếp qua Cảng cũng gia tăng đáng kể và dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Hết 6 tháng đầu năm 2021, mặc dù Công ty đạt vượt mức hơn 50% so với chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu thuần nhưng đã đạt đến 99,6% so với chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận sau thuế. Kết quả này cho thấy phần nào những nỗ lực kiểm soát chi phí của Công ty trong các tháng đầu năm và dự kiến kết thúc năm 2021, Công ty sẽ đạt vượt mức về chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.

14.2 Kế hoạch đầu tư, dự án trong năm 2021:

Trong năm 2021, Công ty sẽ thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cụ thể:

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển đồng bộ: Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi; Đầu tư cầu trục trong các nhà kho; San lấp bãi đất và nâng cấp các bãi bê tông thành bãi tiêu chuẩn. Dự án nâng cao năng lực khai thác cảng là dự án lớn, đã được phê duyệt kế hoạch năm 2020, chuyển tiếp thực hiện sang năm 2021. Dự án này đã thuyết minh sự cần thiết phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển Cảng Cam Ranh giai đoạn 2021-2025. Cụ thể: Đầu tư một cầu dẫn song song với cầu dẫn hiện hữu có chiều rộng 15m, dài 135m để thuận lợi trong việc quay trở, lưu thông hàng hóa tại cầu bến; đầu tư một trụ neo tàu; nạo vét khu nước trước bến và vũng quay tàu; đầu tư nạo vét tuyến luồng hàng hải đảm bảo chuẩn tắc thiết kế cho tàu 50.000 DWT đầy tải vào ra an toàn; đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam công bố Bến số 1, tiếp nhận tàu 50.000 DTW giảm tải và Bến số 2 là 70.000 DWT giảm tải.
- Đầu tư mua sắm phương tiện, máy móc, thiết bị: Cầu cố định; Cầu di động; Băng tải làm hàng dầm gỗ rời; Công cụ, dụng cụ xếp dỡ; Trạm cân 80 tấn.

Bảng số 51: Các Dự án/ công trình chuyển tiếp từ năm 2020 và khởi công năm 2021

TT	Dự án/ công trình	Quy mô/ khối lượng	Tiến độ		Tổng mức đầu tư (tỷ.đ)
			Khởi công	Hoàn thành	
1	Dự án chuyển tiếp từ năm 2020				
1	Đầu tư XDCB				70,5
1.1	Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng - cảng Ba Ngòi (Nâng cấp bến số 1 lên 50.000 DWT và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải)	Cầu dẫn dài 135m, rộng 15m; Trụ neo tàu; Nạo vét khu nước, vũng quay tàu	10/2020	09/2022	58
1.2	Dự án Kho bãi phía tây	2,3ha	06/2021	09/2022	11
1.3	DA nạo vét duy tu luồng hàng hải	Độ sâu 13,5m - dài 2,3km	02/2020		1,5
2	Mua sắm thiết bị				

TT	Dự án/ công trình	Quy mô/ khối lượng	Tiến độ		Tổng mức đầu tư (tỷ.đ)
			Khởi công	Hoàn thành	
2.1	Cầu đi động/cố định	40-45 tấn	09/2021	09/2022	35
II Dự án khởi công năm 2021					
1	Đầu tư Xây dựng cơ bản				5,5
1.1	Hệ thống điện NLMT cầu cảng	6 Kwp	06/2021	09/2021	0,5
1.2	Thảm nhựa đường trục T1	736m	09/2021	11/2021	5
2	Mua sắm thiết bị				7
2.1	Băng tải làm hàng rời		03/2021	12/2021	6
2.2	Trạm cân 80T	Cân điện tử 80 tấn	03/2021	06/2021	1
Tổng cộng					118

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

14.3 Kế hoạch chi tiết chi phí sửa chữa của Công ty năm 2021:

Bảng số 52: Kế hoạch chi phí sửa chữa năm 2021

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sửa chữa hệ thống kho, bãi	m ³	6.000	250.000	1.500.000.000
2	Sửa chữa duy tu cầu bến				550.000.000
-	Bến số 1	Bến	1	200.000.000	200.000.000
-	Bến số 2	Bến	1	250.000.000	250.000.000
-	Cầu dẫn	Bến	1	100.000.000	100.000.000
3	Sửa chữa thiết bị và công cụ sản				350.000.000
-	Cầu Gottwald	Lượt	1	100.000.000	100.000.000
-	Công cụ làm hàng	Lượt	5	50.000.000	250.000.000
4	Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý (xe con, thiết bị văn phòng,...)	Lượt	10	30.000.000	300.000.000
5	Sửa chữa hệ thống đường nội bộ cầu cảng	Lượt	1	350.000.000	350.000.000
6	Sửa chữa hệ thống điện nước	Lượt	10	25.000.000	250.000.000
Tổng cộng					3.300.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS) đã tiến hành thu thập và xem xét các thông tin do Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch CTCP Cảng Cam Ranh đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho IRS và trong bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Cảng Cam Ranh, IRS cho rằng kế hoạch kinh doanh của Cảng Cam Ranh được xây dựng dựa trên tiềm lực thực tế của Công ty và tiềm năng tăng trưởng ngành Cảng biển trong các năm tới. Căn cứ và năng lực đội ngũ lãnh đạo, trình độ khoa học công nghệ trong sản xuất, cũng như định hướng chiến lược đúng đắn, nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động đến kinh doanh của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận của Công ty dự kiến là phù hợp và khả thi cũng như Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại Chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mã chứng khoán: CCR

3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

– Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 24.501.817 cổ phiếu

– Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết tính theo mệnh giá: 245.018.170.000 đồng

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 109 Nghị định 155/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2020: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các

cá nhân trên đại diện năm giữ”

Tổng số cổ phiếu của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định là 23.423.417 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 95,60% vốn điều lệ.

Bảng số 53: Danh sách và số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

TT	Họ và tên	Chức danh	SLCP	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong 6 tháng tiếp theo
1.	Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT	52.600	52.600	26.300
2.	Nguyễn Viết Nhâm	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	11.400	11.400	5.700
3.	Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	5.000	5.000	2.500
4.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	7.600	7.600	3.800
5.	Nguyễn Huy Phương	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Người được ủy quyền CBTT	4.000	4.000	2.000
6.	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn. - Ông Phạm Hữu Tấn (Chủ tịch HĐQT) – Đại diện: 5.661.815 cổ phần; - Ông Nguyễn Viết Nhâm (TV HĐQT kiêm TGD) – Đại diện: 5.390.400 cổ phần; - Bà Kiều Phương Ngọc (TV HĐQT) – Đại diện: 4.410.400 cổ phần; - Bà Nguyễn Thị Yến (TV HĐQT) – Đại diện: 4.410.400 cổ phần.	19.823.015	19.823.015	9.911.508
7.	CTCP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	Cổ đông lớn. Ông Nguyễn Văn Tài – Thành viên HĐQT – Đại diện vốn	3.497.102	3.497.102	1.748.551
	Tổng Cộng		23.400.717	23.400.717	11.700.359

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh)

6. Phương pháp tính giá

6.1 Tính giá

6.1.1 Giá trị sổ sách cổ phiếu

Căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021 của Công ty, giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Bảng số 54: Giá trị sổ sách của Công ty

TT	Chỉ tiêu	Giá 01 cổ phiếu
1	Giá trị sổ sách tại 31/12/2019	11.072 đồng
2	Giá trị sổ sách tại 31/12/2020	11.274 đồng
3	Giá trị sổ sách tại 30/06/2021	11.946 đồng

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty)

6.1.2 Phương pháp tính giá

a) Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{EPS} * \text{P/E bình quân}$$

Trong đó:

P : Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS : Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân : là P/E bình quân của các doanh nghiệp trong ngành được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

b) Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{BVS} * \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

P : Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BVS : Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

P/B bình quân : là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6.2 Giá dự kiến chào sàn

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, cùng với giá giao dịch cổ phiếu CCR

trên thị trường UPCOM, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu của Công ty sẽ do Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngày 17/06/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Văn bản số 2961/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh. Theo đó, hiện tại, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty là 0%.

Tại ngày 09/09/2021, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0% (tương đương 0 cổ phần).

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng hiện nay là 10%.

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty:

➤ Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1%.
- Kỳ tính thuế:
 - + Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - + Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển

nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

➤ **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$\text{Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất}$

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

$\text{Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu} = \text{Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng} \times 0,1\%$

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Tầng 12 tòa nhà CDC số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3944 6666

Website : <http://www.irs.com.vn/>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC CÔNG TY MẸ VÀ BCTC HỢP NHẤT NĂM 2019**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ : Tầng 05, Tháp B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 5678 3999

Website : <https://www.uhy.vn/vi>

- **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC CÔNG TY MẸ, BCTC HỢP NHẤT NĂM 2020 VÀ SOÁT XÉT BCTC CÔNG TY MẸ, BCTC HỢP NHẤT BÁN NIÊN NĂM 2021**

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 01, Lê Phụng Hiểu, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3824 1990

Website : <https://aasc.com.vn/web/index.php>

VII. PHỤ LỤC

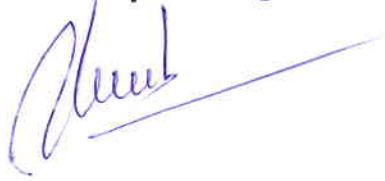
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết;
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán năm 2019, 2020 của Công ty;
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2019, 2020 của Công ty;
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2021 của Công ty;
7. Các phụ lục khác (nếu có).

Cam Ranh, ngày 29 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM HỮU TẤN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



DƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



M.S.D.N: 420027
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG
CAM RANH
TP. CAM RANH - T. KHÁNH HÒA

NGUYỄN VIỆT NHÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HUY PHƯƠNG

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC



S.S.P. CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

TRẦN THỊ THU HƯƠNG